

**BẢNG TỔNG HỢP**  
**Danh sách ủng hộ người dân các tỉnh phía Bắc**  
**khắc phục khó khăn do bão số 3 (bão Yagi) gây ra**

| STT | Ngày       | HỌ TÊN                 | Địa chỉ                          | SỐ TIỀN    | Ghi chú |
|-----|------------|------------------------|----------------------------------|------------|---------|
| 1   | 10/09/2024 | Trịnh Thị Thanh Xuân   | Tây Ninh                         | 500.000    | NHCSXH  |
| 2   | 10/09/2024 | Trần Thanh Giang       | Tây Ninh                         | 100.000    | NHCSXH  |
| 3   | 10/09/2024 | Trần Lê Mỹ Ngân        | Tây Ninh                         | 200.000    | NHCSXH  |
| 4   | 11/09/2024 | TMDVSXXNK Đức Thành    |                                  | 50.000.000 | KBNN    |
| 5   | 11/09/2024 | Bà Trần Thị Sủi-AHLLVT | Tân Châu-Tây Ninh                | 10.000.000 | NHCSXH  |
| 6   | 11/09/2024 | Ông Ngô Văn Thái       | Khu phố 1, Phường 3, tp Tây Ninh | 6.477.000  | TM      |
| 7   | 11/09/2024 | Lý Đức Trung           |                                  | 500.000    | KBNN    |
| 8   | 11/09/2024 | Ngô Thị Tiên           |                                  | 200.000    | KBNN    |
| 9   | 11/09/2024 | Phạm Quốc Khánh        |                                  | 1.000.000  | KBNN    |
| 10  | 11/09/2024 | Mai Tấn Năng           | Phước Hòa, Suối Đá, DMC          | 300.000    | KBNN    |
| 11  | 11/09/2024 | Võ Thanh Hiếu Trung    |                                  | 200.000    | KBNN    |
| 12  | 11/09/2024 | Nguyễn Thanh Bình      |                                  | 2.000.000  | KBNN    |
| 13  | 11/09/2024 | Hồ Thị Diễm            |                                  | 500.000    | KBNN    |
| 14  | 11/09/2024 | Huỳnh Thị Cẩm Nhung    |                                  | 300.000    | KBNN    |

|    |            |                                                           |                                   |            |        |
|----|------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------|--------|
| 15 | 11/09/2024 | Nguyễn Thị Thanh Mai                                      |                                   | 500.000    | KBNN   |
| 16 | 11/09/2024 | Phan Đức Tuấn                                             |                                   | 70.000     | KBNN   |
| 17 | 11/09/2024 | Kim Trang                                                 |                                   | 300.000    | NHCSXH |
| 18 | 11/09/2024 | Lại Thị Nam Phương                                        | Trung Vương-Châu Thành-TN         | 500.000    | NHCSXH |
| 19 | 11/09/2024 | Nguyễn Tấn Chí                                            |                                   | 1.000.000  | NHCSXH |
| 20 | 11/09/2024 | Cá nhân CK chứng từ<br>24091108654655                     |                                   | 500.000    | NHCSXH |
| 21 | 11/09/2024 | Võ Thị Sơn                                                |                                   | 3.000.000  | NHCSXH |
| 22 | 11/09/2024 | Nguyễn Thị Ánh Phương                                     |                                   | 500.000    | NHCSXH |
| 23 | 11/09/2024 | Hợp tác xã Dịch vụ NN<br>Minh Trung                       |                                   | 2.000.000  | NHCSXH |
| 24 | 11/09/2024 | Cá nhân CK chứng từ<br>24091108655784                     |                                   | 500.000    | NHCSXH |
| 25 | 11/09/2024 | Trần Thị Bích Hằng                                        |                                   | 1.000.000  | NHCSXH |
| 26 | 11/09/2024 | Nguyễn Văn Hương                                          |                                   | 1.000.000  | NHCSXH |
| 27 | 11/09/2024 | Tập thể nhân viên Công<br>ty Cổ phần TM DV XNK<br>Gia Lâm |                                   | 28.797.203 | KBNN   |
| 28 | 11/09/2024 | Nguyễn Thị Hà                                             | Trường THCS<br>Nguyễn Văn<br>Linh | 1.000.000  | NHCSXH |
| 29 | 11/09/2024 | CT CP DTHT CCN Tân<br>Hội                                 |                                   | 11.200.000 | NHCSXH |

|    |            |                       |                         |           |        |
|----|------------|-----------------------|-------------------------|-----------|--------|
| 30 | 11/09/2024 | Phương Loan           |                         | 200.000   | NHCSXH |
| 31 | 11/09/2024 | IBFT                  |                         | 300.000   | NHCSXH |
| 32 | 11/09/2024 | Lê Thị Thu Lam        |                         | 500.000   | NHCSXH |
| 33 | 11/09/2024 | Nguyễn Thị Kim Linh   |                         | 200.000   | NHCSXH |
| 34 | 11/09/2024 | Nguyễn Tấn Tài        |                         | 500.000   | NHCSXH |
| 35 | 11/09/2024 | Phương Huyền          |                         | 300.000   | NHCSXH |
| 36 | 11/09/2024 | Huỳnh Thị Ngọc Hương  |                         | 1.000.000 | NHCSXH |
| 37 | 11/09/2024 | IBFT Sa Ty Gia        |                         | 200.000   | NHCSXH |
| 38 | 11/09/2024 | Trần Văn Luận         |                         | 500.000   | NHCSXH |
| 39 | 11/09/2024 | Nguyễn Thị Thùy Trang |                         | 1.000.000 | NHCSXH |
| 40 | 11/09/2024 | Nguyễn Thị Thu Trinh  | Trường MN<br>Thanh Điền | 1.000.000 | NHCSXH |
| 41 | 11/09/2024 | Cao Xuân Bảo          | Suối Ngô - Tân<br>Châu  | 500.000   | NHCSXH |
| 42 | 11/09/2024 | Mai Thị Kim Thanh     |                         | 100.000   | NHCSXH |
| 43 | 11/09/2024 | Đỗ Ngọc Lương         |                         | 1.000.000 | NHCSXH |

|    |            |                            |                 |            |        |
|----|------------|----------------------------|-----------------|------------|--------|
| 44 | 11/09/2024 | Phan Trung Kiên            |                 | 1.000.000  | NHCSXH |
| 45 | 11/09/2024 | VP HDNDUBND huyện Tân Châu |                 | 1.000.000  | NHCSXH |
| 46 | 11/09/2024 | Trần Thị Trường An         |                 | 500.000    | NHCSXH |
| 47 | 11/09/2024 | CT 24091108661428          |                 | 300.000    | NHCSXH |
| 48 | 11/09/2024 | Thanh Hoàng Dũng           |                 | 1.000.000  | NHCSXH |
| 49 | 11/09/2024 | CT 24091108662120          |                 | 500.000    | NHCSXH |
| 50 | 11/09/2024 | CT 24091108662360          |                 | 2.000.000  | NHCSXH |
| 51 | 11/09/2024 | CT 24091108662395          |                 | 50.000     | NHCSXH |
| 52 | 11/09/2024 | Trần Phạm Đăng Khoa        |                 | 100.000    | NHCSXH |
| 53 | 11/09/2024 | Trần Phạm Khôi Nguyên      |                 | 100.000    | NHCSXH |
| 54 | 11/09/2024 | Huỳnh Thị Cẩm Thu          |                 | 200.000    | NHCSXH |
| 55 | 11/09/2024 | Nguyễn Thị Quê Hương       |                 | 500.000    | NHCSXH |
| 56 | 11/09/2024 | Triều Mỹ Linh              |                 | 300.000    | NHCSXH |
| 57 | 11/09/2024 | Nguyễn Thị Thanh Bình      |                 | 500.000    | NHCSXH |
| 58 | 11/09/2024 | Lê Thị Nhi                 |                 | 300.000    | NHCSXH |
| 60 | 11/09/2024 | CT 24091108664260          |                 | 300.000    | NHCSXH |
| 61 | 11/09/2024 | CDV Báo Tây Ninh           |                 | 11.400.000 | NHCSXH |
| 62 | 11/09/2024 | Trần Thị Mai               | Non Hướng Dương | 850.000    | KBNN   |

|    |            |                                          |  |                    |        |
|----|------------|------------------------------------------|--|--------------------|--------|
| 63 | 11/09/2024 | Nguyễn Thị Huyền                         |  | 500.000            | KBNN   |
| 64 | 11/09/2024 | Bùi Thị Nga                              |  | 200.000            | KBNN   |
| 65 | 11/09/2024 | Nguyễn Minh Kha                          |  | 100.000            | KBNN   |
| 66 | 11/09/2024 | Trần Thị Thúy Vi                         |  | 200.000            | KBNN   |
| 67 | 11/09/2024 | Trần Việt Đăng Khoa                      |  | 400.000            | KBNN   |
| 68 | 11/09/2024 | Công đoàn viên<br>MTTQVN tỉnh            |  | 5.200.000          | TM     |
|    |            | <b>Cộng phát sinh ngày<br/>11/9/2024</b> |  | <b>158.944.203</b> |        |
| 1  | 12/09/2024 | CT 24091108664985                        |  | 100.000            | NHCSXH |
| 2  | 12/09/2024 | Cơ quan UBKTHU Tân<br>Châu               |  | 250.000            | NHCSXH |
| 3  | 12/09/2024 | Trần Thị Thúy Hằng                       |  | 100.000            | NHCSXH |
| 4  | 12/09/2024 | Hồ Thị Duyên                             |  | 1.000.000          | NHCSXH |
| 5  | 12/09/2024 | Nguyễn Phước Vinh                        |  | 200.000            | NHCSXH |
| 6  | 12/09/2024 | Võ Tân Hiệp                              |  | 100.000            | NHCSXH |
| 7  | 12/09/2024 | Hà Thị Xuân Thủy                         |  | 500.000            | NHCSXH |
| 8  | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Vân                           |  | 200.000            | NHCSXH |
| 9  | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Lê Khanh                      |  | 500.000            | NHCSXH |
| 10 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Ngọc Hà                       |  | 200.000            | NHCSXH |
| 11 | 12/09/2024 | Trần Thị Tú Anh                          |  | 500.000            | NHCSXH |

|    |            |                        |              |           |        |
|----|------------|------------------------|--------------|-----------|--------|
| 12 | 12/09/2024 | Kim Dung               |              | 1.000.000 | NHCSXH |
| 13 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Kim Liên    |              | 500.000   | NHCSXH |
| 14 | 12/09/2024 | Quỹ Hamster            |              | 5.855.000 | NHCSXH |
| 15 | 12/09/2024 | Vũ Thị Phương Lan      |              | 500.000   | NHCSXH |
| 16 | 12/09/2024 | Hồ Đức Hải             |              | 1.000.000 | NHCSXH |
| 17 | 12/09/2024 | Nguyen Tu Duc Hoc      | Thanh Tra TN | 1.000.000 | NHCSXH |
| 18 | 12/09/2024 | Phở Bay Châu Thành     |              | 2.000.000 | NHCSXH |
| 19 | 12/09/2024 | Lê Quẹo                |              | 1.000.000 | NHCSXH |
| 20 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Thanh Chung |              | 200.000   | NHCSXH |
| 21 | 12/09/2024 | Nguyễn Ngọc Hân        |              | 1.000.000 | NHCSXH |
| 22 | 12/09/2024 | CT 24091108671415      |              | 200.000   | NHCSXH |
| 23 | 12/09/2024 | Hồ Cẩm Nhung           |              | 300.000   | NHCSXH |
| 24 | 12/09/2024 | CT 24091108671542      |              | 500.000   | NHCSXH |
| 25 | 12/09/2024 | Nguyễn Thanh Châu      |              | 1.000.000 | NHCSXH |
| 26 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Phương      |              | 1.000.000 | NHCSXH |
| 27 | 12/09/2024 | Phạm Ngọc Chân         |              | 500.000   | NHCSXH |

|    |            |                       |  |           |        |
|----|------------|-----------------------|--|-----------|--------|
| 28 | 12/09/2024 | Lê Thị Bích Thuận     |  | 300.000   | NHCSXH |
| 29 | 12/09/2024 | Cty Khai Minh         |  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 30 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Kim Loan   |  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 31 | 12/09/2024 | Ct24091108672451      |  | 500.000   | NHCSXH |
| 32 | 12/09/2024 | CR24091108672697      |  | 200.000   | NHCSXH |
| 33 | 12/09/2024 | BTS PG huyện Tân Châu |  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 34 | 12/09/2024 | Nguyễn Ngọc Nga       |  | 500.000   | NHCSXH |
| 35 | 12/09/2024 | Lê Văn Thanh          |  | 500.000   | NHCSXH |
| 36 | 12/09/2024 | Nguyễn Đình Đạt       |  | 50.000    | NHCSXH |
| 37 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Thanh Thủy |  | 200.000   | NHCSXH |
| 38 | 12/09/2024 | Nguyen Chon Trieu     |  | 500.000   | NHCSXH |
| 39 | 12/09/2024 | CT2409118673968       |  | 200.000   | NHCSXH |
| 40 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Trúc Đào   |  | 200.000   | NHCSXH |
| 41 | 12/09/2024 | Phạm Ngọc Chung       |  | 200.000   | NHCSXH |

|    |            |                     |                 |           |        |
|----|------------|---------------------|-----------------|-----------|--------|
| 42 | 12/09/2024 | Phạm Thị Hoa        |                 | 1.000.000 | NHCSXH |
| 43 | 12/09/2024 | Ngô Thị Phương Hằng |                 | 300.000   | NHCSXH |
| 44 | 12/09/2024 | Nguyễn Mạnh Hùng    |                 | 300.000   | NHCSXH |
| 45 | 12/09/2024 | Lê Thị Ngọc Diễm    |                 | 100.000   | NHCSXH |
| 46 | 12/09/2024 | Nguyễn Hồng Yến     |                 | 500.000   | NHCSXH |
| 47 | 12/09/2024 | Lâm Thị Hồng Phương |                 | 200.000   | NHCSXH |
| 48 | 12/09/2024 | Lê Lý Như Quỳnh     |                 | 200.000   | NHCSXH |
| 49 | 12/09/2024 | CT24091208676245    |                 | 500.000   | NHCSXH |
| 50 | 12/09/2024 | Lưu Thị Hồng Phương | Bà Đồn- Gò Dầu  | 500.000   | NHCSXH |
| 51 | 12/09/2024 | Lê Nghĩa Hiệp       |                 | 500.000   | NHCSXH |
| 52 | 12/09/2024 | Trần Thị Thanh Hằng |                 | 1.000.000 | NHCSXH |
| 53 | 12/09/2024 | DNTN Kim Hiếu Lâm   |                 | 1.000.000 | NHCSXH |
| 54 | 12/09/2024 | Trần Thị Thảo Sương |                 | 999.999   | NHCSXH |
| 55 | 12/09/2024 | Trần Thị Thu Thủy   |                 | 200.000   | NHCSXH |
| 56 | 12/09/2024 | LUU TU THANH        |                 | 2.000.000 | NHCSXH |
| 57 | 12/09/2024 | Phạm Thị Ngọc Duyên |                 | 200.000   | NHCSXH |
| 58 | 12/09/2024 | Trần Trí Thông      | Nguyễn Văn Linh | 100.000   | NHCSXH |



|    |            |                     |  |           |        |
|----|------------|---------------------|--|-----------|--------|
| 59 | 12/09/2024 | CT24091208677951    |  | 200.000   | NHCSXH |
| 60 | 12/09/2024 | Hoàng Kim           |  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 61 | 12/09/2024 | Ct24091208678327    |  | 200.000   | NHCSXH |
| 62 | 12/09/2024 | TRI THUC TAN HUNG   |  | 900.000   | NHCSXH |
| 63 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Tường Vy |  | 2.000.000 | NHCSXH |
| 64 | 12/09/2024 | CR24091208678967    |  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 65 | 12/09/2024 | Lê Thị Ngọc Phú     |  | 500.000   | NHCSXH |
| 66 | 12/09/2024 | Lê Thế Phương       |  | 500.000   | NHCSXH |
| 67 | 12/09/2024 | Phan Thị Ngọc Bích  |  | 5.000.000 | NHCSXH |
| 68 | 12/09/2024 | Lê Thị Quỳnh Trang  |  | 500.000   | NHCSXH |
| 69 | 12/09/2024 | Lâm Thanh Tân       |  | 5.000.000 | NHCSXH |
| 70 | 12/09/2024 | Trần Thị Mai        |  | 200.000   | NHCSXH |
| 71 | 12/09/2024 | CT24091208679364    |  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 72 | 12/09/2024 | Phan Thị Huyền Linh |  | 500.000   | NHCSXH |
| 73 | 12/09/2024 | Dương Danh Thanh    |  | 200.000   | NHCSXH |
| 74 | 12/09/2024 | Lâm Thị Hồng        |  | 500.000   | NHCSXH |
| 75 | 12/09/2024 | Trần Hoàng Dương    |  | 500.000   | NHCSXH |
| 76 | 12/09/2024 | Lê Công Hội         |  | 200.000   | NHCSXH |

|    |            |                                      |            |            |        |
|----|------------|--------------------------------------|------------|------------|--------|
| 77 | 12/09/2024 | Dương thanh Châu                     |            | 100.000    | NHCSXH |
| 78 | 12/09/2024 | Trần Thị Kim Nga                     | Tân Phú    | 200.000    | NHCSXH |
| 79 | 12/09/2024 | Bùi Nguyễn Trúc Quỳnh                |            | 50.000     | NHCSXH |
| 80 | 12/09/2024 | CT24091208680835                     |            | 100.000    | NHCSXH |
| 81 | 12/09/2024 | Đồng Tâm                             |            | 1.000.000  | NHCSXH |
| 82 | 12/09/2024 | Phạm Thanh Hảo                       |            | 100.000    | NHCSXH |
| 83 | 12/09/2024 | Đỗ Thị Bích Tiên                     |            | 500.000    | NHCSXH |
| 84 | 12/09/2024 | CB GV- NV Trường MN<br>Trung Vương   | Châu Thành | 4.600.000  | NHCSXH |
| 85 | 12/09/2024 | Lê Thành Trung                       |            | 1.000.000  | NHCSXH |
| 86 | 12/09/2024 | Nguyễn Thanh Bình                    |            | 1.000.000  | NHCSXH |
| 87 | 12/09/2024 | Phòng TC-KH                          | Tân Châu   | 500.000    | NHCSXH |
| 88 | 12/09/2024 | NHCSH Tỉnh Tây Ninh                  |            | 10.000.000 | NHCSXH |
| 89 | 12/09/2024 | CĐ Trường MG Phước<br>Vĩnh           |            | 2.850.000  | NHCSXH |
| 90 | 12/09/2024 | CR24091208682577                     |            | 1.000.000  | NHCSXH |
| 91 | 12/09/2024 | Thanh Thi Phuong Boi                 |            | 300.000    | NHCSXH |
| 92 | 12/09/2024 | Bùi Quang Thông +<br>Nguyễn Văn Diên |            | 300.000    | NHCSXH |
| 93 | 12/09/2024 | Nguyễn Thế Anh                       |            | 100.000    | NHCSXH |
| 94 | 12/09/2024 | Huỳnh Thị Kiều Oanh                  |            | 500.000    | NHCSXH |

|     |            |                            |                         |            |        |
|-----|------------|----------------------------|-------------------------|------------|--------|
| 95  | 12/09/2024 | CR24091208684441           |                         | 500.000    | NHCSXH |
| 96  | 12/09/2024 | Nhóm BDKTQPAN              |                         | 8.000.000  | NHCSXH |
| 97  | 12/09/2024 | Huỳnh Văn Quyên            |                         | 1.500.000  | NHCSXH |
| 98  | 12/09/2024 | CT24091208684769           |                         | 200.000    | NHCSXH |
| 99  | 12/09/2024 | CT24091208684800           |                         | 200.000    | NHCSXH |
| 100 | 12/09/2024 | Ông Nguyễn Văn Vận         | Tổ 18 KP 2, Tt Tân Biên | 50.000.000 | NHCSXH |
| 101 | 12/09/2024 | Võ Văn Phúc                | Tổ 17 KP 2, Tt Tân Biên | 1.000.000  | NHCSXH |
| 102 | 12/09/2024 | Quỹ Tín Dụng Nhân Hiệp Tân |                         | 5.000.000  | NHCSXH |
| 103 | 12/09/2024 | CT24091208685155           |                         | 1.000.000  | NHCSXH |
| 104 | 12/09/2024 | CT29091208685889           |                         | 500.000    | NHCSXH |
| 105 | 12/09/2024 | CT29091208685927           |                         | 500.000    | NHCSXH |
| 106 | 12/09/2024 | Trần Thị Như Quý           |                         | 1.050.000  | NHCSXH |
| 107 | 12/09/2024 | Lê Văn Giang               |                         | 200.000    | NHCSXH |
| 108 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Thùy Dương      |                         | 150.000    | NHCSXH |
| 109 | 12/09/2024 | Nguyễn Tân Trí             |                         | 100.000    | NHCSXH |
| 110 | 12/09/2024 | Phạm Thị Thương            |                         | 200.000    | NHCSXH |
| 111 | 12/09/2024 | Lê Trung Hậu               |                         | 5.000.000  | NHCSXH |
| 112 | 12/09/2024 | Hội Nhà Báo Tây Ninh       |                         | 1.000.000  | NHCSXH |

|     |            |                           |  |           |        |
|-----|------------|---------------------------|--|-----------|--------|
| 113 | 12/09/2024 | Trần Thị Hồng             |  | 200.000   | NHCSXH |
| 114 | 12/09/2024 | Hộ Đạo xã Tân Đông        |  | 2.000.000 | NHCSXH |
| 115 | 12/09/2024 | Phạm Thị Lam              |  | 2.000.000 | NHCSXH |
| 116 | 12/09/2024 | Đặng lê Hoàn              |  | 300.000   | NHCSXH |
| 117 | 12/09/2024 | Trần Minh Luân            |  | 500.000   | NHCSXH |
| 118 | 12/09/2024 | CT24091208687533          |  | 2.000.000 | NHCSXH |
| 119 | 12/09/2024 | Bùi Thị Kim Ngân          |  | 500.000   | NHCSXH |
| 120 | 12/09/2024 | Phạm Thị Tuyết Lành       |  | 200.000   | NHCSXH |
| 121 | 12/09/2024 | Phạm Thị Lem              |  | 100.000   | NHCSXH |
| 122 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Thanh<br>Duyên |  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 123 | 12/09/2024 | CT24091208687911          |  | 300.000   | NHCSXH |
| 124 | 12/09/2024 | Trần Thị Huỳnh Nga        |  | 300.000   | NHCSXH |
| 125 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Thu Thủy       |  | 200.000   | NHCSXH |
| 126 | 12/09/2024 | Bùi Ngọc Thân             |  | 500.000   | NHCSXH |
| 127 | 12/09/2024 | Nguyễn Văn Nghĩa          |  | 500.000   | NHCSXH |
| 128 | 12/09/2024 | Lê Minh Thu               |  | 500.000   | NHCSXH |
| 129 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Hiền           |  | 5.000.000 | NHCSXH |
| 130 | 12/09/2024 | Nguyễn Văn Thanh          |  | 200.000   | NHCSXH |

|     |            |                     |                  |           |        |
|-----|------------|---------------------|------------------|-----------|--------|
| 131 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Mong     |                  | 200.000   | NHCSXH |
| 132 | 12/09/2024 | Trương MG Âu Cơ     | huyện Châu Thành | 2.500.000 | NHCSXH |
| 133 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Thơm     | Nguyễn Văn Linh  | 2.000.000 | NHCSXH |
| 134 | 12/09/2024 | CT24091208690241    |                  | 100.000   | NHCSXH |
| 135 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Ngọc Lê  |                  | 200.000   | NHCSXH |
| 136 | 12/09/2024 | Sophia Nguyễn       |                  | 500.000   | NHCSXH |
| 137 | 12/09/2024 | Hà thị Bé           |                  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 138 | 12/09/2024 | Mạch thị Thùy Dương |                  | 200.000   | NHCSXH |
| 139 | 12/09/2024 | Trần Thị Ngọc Minh  |                  | 2.000.000 | NHCSXH |
| 140 | 12/09/2024 | Lê Thị Mùa Đông     |                  | 200.000   | NHCSXH |
| 141 | 12/09/2024 | Phạm Lê Hoàng Nhi   |                  | 100.000   | NHCSXH |
| 142 | 12/09/2024 | Cao Ngọc Liên       |                  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 143 | 12/09/2024 | Nguyễn Bích Hạnh    |                  | 500.000   | NHCSXH |
| 144 | 12/09/2024 | CT24091208691655    |                  | 100.000   | NHCSXH |
| 145 | 12/09/2024 | Trần Quốc Cường     |                  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 146 | 12/09/2024 | Nguyễn Anh Mai      |                  | 100.000   | NHCSXH |
| 147 | 12/09/2024 | Võ Anh Quốc         |                  | 1.443.000 | NHCSXH |
| 148 | 12/09/2024 | CT24091208691877    |                  | 300.000   | NHCSXH |

|     |            |                    |  |           |        |
|-----|------------|--------------------|--|-----------|--------|
| 149 | 12/09/2024 | Hoàng Quỳnh Như    |  | 2.000     | NHCSXH |
| 150 | 12/09/2024 | Huỳnh Văn Tâm      |  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 151 | 12/09/2024 | Nguyễn Công Thúc   |  | 200.000   | NHCSXH |
| 152 | 12/09/2024 | Nguyễn Thủy Phương |  | 500.000   | NHCSXH |
| 153 | 12/09/2024 | Lê Trọng Nguyên    |  | 200.000   | NHCSXH |
| 154 | 12/09/2024 | LPSF120924148075   |  | 200.000   | NHCSXH |
| 155 | 12/09/2024 | Trần Quốc Thắng    |  | 200.000   | NHCSXH |
| 156 | 12/09/2024 | Nguyễn Trung Cấp   |  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 157 | 12/09/2024 | Phạm Thị Mai Toàn  |  | 200.000   | NHCSXH |
| 158 | 12/09/2024 | Lai Tua Anh        |  | 100.000   | NHCSXH |
| 159 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Hương   |  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 160 | 12/09/2024 | CB áp 2            |  | 1.900.000 | NHCSXH |
| 161 | 12/09/2024 | Vũ Văn Minh        |  | 500.000   | NHCSXH |
| 162 | 12/09/2024 | Trần Thị Thu Thủy  |  | 500.000   | NHCSXH |
| 163 | 12/09/2024 | Lê Thị Kiều Tiên   |  | 100.000   | NHCSXH |
| 164 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Cơ      |  | 500.000   | NHCSXH |
| 165 | 12/09/2024 | Nguyễn Văn Có      |  | 500.000   | NHCSXH |
| 166 | 12/09/2024 | Lê Thị Yên         |  | 200.000   | NHCSXH |

|     |            |                               |                              |            |        |
|-----|------------|-------------------------------|------------------------------|------------|--------|
| 167 | 12/09/2024 | Nguyễn Văn Thủy               |                              | 500.000    | NHCSXH |
| 168 | 12/09/2024 | CT24091208695254              |                              | 500.000    | NHCSXH |
| 169 | 12/09/2024 | Dương Thị Tươi                | xã Tân Lập                   | 500.000    | NHCSXH |
| 170 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Nga                | xã Tân Lập                   | 100.000    | NHCSXH |
| 171 | 12/09/2024 | Cao Thị Phương Thảo           |                              | 200.000    | NHCSXH |
| 172 | 12/09/2024 | CDV Trường THCS<br>Thanh Đông |                              | 200.000    | NHCSXH |
| 173 | 12/09/2024 | Trần Thị Hương                | Ninh Diên -<br>Châu Thành    | 200.000    | NHCSXH |
| 174 | 12/09/2024 | Mành Việt Hùng                | Trung - Hòa<br>Thành         | 50.000.000 | TM     |
| 175 | 12/09/2024 | Lê Thị Đồi                    | Nguyên CB<br>Hưu Trí         | 200.000    | TM     |
| 176 | 12/09/2024 | Trần Tuấn                     | Tân Bình - Tây<br>Ninh       | 200.000    | TM     |
| 177 | 12/09/2024 | Tập thể lớp Lá 1              | Trường Mầm<br>non 1/6        | 5.402.000  | TM     |
| 178 | 12/09/2024 | Lê Thị Tiếp                   | Hòa Thành                    | 2.000.000  | TM     |
| 179 | 12/09/2024 | Trường TH Nguyễn Thái<br>Bình | TP Tây Ninh                  | 3.700.000  | TM     |
| 180 | 12/09/2024 | HTX DVNN Tân Tiến             | Tân Châu                     | 15.000.000 | TM     |
| 181 | 12/09/2024 | Sở KHĐT tỉnh                  |                              | 11.460.000 | TM     |
| 182 | 12/09/2024 | Huỳnh thị Thơ                 | Phường 3, TP<br>TN           | 17.700.000 | TM     |
| 183 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Phú Xuân           | CQ VP Tỉnh Ủy                | 23.736.000 | KBNN   |
| 184 | 12/09/2024 | Nguyễn Thị Phú Xuân           | Hội Nghị BCH<br>Đảng Bộ tỉnh | 44.310.000 | KBNN   |

|     |            |                                                        |                       |                    |        |
|-----|------------|--------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------|--------|
| 185 | 12/09/2024 | Phạm Thị Tình                                          |                       | 300.000            | KBNN   |
| 186 | 12/09/2024 | VPCC Trần Đình Thanh                                   |                       | 5.000.000          | KBNN   |
| 187 | 12/09/2024 | Cty THHNDVTM<br>Hoàng Thắng                            |                       | 50.000.000         | KBNN   |
| 188 | 12/09/2024 | Cty THHNMTV Vật Tư<br>Nông Nghiệp                      |                       | 13.500.000         | KBNN   |
| 189 | 12/09/2024 | Võ Nguyễn Thu Phương                                   |                       | 200.000            | KBNN   |
| 190 | 12/09/2024 | Châu Thị Thanh Thủy                                    |                       | 50.000             | KBNN   |
| 191 | 12/09/2024 | MTV Xổ Số Kiến Thiết<br>Tây Ninh                       |                       | 121.000.000        | KBNN   |
| 192 | 12/09/2024 | Trần Văn Cường                                         |                       | 200.000            | KBNN   |
| 193 | 12/09/2024 | Vương Thế Anh                                          |                       | 400.000            | KBNN   |
| 194 | 12/09/2024 | Cty TNHH Viral Seven                                   | p3, tp Tp Tây<br>Ninh | 2.000.000          | KBNN   |
| 195 | 12/09/2024 | CÔNG TY TNHH SẢN<br>XUẤT THƯƠNG MẠI<br>DỊCH VỤ CHÚ HẢI |                       | 100.000.000        | KBNN   |
| 196 | 12/09/2024 | Trương Văn Minh                                        | Hòa Thành             |                    | 100USD |
|     |            |                                                        |                       |                    |        |
|     |            | <b>Cộng phát sinh đến 13h<br/>ngày 12/9/2024</b>       |                       | <b>664.457.999</b> |        |
|     | 13/09/2024 | Trần Nguyễn Nhật<br>Dương                              |                       | 500.000            | TM     |
|     | 13/09/2024 | Đoàn Văn Vĩnh                                          |                       | 1.000.000          | TM     |
|     | 13/09/2024 | Đinh Thị Ngọc Băng                                     |                       | 2.000.000          | TM     |
|     | 13/09/2024 | Hồ Duy Dẫn                                             |                       | 1.000.000          | TM     |



|  |            |                                                |               |            |        |
|--|------------|------------------------------------------------|---------------|------------|--------|
|  | 13/09/2024 | VP CC Bùi Quốc Toàn                            |               | 5.000.000  | TM     |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Quang Vinh                              |               | 1.000.000  | TM     |
|  | 13/09/2024 | PH và các em hs trường<br>TH Võ Thị Sáu        |               | 41.100.000 | TM     |
|  | 13/09/2024 | Tập Thể CB, GV, PH hs<br>trường MN Vành Khuyên |               | 10.000.000 | TM     |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Ngọc Hơ                                 |               | 1.000.000  | TM     |
|  | 13/09/2024 | Hội Cựu giáo chức tỉnh<br>TN                   |               | 2.000.000  | TM     |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Đình Lan                                |               | 2.000.000  | TM     |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Bích Phương                             |               | 200.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Lê Quốc Vinh                                   | xã Tân Lập    | 100.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Tiến Minh                               | UBND xã Thạnh | 300.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trần Minh Tâm                                  |               | 1.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Dương Thị Thắm                                 |               | 100.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Lâm Ngọc Thu                                   |               | 2.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Tập thể chi bộ 4 Suối<br>Dây Tân Châu          |               | 3.200.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Lý Văn Khôi                                    |               | 200.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Công Đoàn viên                                 | xã Thạnh Đông | 200.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Vũ Thị Tuyết Lan                               |               | 1.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CDCS QTD ND Thị<br>Trần Tân Châu               |               | 200.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Tất Thắng                               |               | 1.000.000  | NHCSXH |

|  |            |                      |                           |           |        |
|--|------------|----------------------|---------------------------|-----------|--------|
|  | 13/09/2024 | Huỳnh Thị Ngọc Dung  | dụng Thị trấn<br>Tân Châu | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CR 24091208697243    |                           | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CR 24091208697518    |                           | 2.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Huỳnh Kim Ngọc       | dụng Thị trấn<br>Tân Châu | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Gđ đ/c Lê Xuân Chanh | Bộ Đội biên<br>phòng      | 5.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | A Sĩ Rô              |                           | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Ngọc Hiền | CDCS QTD<br>TT Tân Châu   | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trần Thị Kiều Trang  | CDCS QTD<br>TT Tân Châu   | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Tạ Văn Tuyên         | CDCS QTD<br>TT Tân Châu   | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Phùng Văn Bông       |                           | 80.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Huỳnh Thanh Sang     | CDCS QTD<br>TT Tân Châu   | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Thân Thị Cúc         |                           | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Sơn, Giàu            |                           | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Kim       |                           | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Lưu Đình Sĩ          |                           | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Lê Thị Kim Hiền      |                           | 300.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Văn May       |                           | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Kim Phương Hà        | Tân Châu                  | 2.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Hà Thị Hiền          |                           | 500.000   | NHCSXH |

|  |            |                                          |                           |           |        |
|--|------------|------------------------------------------|---------------------------|-----------|--------|
|  | 13/09/2024 | CT24091208701124                         |                           | 500.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Văn Phước Bình                           |                           | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trần Thị Việt                            | Tân Biên                  | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Đàm Thị Bình                             |                           | 400.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trần Thị Kim Thủy                        | Hiệp Xuyên<br>Mộc brvtung | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CT24091208701901                         |                           | 500.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Phạm Thị Hiền                            |                           | 500.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Ct24091208701955                         |                           | 500.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trần Ngọc Gia Khanh,<br>Trần Ngọc Gia An |                           | 320.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CT24081208702109                         |                           | 300.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Võ Xuân Trúc                             |                           | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trần Thị Hương                           |                           | 500.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thanh Danh                        |                           | 2.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Lê Thị Kim Hương                         |                           | 500.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | TH Trường THCS<br>Nguyễn Văn Linh        | TP Tây Ninh               | 8.900.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn văn Dương                         |                           | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Hải Ngọc                          |                           | 500.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CT24091208703181                         |                           | 100.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Hội LHPN xã Trà Vong                     | Tân Biên                  | 1.000.000 | NHCSXH |

|  |            |                        |            |           |        |
|--|------------|------------------------|------------|-----------|--------|
|  | 13/09/2024 | Võ Thị Hoài Mộng       |            | 500.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CU TAN HUY             |            | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trường TH Hảo Đức B    | Châu Thành | 1.700.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Nga         |            | 5.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Như Quỳnh   |            | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Trung Hiếu      |            | 500.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Ngọc Trâm              |            | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Lê Thị Tiết Ngọc       |            | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Quốc Huy               |            | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Gđ bé Min              |            | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Kim Tiến               |            | 300.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Bùi Thị Bích Ngọc      |            | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thanh Hùng      |            | 500.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Minh Nguyệt |            | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   |            | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CT240991208706133      |            | 500.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CR240912087066264      |            | 500.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Phạm Nguyễn Trí Quang  |            | 5.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Gđ bé Shin             |            | 300.000   | NHCSXH |

|  |            |                        |                  |           |        |
|--|------------|------------------------|------------------|-----------|--------|
|  | 13/09/2024 | Đặng Xuân Sơn          |                  | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trần Thị Phát          |                  | 400.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Lê Huy Khang           | QTTD TT tân Châu | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Ngô Thị Trang          |                  | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trường TH Hảo Đức B    | Châu Thành       | 450.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Mỹ Linh     |                  | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trần Thảo Trang        |                  | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Gà Tiềm Nguyễn Long    |                  | 5.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CT24091308711123       |                  | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Tiếng       |                  | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CT24091308711516       |                  | 3.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Phạm Văn Minh          |                  | 300.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trường Bé Ngoan        |                  | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Hải Salon Phước Thảo   | Tân Biên         | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Tuyết Loan      |                  | 70.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CĐ Trường THCS Tân Hòa |                  | 7.907.411 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trần Thị Xuân Khương   |                  | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Bùi Thị Tuyết          |                  | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trần Thị Thắm          |                  | 500.000   | NHCSXH |

|  |            |                                    |                           |            |        |
|--|------------|------------------------------------|---------------------------|------------|--------|
|  | 13/09/2024 | Phan Thị Mỹ Lộc                    |                           | 1.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Lê Tuấn Vũ                         |                           | 100.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Kiều Thi Thu Trang                 |                           | 10.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Tập Thể CBGVNV<br>trường MG Hòa MI | Bình Minh                 | 2.850.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trần Thị Kim Hồng                  |                           | 1.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Khắc Bình                   |                           | 100.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trần Thị Phương Dung               |                           | 500.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Giang                   |                           | 600.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Lớp MG Sao Mai                     | Tân Biên                  | 1.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CT2409130814376                    |                           | 1.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Em Nguyễn Trần Phúc<br>An lớp 9a1  | trường THCS<br>Nguyễn Văn | 200.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CT24091308714482                   |                           | 300.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Cty Lộc Phát                       |                           | 5.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trần Văn Cường                     |                           | 500.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Vũ Thị Hương                       |                           | 1.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Bích Liễu               |                           | 1.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CT24091308716051                   |                           | 200.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | GĐ bé Phạm Minh Tâm                |                           | 200.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trường TH Hảo Đức A                |                           | 1.900.000  | NHCSXH |

|  |            |                                 |                    |           |        |
|--|------------|---------------------------------|--------------------|-----------|--------|
|  | 13/09/2024 | CT24091308716470                |                    | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CT24091308716582                |                    | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Lê Thanh Long                   |                    | 500.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Em Nguyễn Thanh Sang<br>Lớp 9a1 | Nguyễn Văn<br>Linh | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Kim Ngân             |                    | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | QUACH LAM TU AI                 |                    | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Thu yển              |                    | 500.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Lê Thị Mộng Thu                 |                    | 300.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trần Thị Phương Nguyệt          |                    | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Kim Cương            |                    | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CR24091308719775                |                    | 500.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Em Nguyễn Thanh Phúc<br>9a1     | Nguyễn Văn<br>Linh | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | GĐ Thiện Linh                   |                    | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Thanh Thảo           |                    | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Em Đặng Bùi Gia Bảo<br>Lớp 9a1  | Nguyễn Văn<br>Linh | 200.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Phấn                 |                    | 100.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Kim Tiến                        |                    | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trần Ngọc Phiên                 |                    | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Mai Sum                         |                    | 5.000.000 | NHCSXH |

|  |            |                                            |                   |            |        |
|--|------------|--------------------------------------------|-------------------|------------|--------|
|  | 13/09/2024 | Lê Phan Thị Phi Yến                        |                   | 500.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Xuân Quốc                           |                   | 500.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Phan Thị Thùy Vân                          |                   | 500.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CR24091308721522                           |                   | 200.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Tập thể VKSND huyện Gò Dầu                 |                   | 5.600.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Anh Đào                                    |                   | 1.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trường MN Cẩm Giang                        |                   | 500.000    | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Đặng Thị Kim Lương                         |                   | 100.000    | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Trường MN Phước Trạch                      |                   | 800.000    | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Cty TNHH Thẻ Kỹ Vàng                       |                   | 5.000.000  | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Hà Thị Thùy Trang                          |                   | 500.000    | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Lý Văn Qui                                 |                   | 200.000    | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | NH Nhà Nước Tây Ninh                       |                   | 5.000.000  | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Hội Nông Dân tỉnh Tây Ninh vận động ủng hộ |                   | 29.550.000 | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | CTCP In Hoàng Lê Kha                       |                   | 10.000.000 | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Trường MN Rạng Đông                        | Tân Lập- tân Biên | 6.900.000  | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | CTTNHHMTV Trà Tâm Lan                      |                   | 10.000.000 | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | CDCS Trường MN Thạnh Đức                   |                   | 1.772.000  | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | CTTNHHMTV VLXD Phước Hưng                  |                   | 10.000.000 | KBNN   |



|  |            |                                        |                        |             |        |
|--|------------|----------------------------------------|------------------------|-------------|--------|
|  | 13/09/2024 | Huỳnh Thị Hồng Trang                   |                        | 500.000     | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh   |                        | 200.000.000 | TM     |
|  | 13/09/2024 | Võ Thị Thùy Trang                      | Thái Bình - Châu Thành | 8.300.000   | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | CBCNV NLD CTY CP Cao Su Tân Biên       |                        | 50.000.000  | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Lê Thị Kim Hoa                         |                        | 1.000.000   | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Trường MN Nước Trong                   | Tân Hội - Tân Châu     | 5.629.000   | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | VCB Tây Ninh                           |                        | 150.000.000 | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Trường TH Nguyễn Viết Xuân             | Tân Châu               | 12.804.000  | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | DNTN Kim Hiếu Lâm                      |                        | 2.000.000   | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Tập Thể Trường MN Hoa Lan - Tân Biên   | Tân Biên               | 1.900.000   | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Chi cục Thi hành án Dân sự TP Tây Ninh |                        | 1.850.000   | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Tỉnh Đoàn Tây Ninh vận động ủng hộ     |                        | 950.000.000 | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Quỹ Đầu Tư Phát Triển Tây Ninh         |                        | 50.000.000  | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Trần Kim Mai                           |                        | 2.000.000   | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Hội Nông Dân Tây Ninh vận động ủng hộ  |                        | 37.200.000  | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Tập thể CDV Cty TNHH TM Thế Kỷ Vàng    |                        | 10.000.000  | KBNN   |
|  | 13/09/2024 | Trương Yến Hân + CHONG CHIN CHAO       |                        | 800.000     | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CĐCS Thị Trấn Tân Châu                 |                        | 7.610.000   | NHCSXH |

|  |            |                                        |                        |            |        |
|--|------------|----------------------------------------|------------------------|------------|--------|
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh                   |                        | 1.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Lê Thị Bích Hợp ct chùa Minh Quang     |                        | 5.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Lê Thị Bích Hợp ct chùa Minh Quang     |                        | 5.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nhóm MN Hoa Mặt Trời                   |                        | 1.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Cty Đăng Quang                         |                        | 10.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Đoàn viên CĐ NLD Cty Định Khuê         |                        | 10.100.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thu Cúc                         |                        | 500.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trương Ngọc Thủy                       |                        | 300.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Lê Trung Nghĩa                         |                        | 300.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | LLTT BCH Quân Sự                       | Thị Trấn Tân Châu      | 960.000    | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Hội LHPN tỉnh Tây Ninh vận động ủng hộ |                        | 33.500.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Trường MN An Bình-Châu Thành           | Châu Thành             | 3.150.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | CH Xăng Dầu Định Khuê                  |                        | 15.000.000 | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Họ Đạo Cao đài xã Long Thuận           | Bến Cầu                | 5.000.000  | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Em Nguyễn Trần Phúc An lớp 9a1         | Trường Nguyễn Văn Linh | 200.000    | NHCSXH |

|  |            |                                           |                    |              |        |
|--|------------|-------------------------------------------|--------------------|--------------|--------|
|  | 13/09/2024 | CHE NGOC HÂN                              |                    | 500.000      | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Hoàng Thị Thua chuyển<br>tiền Chi bộ ấp 5 |                    | 600.000      | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Nguyễn Thị Tuyết                          |                    | 300.000      | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | QTDND Thị trấn Tân<br>Châu                |                    | 10.000.000   | NHCSXH |
|  | 13/09/2024 | Hội LHPN tỉnh Tây Ninh                    |                    | 10.000.000   | TM     |
|  | 13/09/2024 | Đảng ủy khối cơ quan và<br>Doanh nghiệp   |                    | 6.400.000    |        |
|  | 13/09/2024 | Sở Xây dựng Tây Ninh                      |                    | 23.900.000   |        |
|  |            | <b>Cộng phát sinh ngày<br/>13/9/2024</b>  |                    | <b>#####</b> |        |
|  | 14/09/2024 | Nguyễn Công Hoàng                         | Phường 2, TP<br>TN | 1.000.000    | TM     |
|  | 14/09/2024 | Cô Nhung + PH lớp 2A                      |                    | 700.000      | TM     |
|  | 14/09/2024 | Nguyễn Thị Kim Lan                        |                    | 3.000.000    | TM     |
|  | 14/09/2024 | Trường MN Hiệp Ninh                       |                    | 2.700.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | CDCS QTDND Tân Hiệp                       |                    | 6.230.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Nguyễn Thị Hoàn                           |                    | 500.000      | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | UBMTTQVN xã Thành<br>Long                 |                    | 1.800.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | tỉnh Tây Ninh,<br>UBMTTQVN xã Thành       |                    | 2.600.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Trần Trí Hải                              |                    | 200.000      | NHCSXH |

|  |            |                                           |                            |            |        |
|--|------------|-------------------------------------------|----------------------------|------------|--------|
|  | 14/09/2024 | CTY TNHH SX Cao Su Liên Anh               |                            | 50.000.000 | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Phạm Thùy Linh                            | Tân Biên                   | 100.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Thiếu Nhi CDCS Trung tâm VH TT TT         | Tân Biên                   | 500.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Nguyễn Thị Phụng                          |                            | 500.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Vũ Thị Kim Chi                            |                            | 200.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Cty Thực Phẩm Sạch Tây Ninh               |                            | 10.000.000 | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Bùi Duy Thẩm                              |                            | 200.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | CT24091308729381                          |                            | 500.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Bui Thị Lan                               |                            | 200.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Hồ Thị Mỹ Linh                            |                            | 200.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | HOANG CHAU TRUC THY                       |                            | 500.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | PHẠM THỊ LAI                              |                            | 500.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Nguyễn Thái Nghĩa 7a3                     | THCS Nguyễn                | 50.000     | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Đại ký Hector Trang TN                    |                            | 1.000.000  | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | GĐ Châu Hương                             |                            | 12.000.000 | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Nguyễn Thế Anh                            |                            | 200.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | GĐ Vân                                    |                            | 3.000.000  | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Nguyễn Thị Sang DL vé số ấp Suối Ông Dinh | xã Trà Vong huyện Tân Biên | 1.000.000  | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Võ Thị Trúc Linh                          |                            | 200.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Hội Người Cao tuổi huyện Gò Dầu           |                            | 500.000    | NHCSXH |

|  |            |                                             |                  |           |        |
|--|------------|---------------------------------------------|------------------|-----------|--------|
|  | 14/09/2024 | Nguyễn Thị Thanh                            | THCS Suối Dây    | 200.000   | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Trần Văn Hoa                                |                  | 500.000   | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Lê Thị Hậu                                  |                  | 100.000   | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Nguyễn Thị Diễm Hương                       |                  | 200.000   | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Nguyễn Phát Đỗ                              |                  | 200.000   | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | VLXD Quốc Toàn                              | Tân Châu         | 2.000.000 | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Em Bùi Nguyễn Phương Linh, lớp 5E           |                  | 50.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Huỳnh Thị Anh Thư                           |                  | 500.000   | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Ct24091308734359                            |                  | 5.000.000 | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Tuệ Minh Phúc Minh                          |                  | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Võ Hồ Cẩm Hương                             |                  | 500.000   | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Phạm Thị Minh PH em Phạm Tuấn Thiện lớp 8a2 |                  | 200.000   | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | CT24091308735220                            |                  | 50.000    | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | BH Bảo Long Tây Ninh                        |                  | 1.000.000 | NHCSXH |
|  | 14/09/2024 | Ngo Hieu Duc                                |                  | 300.000   |        |
|  | 14/09/2024 | NGUYEN THE LAN CHI                          |                  | 300.000   |        |
|  | 14/09/2024 | Coffee Nha Den                              | CMT8 P3 Tay Ninh | 100.000   |        |
|  | 14/09/2024 | PHAM THI HAN                                |                  | 200.000   |        |
|  | 14/09/2024 | Ref: CR24091408742896 )                     |                  | 1.000.000 |        |

|  |            |                                                    |                                              |           |  |
|--|------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------|--|
|  | 14/09/2024 | Ban Cai quan Hộ đạo Tân                            | Tân Châu                                     | 1.000.000 |  |
|  | 14/09/2024 | Công đoàn xã Tân Hà                                | Tân Châu                                     | 8.600.000 |  |
|  | 14/09/2024 | NGUYEN THANH DONG                                  |                                              | 500.000   |  |
|  | 14/09/2024 | Le Vu Anh Tuan                                     | lop 8A3, THCS<br>Nguyen Van<br>Linh, TP. Tay | 200.000   |  |
|  | 14/09/2024 | PHAN THI THANH BINH                                |                                              | 1.000.000 |  |
|  | 14/09/2024 | TRAN THI NGAN                                      |                                              | 200.000   |  |
|  | 14/09/2024 | Ref:<br>CT24091408745135 )<br>VBSP;100000705622606 |                                              | 666.666   |  |
|  | 14/09/2024 | Phuong 3 Thanh pho Tay<br>Ninh                     |                                              | 800.000   |  |
|  | 14/09/2024 | Nguyen Van Dai,                                    | Dop, Binh<br>Phuoc                           | 5.000.000 |  |
|  | 14/09/2024 | Gia dinh Duy Tan Nhu<br>Phuong                     |                                              | 555.555   |  |
|  | 14/09/2024 | Kts TRAN PHAT DAT                                  | Hoi KTS Tay N                                | 500.000   |  |
|  | 14/09/2024 | Nguyễn Thị Lượm                                    | CCB xã Thanh<br>Tây-Tân Biên                 | 1.000.000 |  |
|  | 14/09/2024 | Ref:<br>CT24091408746704 )                         |                                              | 50.000    |  |
|  | 14/09/2024 | Mai Việt Linh                                      | Thanh Bình-<br>Tân Biên                      | 500.000   |  |
|  | 14/09/2024 | LE THI THANH HOA                                   |                                              | 500.000   |  |
|  | 14/09/2024 | TRAN DAI DANH                                      | Cty Sailun                                   | 500.000   |  |
|  | 14/09/2024 | NGUYEN QUOC TUAN                                   |                                              | 200.000   |  |
|  | 14/09/2024 | Nguyen Hung Gia Phu lop 8A2                        |                                              | 50.000    |  |
|  | 14/09/2024 | Pham Cong Quyen                                    | P6 Ca Mau                                    | 500.000   |  |

|    |            |                                      |                                           |                    |        |
|----|------------|--------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|--------|
|    | 14/09/2024 | NGUYEN THI KIM NGAN                  |                                           | 200.000            |        |
|    | 14/09/2024 | Truong Thi Tham                      | Phuong 6 Ca Mau                           | 500.000            |        |
|    | 14/09/2024 | NGUYEN THI THAM                      |                                           | 100.000            |        |
|    | 14/09/2024 | NGUYEN VAN BAO                       |                                           | 500.000            |        |
|    | 14/09/2024 | NGUYEN YEN THU                       |                                           | 200.000            |        |
|    |            | <b>Cộng phát sinh ngày 14/9/2024</b> |                                           | <b>137.302.221</b> |        |
| 1  | 15/09/2024 | Trịnh Thị Thanh Bình                 |                                           | 200.000            | NHCSXH |
| 2  | 15/09/2024 | CT24091408749478                     |                                           | 200.000            | NHCSXH |
| 3  | 15/09/2024 | Tô Minh Hải                          | Khu phố Lộc An                            | 500.000            | NHCSXH |
| 4  | 15/09/2024 | Lê Thị My Hà                         |                                           | 50.000             | KBNN   |
| 5  | 15/09/2024 | Nguyễn Thị Tuyết Mai                 | Công đoàn Trường TH Nguyễn Văn Trãi, Châu | 1.000.000          | NHCSXH |
| 6  | 15/09/2024 | Lê Nguyễn Gia Hân                    |                                           | 100.000            | NHCSXH |
| 7  | 15/09/2024 | Trần Xuân Hoàng                      |                                           | 200.000            | NHCSXH |
| 8  | 15/09/2024 | Mai Hoàng Thanh                      |                                           | 200.000            | NHCSXH |
| 9  | 15/09/2024 | Ngô Hạnh                             |                                           | 1.000.000          | NHCSXH |
| 10 | 15/09/2024 | Nguyễn Thị Cẩm Hằng                  | Ban Tổ chức Huyện ủy Châu Thành           | 500.000            | NHCSXH |
| 11 | 15/09/2024 | Đỗ Thị Hồng Thắm                     |                                           | 500.000            | NHCSXH |
| 12 | 15/09/2024 | Trịnh Thị Xuân                       |                                           | 500.000            | NHCSXH |
| 13 | 15/09/2024 | Nguyễn Văn Chắc                      |                                           | 500.000            | NHCSXH |
| 14 | 15/09/2024 | Hoàng Hùng Cường                     |                                           | 1.000.000          | NHCSXH |

|    |            |                                                                   |                                                  |           |        |
|----|------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------|--------|
| 15 | 15/09/2024 | Huỳnh Duy Biên                                                    | Tập thể Cán bộ<br>Hội<br>viên chức<br>CCB xã Tân | 4.000.000 | NHCSXH |
| 16 | 15/09/2024 | Thành viên lao động<br>Hợp Tác xã Tân Tiến,<br>Suối Ngô, Tân Châu |                                                  | 8.500.000 | KBNN   |
| 17 | 15/09/2024 | Vương Văn Trường                                                  | 7A2                                              | 200.000   | NHCSXH |
| 18 | 15/09/2024 | Trần Đình Có                                                      |                                                  | 100.000   | NHCSXH |
| 19 | 15/09/2024 | Đức Anh và Châu A                                                 |                                                  | 500.000   | NHCSXH |
| 20 | 15/09/2024 | Phạm Thị Cẩm Lệ                                                   |                                                  | 100.000   | NHCSXH |
| 21 | 15/09/2024 | Lê Thị Nhung                                                      | Suối Ngô, Tân C                                  | 500.000   | NHCSXH |
| 22 | 15/09/2024 | Lê Thị Bình                                                       |                                                  | 200.000   | NHCSXH |
| 23 | 15/09/2024 | Huỳnh Đăng Khoa                                                   |                                                  | 100.000   | NHCSXH |
| 24 | 15/09/2024 | Nguyễn thanh Tân                                                  |                                                  | 300.000   | NHCSXH |
| 25 | 15/09/2024 | Dinh Thi CU                                                       |                                                  | 500.000   | NHCSXH |
| 26 | 15/09/2024 | Huynh Tan QUOC                                                    |                                                  | 2.000.000 | NHCSXH |
| 27 | 15/09/2024 | Doan Thi Dieu                                                     |                                                  | 200.000   | NHCSXH |
| 28 | 15/09/2024 | Nguyen Thị Vân                                                    |                                                  | 200.000   | NHCSXH |
| 29 | 15/09/2024 | Lê Thị Thanh                                                      |                                                  | 200.000   | NHCSXH |
| 30 | 15/09/2024 | Phạm Hồng Minh                                                    | Hội KTS Tây N                                    | 2.000.000 | NHCSXH |
| 31 | 15/09/2024 | Nguyễn Văn Hiền                                                   |                                                  | 200.000   | NHCSXH |
| 32 | 15/09/2024 | Nguyễn Viết Hoàng                                                 | An Thạnh Lộc,<br>Thạnh Bình,<br>Tân Biên         | 300.000   | NHCSXH |
| 33 | 15/09/2024 | <a href="#">CT24091408758044</a>                                  |                                                  | 200.000   | NHCSXH |



|    |            |                                     |                                   |           |        |
|----|------------|-------------------------------------|-----------------------------------|-----------|--------|
| 34 | 15/09/2024 | Nguyễn Văn Lâm                      | Tân Phú, Tân Ch                   | 500.000   | NHCSXH |
| 35 | 15/09/2024 | Lê Thị Mỹ Ngọc                      |                                   | 300.000   | NHCSCH |
| 36 | 15/09/2024 | Đặng Thị Mỹ Linh                    |                                   | 300.000   | NHCSCH |
| 37 | 15/09/2024 | Trần Huỳnh Thái Sơn                 |                                   | 10.000    | NHCSCH |
| 38 | 15/09/2024 | Be Rico                             |                                   | 200.000   | NHCSCH |
| 39 | 15/09/2024 | Đoàn Duy Anh                        |                                   | 20.000    | NHCSCH |
| 40 | 15/09/2024 | Nguyễn Thị Hằng                     |                                   | 20.000    | NHCSCH |
| 41 | 15/09/2024 | Đinh Ngọc Vinh                      |                                   | 10.000    | NHCSCH |
| 42 | 15/09/2024 | Đặng Mạnh Cường                     |                                   | 17.000    | NHCSCH |
| 43 | 15/09/2024 | Phạm An Khang                       |                                   | 10.000    | NHCSCH |
| 44 | 15/09/2024 | Trần Quốc Khanh                     |                                   | 10.000    | NHCSCH |
| 45 | 15/09/2024 | Nguyễn Thị Bằng                     |                                   | 1.000.000 | NHCSCH |
| 46 | 15/09/2024 | Đặng Thị Thúy g<br>Trường Tân Phú A |                                   | 5.000.000 | NHCSCH |
| 47 | 15/09/2024 | CT24091408738159                    |                                   | 200.000   | NHCSCH |
| 48 | 15/09/2024 | Nguyễn Trang Hạnh Hân<br>lớp 8A3    | Trường THCS<br>Nguyễn Văn<br>Linh | 200.000   | NHCSCH |
| 49 | 15/09/2024 | Ngô Thị Mỹ Hương + Lê<br>Thị Lệ     |                                   | 600.000   | NHCSCH |
| 50 | 15/09/2024 | Phạm Nghĩa Trung                    |                                   | 100.000   | NHCSCH |
| 51 | 15/09/2024 | Ta Thị Hồng Khuyên                  |                                   | 50.000    | NHCSCH |
| 52 | 15/09/2024 | Lê Trường Hải                       |                                   | 1.000.000 | NHCSCH |
| 53 | 15/09/2024 | Mai Thị Hà                          |                                   | 100.000   | NHCSCH |

|    |            |                                                |                         |           |        |
|----|------------|------------------------------------------------|-------------------------|-----------|--------|
| 54 | 15/09/2024 | Phan Thanh Huy                                 |                         | 200.000   | NHCSCH |
| 55 | 15/09/2024 | Trường MN Thái Chánh<br>Tây Ninh               |                         | 8.700.000 | NHCSCH |
| 56 | 15/09/2024 | Con kính gửi đồng bào<br>miền Bắc              |                         | 50.000    | NHCSCH |
| 57 | 15/09/2024 | Phạm Gia Hưng 8a1                              | THCS Nguyễn<br>Văn Linh | 100.000   | NHCSCH |
| 58 | 15/09/2024 | Chi bộ ấp 3 BCTMT                              | BQL ấp 3 xã<br>Suối Dây | 3.450.000 | NHCSCH |
| 59 | 15/09/2024 | Trần Thị Tuyết Sơn                             | xã Tân Phú              | 200.000   | NHCSCH |
| 60 | 15/09/2024 | Sinh chuyên Nghiệp Bảo<br>Quang tại Công trình |                         | 5.800.000 | NHCSCH |
| 61 | 15/09/2024 | Duong Thi Mo                                   |                         | 500.000   | NHCSCH |
| 62 | 15/09/2024 | Lê Thị Thanh                                   |                         | 500.000   | NHCSCH |
| 63 | 15/09/2024 | Hồng Đào Văn Tèo                               |                         | 500.000   | NHCSCH |
| 64 | 15/09/2024 | Nguyễn Thị Trà My                              |                         | 100.000   | NHCSCH |
| 65 | 15/09/2024 | Võ Thị Hằng                                    | Nguyễn Văn<br>Linh      | 200.000   | NHCSCH |
| 66 | 15/09/2024 | Ngô Thị Bích Thuận                             |                         | 200.000   | NHCSCH |
| 67 | 15/09/2024 | Nguyễn Thị Diễm My                             |                         | 100.000   | NHCSCH |
| 68 | 15/09/2024 | Huỳnh Thương Tuấn Anh                          |                         | 200.000   | NHCSCH |
| 69 | 15/09/2024 | Nguyễn Thị Hoa                                 |                         | 500.000   | NHCSCH |
| 70 | 15/09/2024 | Nguyễn Bảo Hân lớp 6a2                         | Nguyễn Văn<br>Linh      | 100.000   | NHCSCH |
| 71 | 15/09/2024 | Võ Thị Huyền Nhung                             |                         | 500.000   | NHCSCH |
| 72 | 15/09/2024 | Nguyễn Văn Chánh KP<br>lộc Phước               | Lộc Hưng                | 500.000   | NHCSCH |
| 73 | 15/09/2024 | Lê Thị Minh Thảo                               |                         | 500.000   | NHCSCH |

|    |            |                                    |                    |           |        |
|----|------------|------------------------------------|--------------------|-----------|--------|
| 74 | 15/09/2024 | LE THI THUY<br>PHUONG              | Lộc Hưng           | 2.000.000 | NHCSCH |
| 75 | 15/09/2024 | Nguyễn Thị La                      | Trảng Bàng         | 500.000   | NHCSCH |
| 76 | 15/09/2024 | Ngô Trung Hiếu                     | Trảng Bàng         | 500.000   | NHCSCH |
| 77 | 15/09/2024 | PHAM THI GUOI                      | Trảng Bàng         | 200.000   | NHCSCH |
| 78 | 15/09/2024 | LE THI GAI VUONG                   | Trảng Bàng         | 200.000   | NHCSCH |
| 79 | 15/09/2024 | Nguyễn Thị Giàu                    | Trảng Bàng         | 200.000   | NHCSCH |
| 80 | 15/09/2024 | Nguyễn Văn Tuấn                    | Trảng Bàng         | 100.000   | NHCSCH |
| 81 | 15/09/2024 | NGUYEN VAN DAT                     | Trảng Bàng         | 100.000   | NHCSCH |
| 82 | 15/09/2024 | Lê Thị Kim Dung                    | Trảng Bàng         | 500.000   | NHCSCH |
| 83 | 15/09/2024 | Mai Hiếu Duy lớp 9a1               | Nguyễn Văn<br>Linh | 200.000   | NHCSCH |
| 84 | 15/09/2024 | Nguyễn Lý Thảo                     |                    | 500.000   | NHCSCH |
| 85 | 15/09/2024 | CH Thực phẩm thịt heo<br>Ngọc Ngân |                    | 1.000.000 | NHCSCH |
| 86 | 15/09/2024 | CT24091508772307                   |                    | 1.000.000 | NHCSCH |
| 87 | 15/09/2024 | DOI SY HOANG                       |                    | 500.000   | NHCSCH |
| 88 | 15/09/2024 | Hà Minh Xuân                       | Trảng Bàng         | 200.000   | NHCSCH |
| 89 | 15/09/2024 | Hồ Thị Huê                         | Trảng Bàng         | 200.000   | NHCSCH |
| 90 | 15/09/2024 | Nguyễn Thị Xuân                    | Trảng Bàng         | 300.000   | NHCSCH |
| 91 | 15/09/2024 | DO THI QUY HA                      |                    | 500.000   | NHCSCH |
| 92 | 15/09/2024 | Nhân viên Thi Tran Tan<br>Chau     | Tây Ninh           | 6.000.000 | NHCSCH |
| 93 | 15/09/2024 | Phan Trung Kiên                    |                    | 200.000   | NHCSCH |

|     |            |                                  |            |            |        |
|-----|------------|----------------------------------|------------|------------|--------|
| 94  | 15/09/2024 | DANG BINH AN                     |            | 50.000     | NHCSCH |
| 95  | 15/09/2024 | Le Cao Anh                       |            | 500.000    | NHCSCH |
| 96  | 15/09/2024 | Thanh Nhan                       |            | 2.000.000  | NHCSCH |
| 97  | 15/09/2024 | Tran Minh Dang                   |            | 200.000    | NHCSCH |
| 98  | 15/09/2024 | Le Thi Kim Ngan                  |            | 10.000.000 | NHCSCH |
| 99  | 15/09/2024 | Le Thanh Trung                   |            | 1.000.000  | NHCSCH |
| 100 | 15/09/2024 | Le Minh Son                      | Trảng Bàng | 200.000    | NHCSCH |
| 101 | 15/09/2024 | CT24091508780061                 |            | 500.000    | NHCSCH |
| 102 | 15/09/2024 | Hong kp Loc Phuoc ( Vo Anh Hong) |            | 200.000    | NHCSCH |
| 103 | 15/09/2024 | Nguyen Thi Dung                  |            | 500.000    | NHCSCH |
| 104 | 15/09/2024 | Trinh Van Duan                   |            | 200.000    | NHCSCH |
| 105 | 15/09/2024 | Dang Van Khoa                    |            | 500.000    | NHCSCH |
| 106 | 15/09/2024 | Nguyen Thi Huu Loan              |            | 400.000    | NHCSCH |
| 107 | 15/09/2024 | Dinh Minh Phung                  |            | 300.000    | NHCSCH |
| 108 | 15/09/2024 | gd Ha - Trong                    | Tân Châu   | 1.000.000  | NHCSCH |
| 109 | 15/09/2024 | ATP Thao                         | Tân Châu   | 200.000    | NHCSCH |
| 110 | 15/09/2024 | Cao Thi Phuong Thao              |            | 1.100.000  | NHCSCH |
| 111 | 15/09/2024 | Vuong Chau Tuan                  |            | 300.000    | NHCSCH |

|     |            |                                    |                          |            |        |
|-----|------------|------------------------------------|--------------------------|------------|--------|
| 112 | 15/09/2024 | Vo Thi Huong                       |                          | 500.000    | NHCSCH |
| 113 | 15/09/2024 | Dinh Van Minh                      |                          | 500.000    | NHCSCH |
| 114 | 15/09/2024 | Nguyen Thi Thom                    |                          | 500.000    | NHCSCH |
| 115 | 15/09/2024 | CT24091608785866                   |                          | 200.000    | NHCSCH |
| 116 | 15/09/2024 | Nguyen Xuan Hong                   | Tan Chau                 | 500.000    | NHCSCH |
| 117 | 15/09/2024 | IBFT Chi bộ ấp 3                   | xã Suối Dây              | 300.000    | NHCSCH |
| 118 | 15/09/2024 | be Nguyễn Quốc Trung<br>lớp chồi 1 | Phạm Ngọc<br>Thạch - Tân | 100.000    | NHCSCH |
| 119 | 15/09/2024 | Nguyễn Huu Tai lớp 6a4             | Nguyễn Văn<br>Linh       | 100.000    | NHCSCH |
| 120 | 15/09/2024 | Trương Hoài Phong                  |                          | 10.000.000 | NHCSCH |
| 121 | 15/09/2024 | Trường TH Trần Phú                 | Tp Tây Ninh              | 2.700.000  | NHCSCH |
| 122 | 15/09/2024 | Trần Thị Huệ                       |                          | 300.000    | NHCSCH |
| 123 | 15/09/2024 | Nguyen Van Lu                      |                          | 1.000.000  | NHCSCH |
| 124 | 15/09/2024 | Phung Thi Le Hang                  |                          | 700.000    | NHCSCH |
| 125 | 15/09/2024 | Nguyen Cong An Duong               | Tua Hai P1,<br>TPTN      | 1.800.000  | NHCSCH |
| 126 | 15/09/2024 | Truong Chau Gia Loc                |                          | 500.000    | NHCSCH |
| 127 | 15/09/2024 | Le Thi Dep                         |                          | 200.000    | NHCSCH |
| 128 | 15/09/2024 | Thi Ami Na                         |                          | 1.200.000  | NHCSCH |
| 129 | 15/09/2024 | Pham Thi Thu                       | Trảng Bàng               | 200.000    | NHCSCH |

|     |            |                                      |                       |            |        |
|-----|------------|--------------------------------------|-----------------------|------------|--------|
| 130 | 15/09/2024 | Pham Thi Hung                        | Trảng Bàng            | 300.000    | NHCSCH |
| 131 | 15/09/2024 | Vo Thi Thùy Dương                    | Trảng Bàng            | 500.000    | NHCSCH |
| 132 | 15/09/2024 | Vo Hoàng Trúc Mai                    |                       | 500.000    | NHCSCH |
| 133 | 15/09/2024 | HoiTrường MG Hoa Hoi                 |                       | 500.000    | NHCSCH |
| 134 | 15/09/2024 | HS lớp 12a2 THPT Tran Dai Nghia      | Tây Ninh              | 307.000    | NHCSCH |
| 135 | 15/09/2024 | Le Thanh Long                        | xã Suối Dây           | 500.000    | NHCSCH |
| 136 | 15/09/2024 | CT24091608789358                     |                       | 500.000    | NHCSCH |
| 137 | 15/09/2024 | Nguyen Xuan Tien                     | huyện Tân Châu        | 300.000    | NHCSCH |
| 138 | 15/09/2024 | Bui Thi My                           |                       | 100.000    | NHCSCH |
| 139 | 15/09/2024 | Pham Hoang Em                        | Trảng Bàng            | 1.000.000  | NHCSCH |
| 140 | 15/09/2024 | Trần Thị Thanh Mai                   |                       | 500.000    | NHCSCH |
| 141 | 15/09/2024 | Nguyen Van De                        | Thanh Binh - Tân Biên | 20.000.000 | NHCSCH |
| 142 | 15/09/2024 | CR24091608789655                     |                       | 2.000.000  | NHCSCH |
| 143 | 15/09/2024 | HU HỖND UBND UBMTTQVN huyện Tân Châu |                       | 78.020.000 | NHCSCH |
| 144 | 15/09/2024 | CT24091608789798                     |                       | 100.000    | NHCSCH |
| 145 | 15/09/2024 | Lê Phương Trinh                      |                       | 300.000    | NHCSCH |
| 146 | 15/09/2024 | Pham Van Tien Thanh                  |                       | 1.000.000  | NHCSCH |

|     |            |                            |                         |            |        |
|-----|------------|----------------------------|-------------------------|------------|--------|
| 147 | 15/09/2024 | Nguyen Van Lap             |                         | 200.000    | NHCSCH |
| 148 | 15/09/2024 | THCS Tan Lap               |                         | 14.550.000 | NHCSCH |
| 149 | 15/09/2024 | DNTN Thành Thái            |                         | 50.000.000 | NHCSCH |
| 150 | 15/09/2024 | Hội CCB xã Suối Ngô        |                         | 2.250.000  | NHCSCH |
| 151 | 15/09/2024 | CT TNHH Nguyễn Khang       | Suối Ngô - Tân Châu     | 50.000.000 | NHCSCH |
| 152 | 15/09/2024 | CBCC Phong Noi Vu          |                         | 3.360.000  | NHCSCH |
| 153 | 15/09/2024 | Vo Thị Thanh               |                         | 200.000    | NHCSCH |
| 154 | 15/09/2024 | Nguyen Thi Kim Ngan        |                         | 100.000    | NHCSCH |
| 155 | 15/09/2024 | Le Thị Bích Hợp            |                         | 700.000    | NHCSCH |
| 156 | 15/09/2024 | TH Dong Khoi Chau Thanh Tn |                         | 2.400.000  | NHCSCH |
| 157 | 15/09/2024 | CDCS Trường TH Tra Vong A  | Tân Biên                | 11.045.000 | NHCSCH |
| 158 | 15/09/2024 | Bạch Thị Hằng CDCS Tân Hà  |                         | 200.000    | NHCSCH |
| 159 | 15/09/2024 | Trần Thanh Phương          |                         | 500.000    | NHCSCH |
| 160 | 15/09/2024 | Nguyễn Thanh Trung         |                         | 500.000    | NHCSCH |
| 161 | 15/09/2024 | Ban xin dấu tên            | Lộc Hưng, TX Trảng Bàng | 200.000    | NHCSCH |
| 162 | 15/09/2024 | CDCS Cty Lu Hong           | Tân Biên                | 2.050.000  | NHCSCH |
| 163 | 15/09/2024 | CT TNHH Lu Hong            | Tân Biên                | 5.000.000  | NHCSCH |
| 164 | 15/09/2024 | Nguyễn Dinh Nguyên         |                         | 500.000    | NHCSCH |

|     |            |                                       |                          |             |        |
|-----|------------|---------------------------------------|--------------------------|-------------|--------|
| 165 | 15/09/2024 | Mai Thanh Hạnh                        |                          | 500.000     | NHCSCH |
| 166 | 15/09/2024 | Sở Nội Vụ tỉnh Tây Ninh               |                          | 15.060.000  | TM     |
| 167 | 15/09/2024 | Lớp lá 4 trường MN 1/6                |                          | 2.460.000   | TM     |
| 168 | 15/09/2024 | Tập thể HS trường TH Duy Tân          | Phường Ninh Thạnh, TP TN | 6.214.000   | TM     |
| 169 | 15/09/2024 | Nhóm tập thể dự Cầu Quan              | TP Tây Ninh              | 3.750.000   | TM     |
| 170 | 15/09/2024 | CDCS Quỹ tín dụng F3, TP TN           |                          | 2.700.000   | TM     |
| 171 | 15/09/2024 | Nguyễn Văn Tươi                       | CB Hưu Trí               | 1.000.000   | TM     |
| 172 | 15/09/2024 | Traần Thị Thu Hường                   | Phường 3, TP TN          | 6.500.000   | TM     |
| 173 | 15/09/2024 | Coộng Đồng Hồi Giáo Islan             | Khu Phố 2, F1, TP TN     | 3.310.000   | TM     |
| 174 | 15/09/2024 | Văn Công Quý                          | Ninh Sơn TP Tây Ninh     | 2.000.000   | TM     |
| 175 | 15/09/2024 | Sở Xây Dựng                           | Tây Ninh                 | 1.000.000   | TM     |
| 176 | 15/09/2024 | Sở Nội Vụ tỉnh Tây Ninh               |                          | 1.350.000   | TM     |
| 177 | 15/09/2024 | Hội Nông Dân tỉnh Tây Ninh            |                          | 111.840.000 | KBNN   |
| 178 | 15/09/2024 | Hội Kiến Trúc Sư Tây Ninh             |                          | 5.000.000   | KBNN   |
| 179 | 15/09/2024 | Lam Hieu Nhan                         |                          | 200.000     | KBNN   |
| 180 | 15/09/2024 | Phạm Thị Huệ                          |                          | 1.000.000   | KBNN   |
| 181 | 15/09/2024 | Cty TNHH VBDQ Kim Van Phuoc CN Gò Dầu |                          | 40.000.000  | KBNN   |
| 182 | 15/09/2024 | Phan Thị Kim Ven                      |                          | 500.000     | KBNN   |



|     |            |                                          |                                         |                    |        |
|-----|------------|------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|--------|
| 183 | 15/09/2024 | Vương Thị Vân                            |                                         | 200.000            | KBNN   |
|     |            | <b>Cộng phát sinh ngày<br/>16/9/2024</b> |                                         | <b>569.413.000</b> |        |
| 1   | 17/09/2024 | Nguyen Bao Tho                           |                                         | 500.000            | NHCSXH |
| 2   |            | Hua Thi Ngoc Dao                         |                                         | 300.000            | NHCSXH |
| 3   |            | CDCS Cty Hat Điều<br>Phuc Thinh          |                                         | 1.000.000          | NHCSXH |
| 4   |            | Đào Minh Quân                            |                                         | 200.000            | NHCSXH |
| 5   |            | NguyenVan Bau - Le<br>Van Son            |                                         | 200.000            | NHCSXH |
| 6   |            | CT24091608794991                         |                                         | 500.000            | NHCSXH |
| 7   |            | Le Van thanh Dat lớp 9a1                 |                                         | 300.000            | NHCSXH |
| 8   |            | BS Doan Xuan Tu CB<br>kp4                |                                         | 2.000.000          | NHCSXH |
| 9   |            | Ho Thi Em                                |                                         | 200.000            | NHCSXH |
| 10  |            | CDCS trường THCS Thi<br>Tran Chau Thanh  |                                         | 8.300.000          | NHCSXH |
| 11  |            | Le Thi Ngan                              |                                         | 200.000            | NHCSXH |
| 12  |            | Vo Thi Dong                              | Trường THCS<br>Nguyễn Thái<br>Học TP.TN | 4.600.000          | NHCSXH |
| 13  |            | Nguyen Thi Huynh Nhu                     | Lộc Hưng                                | 2.000.000          | NHCSXH |
| 14  |            | Bui Thanh Phong                          | Trảng Bàng                              | 500.000            | NHCSXH |

|    |  |                                                  |                        |             |        |
|----|--|--------------------------------------------------|------------------------|-------------|--------|
| 15 |  | Nguyễn Thị Thùy Dương                            |                        | 350.000     | NHCSXH |
| 16 |  | Le Thị Phương Dung                               |                        | 1.000.000   | NHCSXH |
| 17 |  | Ho Cong Cuon                                     | Trảng Bàng             | 200.000     | NHCSXH |
| 18 |  | CDCS Cty Tien Thanh                              |                        | 1.000.000   | NHCSXH |
| 19 |  | GĐ Bà Nguyen Thi Hue                             | BV Đa Khoa<br>Tây Ninh | 200.000.000 | NHCSXH |
| 20 |  | CDCS Cty TNHH VMC<br>Hoàng Gia ( CN Phường<br>3) |                        | 30.273.000  | NHCSXH |
| 21 |  | DVCD NLD Cty Dinh<br>Khue                        |                        | 2.150.000   | NHCSXH |
| 22 |  | Vo Van Pho                                       |                        | 200.000     | NHCSXH |
| 23 |  | Pham Xuan Bon                                    |                        | 500.000     | NHCSXH |
| 24 |  | QTDND Phường 3                                   |                        | 10.000.000  | NHCSXH |
| 25 |  | CDCS phòng Tài nguyên<br>và môi trường           | huyện Tân Biên         | 2.450.000   | NHCSXH |
| 26 |  | Tiệm vàng kim thnah<br>tung                      | Châu Thành             | 20.000.000  | NHCSXH |
| 27 |  | CDCS Trường MN Họa<br>Mi                         | Tân Biên               | 4.195.000   | NHCSXH |
| 28 |  | Phaạm Thi Thuy                                   |                        | 300.000     | NHCSXH |
| 29 |  | QTDND Bau Don                                    |                        | 2.000.000   | NHCSXH |
| 30 |  | DNTN Hải Hà                                      | Tân Châu               | 5.000.000   | NHCSXH |

|    |  |                                                               |                                             |            |        |
|----|--|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|--------|
| 31 |  | cán bộ CC xã Hòa thành,<br>ông Nguyễn Van Đạt, Võ<br>Thanh Hà |                                             | 5.080.000  | NHCSXH |
| 32 |  | Ly Dam Mai Loan                                               |                                             | 2.000.000  | NHCSXH |
| 33 |  | BTG huyện ủy Châu<br>Thành                                    |                                             | 2.100.000  | NHCSXH |
| 34 |  | Vu Thị Khương                                                 |                                             | 500.000    | NHCSXH |
| 35 |  | Phạm Thị Van Ngọc                                             |                                             | 500.000    | NHCSXH |
| 36 |  | Nguyễn Tấn Đạt                                                |                                             | 200.000    | NHCSXH |
| 37 |  | Nguyễn Thị Như Thùy                                           | Hòa Thành,<br>Tây Ninh                      | 500.000    | NHCSXH |
| 38 |  | Oanh - PKT                                                    | Hòa Thành,<br>Tây Ninh                      | 2.000.000  | NHCSXH |
| 39 |  | Công ty gỗ Thanh Nhàn                                         | Hòa Thành,<br>Tây Ninh                      | 10.000.000 | NHCSXH |
| 40 |  | Nguyễn Quốc Cường<br>NHCSXH                                   | Hòa Thành,<br>Tây Ninh                      | 1.000.000  | NHCSXH |
| 41 |  | Trần Văn Khải                                                 | Hòa Thành,<br>Tây Ninh                      | 5.000.000  | NHCSXH |
| 42 |  | CBCC Ủy ban MTTQ<br>VN thị xã Hòa Thành                       | Hòa Thành,<br>Tây Ninh                      | 1.500.000  | NHCSXH |
| 43 |  | Trần Đình Thịnh                                               | Hòa Thành,<br>Tây Ninh                      | 500.000    | NHCSXH |
| 44 |  | Nguyễn Ngọc Triệu                                             | Tô DCTQ số<br>33 ấp Trường<br>An, xã Trường | 1.000.000  | NHCSXH |

|    |  |                                                                      |                         |            |        |
|----|--|----------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------|--------|
| 45 |  | Lê Thị Thiên Thảo                                                    | Hòa Thành,<br>Tây Ninh  | 1.000.000  | NHCSXH |
| 46 |  | Nguyễn Thanh Bình                                                    | Hòa Thành,<br>Tây Ninh  | 1.000.000  | NHCSXH |
| 47 |  | Ngô Thị Hồng Quyên                                                   | Hòa Thành,<br>Tây Ninh  | 2.000.000  | NHCSXH |
| 48 |  | Lâm Văn Dũng                                                         | Hòa Thành,<br>Tây Ninh  | 2.000.000  | NHCSXH |
| 49 |  | Đỗ Thị Diễm                                                          | Hòa Thành,<br>Tây Ninh  | 200.000    | NHCSXH |
| 50 |  | Nguyễn Thái Phương Thảo                                              | Hòa Thành,<br>Tây Ninh  | 100.000    | NHCSXH |
| 51 |  | Nguyễn Thị Trang                                                     | Tân, Long<br>Thành Bắc, | 200.000    | NHCSXH |
| 52 |  | Nguyễn Văn Đông                                                      | Tân, Long<br>Thành Bắc, | 200.000    | NHCSXH |
| 53 |  | Bùi Văn Cà                                                           | Tân, Long<br>Thành Bắc, | 200.000    | NHCSXH |
| 54 |  | Nộp tiền mặt vận động<br>ủng tại buổi lễ phát động<br>ngày 12/9/2024 | Hòa Thành,<br>Tây Ninh  | 12.280.000 | NHCSXH |
| 55 |  | Đại lý vé số Hải Trang                                               | Hòa Thành,<br>Tây Ninh  | 20.000.000 | NHCSXH |
| 56 |  | Nguyễn Minh Tâm                                                      | Hòa Thành,<br>Tây Ninh  | 300.000    | NHCSXH |
| 57 |  | Nguyễn Vũ Hoàng Anh                                                  | Hòa Thành,<br>Tây Ninh  | 100.000    | NHCSXH |
| 58 |  | Phan Ho Tri                                                          | Hòa Thành,<br>Tây Ninh  | 100.000    | NHCSXH |
| 59 |  | Võ Văn Thảo                                                          | Hòa Thành,<br>Tây Ninh  | 200.000    | NHCSXH |
| 60 |  | Tran Thung                                                           | Hòa Thành,<br>Tây Ninh  | 1.000.000  | NHCSXH |
| 61 |  | Cao Tấn Kiệt                                                         | Hòa Thành,<br>Tây Ninh  | 200.000    | NHCSXH |

|    |  |                                         |                        |            |        |
|----|--|-----------------------------------------|------------------------|------------|--------|
| 62 |  | Hội Liên hiệp phụ nữ<br>Hòa Thành       | Hòa Thành,<br>Tây Ninh | 2.000.000  | NHCSXH |
| 63 |  | theo CT<br>24091308717189               |                        | 100.000    | NHCSXH |
| 64 |  | Hội Liên hiệp phụ nữ<br>phường Long Hoa | Hòa Thành,<br>Tây Ninh | 2.170.000  | NHCSXH |
| 65 |  | Nguyễn Văn Nhơn                         | Hòa Thành,<br>Tây Ninh | 2.000.000  | NHCSXH |
| 66 |  | theo CT<br>24091308717250               |                        | 1.000.000  | NHCSXH |
| 67 |  | Trịnh Công Sơn                          | Hòa Thành,<br>Tây Ninh | 200.000    | NHCSXH |
| 68 |  | theo CT<br>24091308717343               |                        | 100.000    | NHCSXH |
| 69 |  | theo CT<br>24091308717560               |                        | 500.000    | NHCSXH |
| 70 |  | IBFT<br>(CR 24091308718564)             | Hòa Thành,<br>Tây Ninh | 200.000    | NHCSXH |
| 71 |  | Quỹ tín dụng nhân dân<br>Long Thành Bắc | Hòa Thành,<br>Tây Ninh | 15.000.000 | NHCSXH |
| 72 |  | Hội Liên hiệp phụ nữ xã<br>Trường Hòa   | Hòa Thành,<br>Tây Ninh | 2.000.000  | NHCSXH |
| 73 |  | Phạm Hoang Dung                         |                        | 200.000    | NHCSXH |
| 74 |  | Trại Heo Cong Nghe<br>Cao nam an Khanh  | Tân Châu               | 2.000.000  | NHCSXH |
| 75 |  | CDCS xã Tân Hiệp                        | Tân Châu               | 4.000.000  | NHCSXH |
| 76 |  | CBCC hệ thống Mặt Trận                  | huyện Tân Biên         | 25.800.000 | NHCSXH |
| 77 |  | Phan Chi Trung                          |                        | 100.000    | NHCSXH |
| 78 |  | Tran Thi Ngoc Minh                      | Thị trấn Tân<br>Biên   | 22.800.000 | NHCSXH |
| 79 |  | Tran Trong Nhan                         |                        | 300.000    | NHCSXH |

|    |  |                                          |                       |            |        |
|----|--|------------------------------------------|-----------------------|------------|--------|
| 80 |  | CT24091608802817                         |                       | 200.000    | NHCSXH |
| 81 |  | Ung Thi Viet Thuy Ban<br>CTMT Tan Dong 1 |                       | 200.000    | NHCSXH |
| 82 |  | Vo Van Phung                             |                       | 200.000    | NHCSXH |
| 83 |  | Nguyen Thi Thu Huyen                     |                       | 500.000    | NHCSXH |
| 84 |  | Nguyen Thi Thu Thuy                      | Cty QL<br>VietNam     | 600.000    | NHCSXH |
| 85 |  | Vo Kien Trung                            | Châu Thành            | 1.000.000  | NHCSXH |
| 86 |  | Nguyen Thi Vinh                          |                       | 200.000    | NHCSXH |
| 87 |  | Trieu Thi Luan                           | Châu Thành            | 20.000.000 | NHCSXH |
| 88 |  | Le Thi Lien                              |                       | 200.000    | NHCSXH |
| 89 |  | Le Kim Phuong                            |                       | 350.000    | NHCSXH |
| 90 |  | Tran Thi Huong                           |                       | 2.350.000  | NHCSXH |
| 91 |  | Trieu Thi Luan                           | Châu Thành            | 10.000.000 | NHCSXH |
| 92 |  | Luong Xuan Ha                            | MTTQVN xã<br>Tân Bình | 500.000    | NHCSXH |
| 93 |  | Pham Thi Thuy                            | Tân Châu              | 2.150.000  | NHCSXH |
| 94 |  | Nguyen Minh Hao                          |                       | 100.000    | NHCSXH |
| 95 |  | Tran Huu Nhan                            |                       | 200.000    | NHCSXH |
| 96 |  | CDCS QTD Tân Biên                        |                       | 3.000.000  | NHCSXH |
| 97 |  | Dang Thanh Nghiem                        |                       | 500.000    | NHCSXH |

|     |  |                                             |                               |            |        |
|-----|--|---------------------------------------------|-------------------------------|------------|--------|
| 98  |  | QTDND Hiệp Ninh                             |                               | 5.000.000  | NHCSXH |
| 99  |  | CBCC Trường MN<br>Phạm Ngọc Thạch           |                               | 6.450.000  | NHCSXH |
| 100 |  | Le Khắc Xin                                 | Tổ Trưởng tổ<br>tự quản số 21 | 500.000    | NHCSXH |
| 101 |  | Nguyễn Thị Năm                              |                               | 1.000.000  | NHCSXH |
| 102 |  | Ho Thi Ngoc Phích                           | Tân Châu                      | 500.000    | NHCSXH |
| 103 |  | Nguyen Trong Dai                            |                               | 2.000.000  | NHCSXH |
| 104 |  | Trường THCS Chu Văn<br>An                   |                               | 63.588.000 | NHCSXH |
| 105 |  | CT24091608817100                            |                               | 1.000.000  | NHCSXH |
| 106 |  | Cao Thuy Linh                               |                               | 500.000    | NHCSXH |
| 107 |  | CLB Dưỡng sinh ấp 1                         | xã Suối Ngô                   | 1.500.000  | NHCSXH |
| 108 |  | Tập Thể CBCC xã Hoa<br>Hoi và một số MTQ xã | Châu Thành                    | 12.600.000 | NHCSXH |
| 109 |  | Nguyen Hoang Long                           |                               | 200.000    | NHCSXH |
| 110 |  | Vo Thi Hong Nhung                           |                               | 200.000    | NHCSXH |
| 111 |  | Dinh Thanh Phat                             |                               | 200.000    | NHCSXH |
| 112 |  | Vu Quoc Khanh                               |                               | 200.000    | NHCSXH |
| 113 |  | Pham Ngoc Tai                               |                               | 500.000    | NHCSXH |
| 114 |  | Tran Thi Huong                              |                               | 200.000    | NHCSXH |

|     |  |                        |                      |            |        |
|-----|--|------------------------|----------------------|------------|--------|
| 115 |  | Chu Thi Hoa            | tổ 11 xã Suối Ngô    | 1.000.000  | NHCSXH |
| 116 |  | Le Tai Ba              |                      | 500.000    | NHCSXH |
| 117 |  | Pham Binh Duy          |                      | 800.000    | NHCSXH |
| 118 |  | Chi bộ ấp 1            | Suối Dây             | 4.700.000  | NHCSXH |
| 119 |  | Nguyen Thi Mui         |                      | 500.000    | NHCSXH |
| 120 |  | Do Van Thinh           |                      | 2.000.000  | NHCSXH |
| 121 |  | La Viet Cuong          |                      | 500.000    | NHCSXH |
| 122 |  | Trường MN HC           |                      | 1.090.000  | NHCSXH |
| 123 |  | Nguyễn Thị Lượng       |                      | 500.000    | NHCSXH |
| 124 |  | VKS huyện Tân Biên     |                      | 4.390.000  | NHCSXH |
| 125 |  | Bui Nguyen Tinh        |                      | 1.000.000  | NHCSXH |
| 126 |  | CNV Cty Nguyen Lien    |                      | 16.100.000 | NHCSXH |
| 127 |  | Nguyen Thi Xuan Hong   |                      | 500.000    | NHCSXH |
| 128 |  | CT24091708820294       |                      | 2.000.000  | NHCSXH |
| 129 |  | CDCS Cty Cp CS Dai Loc |                      | 3.000.000  | NHCSXH |
| 130 |  | Luong Thi Kim Duyen    |                      | 200.000    | NHCSXH |
| 131 |  | Nguyen Thi huynh Hoa   | Tan Khai xã Tan Lap, | 200.000    | NHCSXH |
| 132 |  | Le Van Luan            | Tân Biên             | 200.000    | NHCSXH |



|     |  |                                             |                           |             |        |
|-----|--|---------------------------------------------|---------------------------|-------------|--------|
| 133 |  | Nguyen Tien Dung;<br>Bang Kim Ngan          | ttor 9, ấp 3              | 1.000.000   | NHCSXH |
| 134 |  | Nguyen Thi Cuc                              |                           | 2.000.000   | NHCSXH |
| 135 |  | Nguyen Thi Ngoc Quynh                       |                           | 200.000     | NHCSXH |
| 136 |  | Phòng TCKH                                  | TP Tây Ninh               | 2.100.000   | NHCSXH |
| 137 |  | CBCCVC Trường TH<br>Thanh Xuân              |                           | 5.405.000   | NHCSXH |
| 138 |  | Nguyễn Tiến Đạt                             |                           | 200.000     | NHCSXH |
| 139 |  | Trường TH Trà Vong B                        | Tân Biên                  | 8.196.382   | NHCSXH |
| 140 |  | Tập thể trường TH<br>Thanh Bình A           |                           | 9.926.000   | NHCSXH |
| 141 |  | HS Trường HTCS<br>Nguyễn Văn Linh           | TP Tây Ninh               | 600.000     | NHCSXH |
| 142 |  | Tân Biên, Tân Châu; DV<br>nấu ăn Thanh Thúy |                           | 10.650.000  | NHCSXH |
| 143 |  | Phạm Thị Bích Ngọc                          |                           | 2.000.000   | NHCSXH |
| 144 |  | Le Huy Du                                   |                           | 300.000     | NHCSXH |
| 145 |  | Le Thị Đen                                  |                           | 500.000     | NHCSXH |
| 146 |  | Cty TNHH Bao Ve Hoan<br>Hao                 |                           | 3.000.000   | NHCSXH |
| 147 |  | Cty TNHH Thế Kỷ Xanh                        |                           | 2.000.000   | NHCSXH |
| 148 |  | Cty XD phu khang                            |                           | 1.000.000   | NHCSXH |
| 149 |  | Hoi Cuu Chien Binh                          | xã Tân Đông -<br>Tân Châu | 11.090.000  | NHCSXH |
| 150 |  | Cty TNHH MTV<br>Nguyễn Liêm                 |                           | 100.000.000 | KBNN   |

|     |  |                                                 |                        |             |      |
|-----|--|-------------------------------------------------|------------------------|-------------|------|
| 151 |  | Mai Van Hai                                     |                        | 500.000     | KBNN |
| 152 |  | Do Minh Quang                                   |                        | 500.000     | KBNN |
| 153 |  | Tập thể VP HLG                                  | Tây Ninh               | 1.000.000   | KBNN |
| 154 |  | CBTVC Người HDKCT và toàn thể nhân dân          | xã Tân Đông - Tân Châu | 15.510.000  | KBNN |
| 155 |  | Trường TH Tân Lập                               |                        | 16.296.000  | KBNN |
| 156 |  | CD Cty Điện Lực Tây Ninh                        |                        | 204.120.855 | KBNN |
| 157 |  | Trường TH Thanh Tay                             | Tân Biên               | 4.850.000   | KBNN |
| 158 |  | Trường MN Happy                                 |                        | 10.000.000  | KBNN |
| 159 |  | Trường TH Nguyễn Ba Ngọc                        |                        | 21.821.089  | KBNN |
| 160 |  | CD Cty CPTVXDNN xã TPNT Tây Ninh                |                        | 3.400.000   | KBNN |
| 161 |  | Ninh nộp tiền vận động ủng hộ đồng bào các tỉnh |                        | 111.800.000 | KBNN |
| 162 |  | Trường TH Ben Rong                              |                        | 398.000     | KBNN |
| 163 |  | Nguyen Le Khoa                                  |                        | 200.000     | KBNN |
| 164 |  | Ban Vận động cứu trợ                            | huyện Bến Cầu          | 125.154.999 | KBNN |
| 165 |  | gd Pham Van Phong                               | Hưu trí Phường 2       | 3.000.000   | KBNN |
| 166 |  | Trường MN Rạng Đông                             | Tân Biên               | 12.574.000  | KBNN |
| 167 |  | VKSND                                           | huyện Châu Thanh       | 5.083.500   | KBNN |
| 168 |  | Ban QLDA DTXD                                   | huyện Bến Cầu          | 4.760.000   | KBNN |

|     |  |                                      |              |             |      |
|-----|--|--------------------------------------|--------------|-------------|------|
| 169 |  | Ban Vận động cứu trợ                 | huyện Gò Dầu | 132.140.000 | KBNN |
| 170 |  | CNV QL Farms                         |              | 23.216.000  | KBNN |
| 171 |  | CDCS trường MN Hoa Lan               |              | 4.248.000   | KBNN |
| 172 |  | CT TNHH TM Brotex VN                 |              | 85.000.000  | KBNN |
| 173 |  | Hội Đồng hương Hà Nội                |              | 2.500.000   | TM   |
| 174 |  | Tuấn Nguyên Quý                      |              | 500.000     | TM   |
| 175 |  | Vy Vinh                              |              | 500.000     | TM   |
| 176 |  | Minh Cử                              |              | 500.000     | TM   |
| 177 |  | Hộ đạo Cao Đài xã Bình Minh          |              | 2.000.000   | TM   |
| 178 |  | UBMTTQ huyện Bến Cầu vận động ủng hộ |              | 24.800.000  | TM   |
| 179 |  | Vũ Văn Hiền                          |              | 300.000     | TM   |
| 180 |  | Cty TNHH SXXDTM và DV Huỳnh Anh      |              | 50.000.000  | TM   |
| 181 |  | CQ Hội Cựu chiến binh tỉnh Tây Ninh  |              | 4.100.000   | TM   |
| 182 |  | Nguyễn Thị Lan Hương                 |              | 500.000     | TM   |
| 183 |  | Nhóm thiện nguyện xã Tiên Thuận      |              | 5.000.000   | TM   |
| 184 |  | Trường TH Lê Văn Tám                 |              | 8.318.000   | TM   |
| 185 |  | Văn Công Phú                         |              | 500.000     | TM   |
| 186 |  | GD Hồng Lê Minh Nguyệt               |              | 10.000.000  | TM   |

|     |            |                                                       |                          |            |        |
|-----|------------|-------------------------------------------------------|--------------------------|------------|--------|
| 187 |            | Đàm Bá Việt                                           |                          | 500.000    | TM     |
| 188 |            | Đỗ Văn Nhân                                           |                          | 1.000.000  | TM     |
| 189 |            | Phạm Viết Ứng                                         |                          | 10.000.000 | TM     |
|     |            | Cộng phát sinh ngày<br>17/9/2024                      |                          | #####      |        |
| 1   | 18/09/2024 | CT24091708824491                                      |                          | 500.000    | NHCSXH |
| 2   |            | CDCS Thanh Tra Tân<br>Biên                            |                          | 1.981.092  | NHCSXH |
| 3   |            | CDCS Cty TNHH Dieu<br>Intersnack MST<br>0304727848003 |                          | 5.000.000  | NHCSXH |
| 4   |            | Trần Thị Thanh Thủy                                   |                          | 200.000    | NHCSXH |
| 5   |            | Le Thi Be Huyen Huyện<br>Châu Thành                   |                          | 2.094.000  | NHCSXH |
| 6   |            | Nguyễn Thị Hằng                                       |                          | 200.000    | NHCSXH |
| 7   |            | Ha Van Hoi                                            |                          | 1.000.000  | NHCSXH |
| 8   |            | Nguyen Trong Hien                                     |                          | 200.000    | NHCSXH |
| 9   |            | Truong Phi Hai                                        |                          | 1.000.000  | NHCSXH |
| 10  |            | Bùi Đức Minh<br>CT 0701000403969                      | huyện Dương<br>Minh Châu | 1.000.000  | NHCSXH |
| 11  |            | Lê Thị Mỹ<br>CR24091108665407                         | huyện Dương<br>Minh Châu | 200.000    | NHCSXH |
| 12  |            | Huỳnh Vương Hiếu<br>CT24091108665595                  | huyện Dương<br>Minh Châu | 1.000.000  | NHCSXH |
| 13  |            | Nguyễn Duy Khánh<br>CT24091108666451                  | huyện Dương<br>Minh Châu | 200.000    | NHCSXH |

|    |  |                                           |                                                                      |           |        |
|----|--|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------|--------|
| 14 |  | Ngô Thị Kiều Tiên<br>CT24091108666615     | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 500.000   | NHCSXH |
| 15 |  | Shop Lâm Văn<br>CR24091108667379          | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 1.000.000 | NHCSXH |
| 16 |  | Gia đình Tuấn Thơm<br>CT24091108667601    | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 200.000   | NHCSXH |
| 17 |  | Gia đình Yên Hưng<br>CT24091108668142     | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 500.000   | NHCSXH |
| 18 |  | CT24091108668659                          | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 1.000.000 | NHCSXH |
| 19 |  | Nguyễn Thị Lệ Quyên<br>CT24091108668951   | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 500.000   | NHCSXH |
| 20 |  | Lê Thị Mai<br>CT24091108669023            | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 500.000   | NHCSXH |
| 21 |  | Nguyễn Nhật Hồng<br>CR24091108669030      | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 50.000    | NHCSXH |
| 22 |  | Võ Thị Thủy Linh<br>CT24091108669572      | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 1.000.000 | NHCSXH |
| 23 |  | Nguyễn Thị Diệu Hiền<br>CT24091108670230  | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 500.000   | NHCSXH |
| 24 |  | Lại Thị Tuyết Chinh<br>CT24091108670236   | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 300.000   | NHCSXH |
| 25 |  | Nguyễn Thị Thanh Hiền<br>CR24091108670670 | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 2.000.000 | NHCSXH |
| 26 |  | Lý Tuyết Hằng<br>CR24091108670725         | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 500.000   | NHCSXH |
| 27 |  | Lê Thị Tổ Nữ<br>CT2409110867079           | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 200.000   | NHCSXH |
| 28 |  | Phạm Thị Ngọc Thảo<br>CT24091108671119    | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 1.000.000 | NHCSXH |
| 29 |  | Phạm Thị Thúy Loan                        | Giao viên<br>Trường Mầm<br>non Cầu Khởi,<br>huyện Dương<br>Minh Châu | 200.000   | NHCSXH |
| 30 |  | Trà Thị Thanh Thúy<br>CT24091108671634    | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 500.000   | NHCSXH |
| 31 |  | Lê Thị Thu Trang<br>CT24091108671853      | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 200.000   | NHCSXH |
| 32 |  | Nguyễn Thị Cẩm Vân<br>CT24091108671884    | huyện Dương<br>Minh Châu                                             | 200.000   | NHCSXH |

|    |  |                                                 |                                               |           |        |
|----|--|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------|--------|
| 33 |  | Phan Nguyên Hoàng Anh<br>CT24091108672112       | huyện Dương Minh Châu                         | 1.000.000 | NHCSXH |
| 34 |  | Duy Thị Thanh Huyền<br>CT24091108672316         | huyện Dương Minh Châu                         | 500.000   | NHCSXH |
| 35 |  | Lê Thị Hoa<br>CT24091108672415                  | huyện Dương Minh Châu                         | 500.000   | NHCSXH |
| 36 |  | Đinh Thị Thuận<br>CT24091108672438              | huyện Dương Minh Châu                         | 500.000   | NHCSXH |
| 37 |  | Nguyễn Hồng Nhung<br>CT24091108673990           | huyện Dương Minh Châu                         | 500.000   | NHCSXH |
| 38 |  | Đỗ Thị Thúy Phương                              | trường Mầm non Bến Củi, huyện Dương Minh Châu | 300.000   | NHCSXH |
| 39 |  | Trịnh Thị Vui                                   | trường Mầm non Bến Củi, huyện Dương Minh Châu | 500.000   | NHCSXH |
| 40 |  | Nguyễn Thị Tiếng<br>CT24091108674861            | huyện Dương Minh Châu                         | 500.000   | NHCSXH |
| 41 |  | Lê Thanh Tuyên<br>CT24091108675211              | huyện Dương Minh Châu                         | 300.000   | NHCSXH |
| 42 |  | Bùi Thị Huyền<br>CT24091108675746               | huyện Dương Minh Châu                         | 200.000   | NHCSXH |
| 43 |  | Nguyễn Thị Thuận<br>CT24091108675746            | huyện Dương Minh Châu                         | 500.000   | NHCSXH |
| 44 |  | Mai Thị Chuyên<br>CT24091208676329              | huyện Dương Minh Châu                         | 500.000   | NHCSXH |
| 45 |  | Nguyễn Thành Trung<br>CR24091208676958          | huyện Dương Minh Châu                         | 200.000   | NHCSXH |
| 46 |  | Cty TNHH Cty Đặc Sản Phát, Ninh Sơn TP Tây Ninh | huyện Dương Minh Châu                         | 5.000.000 | TM     |
| 47 |  | Đào Huy Thoảng<br>CT24091208678260              | huyện Dương Minh Châu                         | 200.000   | NHCSXH |
| 48 |  | Võ Minh Phước Hậu<br>CR24091208678533           | huyện Dương Minh Châu                         | 200.000   | NHCSXH |
| 49 |  | Lâm Thái Tú<br>CR24091208678598                 | huyện Dương Minh Châu                         | 200.000   | NHCSXH |
| 50 |  | Mai Thị Yến Trang<br>CT24091208678623           | huyện Dương Minh Châu                         | 500.000   | NHCSXH |
| 51 |  | Nguyễn Thị Hương<br>CT24091208678847            | huyện Dương Minh Châu                         | 500.000   | NHCSXH |

|    |  |                                                |                                                        |            |        |
|----|--|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------|--------|
| 52 |  | CR24091208679358                               | Công ty Vĩnh<br>Thịnh, DMC,<br>Tây Ninh                | 10.000.000 | NHCSXH |
| 53 |  | Võ Thị Ánh Nguyệt<br>CT24091208679406          | Thị trấn Dương Minh Châu                               | 500.000    | NHCSXH |
| 54 |  | Nguyễn Thị Thanh<br>Phượng<br>CT24091208679440 | Thị trấn Dương Minh Châu                               | 500.000    | NHCSXH |
| 55 |  | Lê Thị Ngọc Bích<br>CT24091208679782           | Thị trấn Dương Minh Châu                               | 300.000    | NHCSXH |
| 56 |  | CR24091208680437                               | Thị trấn Dương Minh Châu                               | 2.000.000  | NHCSXH |
| 57 |  | Phan Thị Hồng Gấm<br>CR24091208680475          | Thị trấn Dương Minh Châu                               | 300.000    | NHCSXH |
| 58 |  | Phan Thanh Nhân<br>CR24091208680732            | Thị trấn Dương Minh Châu                               | 500.000    | NHCSXH |
| 59 |  | Phạm Văn Đức<br>CT24091208680771               | Thị trấn Dương Minh Châu                               | 300.000    | NHCSXH |
| 60 |  | Trần Thanh Lâu<br>CT24091208680941             | Thị trấn Dương Minh Châu                               | 500.000    | NHCSXH |
| 61 |  | Tô Văn Cảnh<br>CT24091208681167                | Thị trấn Dương Minh Châu                               | 500.000    | NHCSXH |
| 62 |  | Phạm Văn Đức<br>CT24091208681201               | Thị trấn Dương Minh Châu                               | 200.000    | NHCSXH |
| 63 |  | Đoàn Công Thái<br>CR24091208681708             | Thị trấn Dương Minh Châu                               | 300.000    | NHCSXH |
| 64 |  | Vũ Thanh Thùy<br>CT24091208681728              | Thị trấn Dương Minh Châu                               | 200.000    | NHCSXH |
| 65 |  | CR24091208683148                               | Thị trấn Dương Minh Châu                               | 100.000    | NHCSXH |
| 66 |  | Lâm Kim Tha<br>CT24091208683188                | Thị trấn Dương Minh Châu                               | 500.000    | NHCSXH |
| 67 |  | Nguyễn Ánh Tuyết<br>CT24091208683242           | Xã Phước<br>Minh,<br>huyện Dương<br>Minh Châu          | 5.000.000  | NHCSXH |
| 68 |  | Trần Thị Hồng Diễm<br>CR24091208683349         | Trương Mãn<br>non Bến Củi,<br>huyện Dương<br>Minh Châu | 200.000    | NHCSXH |
| 69 |  | Lê Hồng Sơn<br>CT24091208683908                | Trương Mãn<br>huyện Dương<br>Minh Châu                 | 200.000    | NHCSXH |
| 70 |  | Lê Ngọc Tiên<br>CR24091208684279               | Trương Mãn<br>non Bến Củi,<br>huyện Dương<br>Minh Châu | 200.000    | NHCSXH |

|    |  |                                                      |                                                                    |           |        |
|----|--|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------|--------|
| 71 |  | Trịnh Thị Ngọc Giàu<br>CT24091208684452              | huyện Dương<br>Minh Châu                                           | 200.000   | NHCSXH |
| 72 |  | Trần Nhật Tâm<br>CR24091208684632                    | huyện Dương<br>Minh Châu                                           | 100.000   | NHCSXH |
| 73 |  | Lê Thị Diệu Linh<br>CT24091208685235                 | CĐCC, người<br>hoạt động<br>không chuyên<br>trách xã Phước<br>Ninh | 8.300.000 | NHCSXH |
| 74 |  | Lê Thị Tuyết Hồng<br>CT24091208685781                | huyện Dương<br>Minh Châu                                           | 500.000   | NHCSXH |
| 75 |  | Hội viên phụ nữ xã<br>Phước Ninh<br>CT24091208686086 | huyện Dương<br>Minh Châu                                           | 1.000.000 | NHCSXH |
| 76 |  | Lê Thị Thanh Thảo<br>CT24091208686812                | huyện Dương<br>Minh Châu                                           | 1.000.000 | NHCSXH |
| 77 |  | CR24091208686952                                     | huyện Dương<br>Minh Châu                                           | 100.000   | NHCSXH |
| 78 |  | Nguyễn Thị Hồng Loan<br>CT24091208688695             | huyện Dương<br>Minh Châu                                           | 500.000   | NHCSXH |
| 79 |  | Quốc Việt Phước<br>CT24091208689409                  | huyện Dương<br>Minh Châu                                           | 600.000   | NHCSXH |
| 80 |  | Võ Ngọc Khánh Đan<br>CR24091208689593                | huyện Dương<br>Minh Châu                                           | 100.000   | NHCSXH |
| 81 |  | Phan Thị Quế Minh<br>CT24091208690448                | huyện Dương<br>Minh Châu                                           | 200.000   | NHCSXH |
| 82 |  | Mang Thu Thủy<br>CT24091208690464                    | Xã Bến Củi,<br>huyện Dương<br>Minh Châu                            | 3.000.000 | NHCSXH |
| 83 |  | Anh Tâm Bảo vệ<br>CT24091208692233                   | huyện Dương<br>Minh Châu                                           | 100.000   | NHCSXH |
| 84 |  | Phạm Minh Trọng<br>CR24091208692501                  | huyện Dương<br>Minh Châu                                           | 200.000   | NHCSXH |
| 85 |  | Lê Thị Hồng Lựu<br>CT24091208692986                  | huyện Dương<br>Minh Châu                                           | 500.000   | NHCSXH |
| 86 |  | Nguyễn Thị Minh Huệ<br>CT24091208693791              | huyện Dương<br>Minh Châu                                           | 500.000   | NHCSXH |
| 87 |  | Lê Bích Tuyên<br>CT24091208694111                    | huyện Dương<br>Minh Châu                                           | 100.000   | NHCSXH |



|     |  |                                           |                                           |            |        |
|-----|--|-------------------------------------------|-------------------------------------------|------------|--------|
| 88  |  | Đoàn Thị Quyên<br>CR24091208694273        | Trương Mầm<br>non Bến Củi,<br>huyện Dương | 200.000    | NHCSXH |
| 89  |  | Đinh Thị Thường<br>CT24091208694265       | huyện Dương<br>Minh Châu                  | 400.000    | NHCSXH |
| 90  |  | Võ Thị Xuân Trang<br>CT24091208694280     | Ban Dân vận<br>Huyện ủy<br>Dương Minh     | 300.000    | NHCSXH |
| 91  |  | Trần Thị Ngọc Tâm<br>CT24091208694365     | huyện Dương<br>Minh Châu                  | 200.000    | NHCSXH |
| 92  |  | Trần Thị Xen<br>CT24091208694387          | huyện Dương<br>Minh Châu                  | 500.000    | NHCSXH |
| 93  |  | Trịnh Thị Hằng<br>CT24091208694437        | huyện Dương<br>Minh Châu                  | 500.000    | NHCSXH |
| 94  |  | Đặng Thị Ngọc Vân<br>CT24091208695431     | huyện Dương<br>Minh Châu                  | 1.000.000  | NHCSXH |
| 95  |  | Nguyễn Thị Kim Anh<br>CT24091208697280    | huyện Dương<br>Minh Châu                  | 200.000    | NHCSXH |
| 96  |  | Võ Thị Vi Hương<br>CT24091208698757       | huyện Dương<br>Minh Châu                  | 200.000    | NHCSXH |
| 97  |  | Nguyễn Quốc Phong<br>CT24091208700174     | huyện Dương<br>Minh Châu                  | 200.000    | NHCSXH |
| 98  |  | Phạm Thị Hà Trang<br>CT24091208700319     | huyện Dương<br>Minh Châu                  | 100.000    | NHCSXH |
| 99  |  | Trần Thị Mỹ Linh<br>CT24091208700624      | huyện Dương<br>Minh Châu                  | 100.000    | NHCSXH |
| 100 |  | CT24091208701544                          | Xã Phước<br>Minh,<br>huyện Dương          | 10.000.000 | NHCSXH |
| 101 |  | CT24091208701572                          | Xã Phước<br>Minh,<br>huyện Dương          | 10.000.000 | NHCSXH |
| 102 |  | Nguyễn Thị Ngọc Trang<br>CT24091208702781 | huyện Dương<br>Minh Châu                  | 200.000    | NHCSXH |
| 103 |  | CT24091208704176                          | huyện Dương<br>Minh Châu                  | 200.000    | NHCSXH |
| 104 |  | Hồ Thị Thanh Thúy<br>CT24091208704592     | huyện Dương<br>Minh Châu                  | 100.000    | NHCSXH |
| 105 |  | Nguyễn Thị Thùy Liên<br>CR24091208704943  | huyện Dương<br>Minh Châu                  | 2.000.000  | NHCSXH |
| 106 |  | Trần Ngọc Như<br>CR24091208705514         | Trương Mầm<br>non Bến Củi,<br>huyện Dương | 181.000    | NHCSXH |

|     |  |                                                |                                          |           |        |
|-----|--|------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------|--------|
| 107 |  | Hồ Thị Ba<br>CT24091208705561                  | huyện Dương<br>Minh Châu                 | 500.000   | NHCSXH |
| 108 |  | Đoàn Thị Nga<br>CT24091208706224               | huyện Dương<br>Minh Châu                 | 200.000   | NHCSXH |
| 109 |  | Nguyễn Phước Minh<br>CR24091308708133          | huyện<br>Dương Minh<br>Châu              | 1.000.000 | NHCSXH |
| 110 |  | Công ty Tâm An<br>Techcons<br>CT24091308709215 | huyện<br>Dương Minh<br>Châu              | 5.000.000 | NHCSXH |
| 111 |  | Trần Văn Phước<br>CT24091308709615             | huyện<br>Dương Minh<br>Châu              | 100.000   | NHCSXH |
| 112 |  | Võ Thị Ty Ty<br>CT24091308709808               | huyện<br>Dương Minh<br>Châu              | 1.000.000 | NHCSXH |
| 113 |  | CT24091308710192                               | huyện<br>Dương Minh<br>Châu              | 500.000   | NHCSXH |
| 114 |  | Đặng Thị Xa<br>CT24091308710232                | huyện<br>Dương Minh<br>Châu              | 400.000   | NHCSXH |
| 115 |  | Hùng Thiết<br>CT24091308710328                 | trung tâm<br>Chính trị<br>huyện Dương    | 400.000   | NHCSXH |
| 116 |  | Trần Thị Hiếu<br>CT24091308710931              | huyện<br>Dương Minh<br>Châu              | 300.000   | NHCSXH |
| 117 |  | Nguyễn Khắc Điệp<br>CT24091308711555           | huyện<br>Dương Minh<br>Châu              | 500.000   | NHCSXH |
| 118 |  | Nguyễn Quốc Phong<br>CT24091308711927          | huyện<br>Dương Minh<br>Châu              | 300.000   | NHCSXH |
| 119 |  | Nguyễn Khánh Dương<br>CR24091308712054         | huyện<br>Dương Minh<br>Châu              | 1.000.000 | NHCSXH |
| 120 |  | Hà Ngọc Tú<br>CT24091308712131                 | huyện<br>Dương Minh<br>Châu              | 400.000   | NHCSXH |
| 121 |  | Nguyễn Kim Hồng<br>CT24091308712842            | huyện<br>Dương Minh<br>Châu              | 500.000   | NHCSXH |
| 122 |  | CT24091308713183                               | Quy Trình ứng<br>Nhân dân<br>huyện Dương | 7.300.000 | NHCSXH |
| 123 |  | CR24091308713260                               | Công ty Thái<br>Tuấn Tây Ninh            | 2.000.000 | NHCSXH |
| 124 |  | Bùi Quốc Tuấn<br>CT24091308713788              | Ấp Ninh Phú,<br>xã Bàu Năng              | 200.000   | NHCSXH |
| 125 |  | Thầy Tài mỹ thuật<br>CR24091308714145          | Trường Tiểu<br>học Phước<br>Minh B       | 100.000   | NHCSXH |

|     |  |                                         |                                        |            |        |
|-----|--|-----------------------------------------|----------------------------------------|------------|--------|
| 126 |  | Nguyễn Văn Trường<br>CR24091308714689   | huyện<br>Đương Minh<br>Châu            | 200.000    | NHCSXH |
| 127 |  | Võ Văn Hòa<br>CT24091308714791          | p Láng, xã Chà L                       | 1.200.000  | NHCSXH |
| 128 |  | CT24091308716164                        | Ban Chấp<br>hành Đảng bộ               | 33.200.000 | NHCSXH |
| 129 |  | CT24091308716267                        | huyện Đương<br>học                     | 6.240.000  | NHCSXH |
| 130 |  | LPSF130924290459                        | Công ty TNHH<br>Xăng dầu Nam<br>Trung  | 5.000.000  | NHCSXH |
| 131 |  | Lý Anh Thư - Kiệt<br>CT24091308716838   | ện Dương Minh C                        | 800.000    | NHCSXH |
| 132 |  | CT24091308716956                        | Tập thể<br>CBCCNV                      | 6.500.000  | NHCSXH |
| 133 |  | Lý Thị Minh Kiều<br>CT24091308716993    | Ủy ban Kiểm<br>tra Huyện ủy            | 300.000    | NHCSXH |
| 134 |  | Nguyễn Thị Quế<br>CT24091308717432      | Khu phố 2, Thị<br>trấn,<br>huyện Đương | 1.000.000  | NHCSXH |
| 135 |  | CT24091308718480                        | Trường Mầm<br>non Cầu Khởi             | 6.158.537  | NHCSXH |
| 136 |  | Lê Công Mẫn<br>CT24091308718640         | ện Dương Minh C                        | 500.000    | NHCSXH |
| 137 |  | LPSF130924313302                        | Trung tâm<br>GDNN-GDTX<br>huyện Đương  | 650.000    | NHCSXH |
| 138 |  | Đào Quốc Trọng<br>CT24091308724371      | ện Dương Minh C                        | 500.000    | NHCSXH |
| 139 |  | Nguyễn Thị Hữu Phúc<br>CR24091308725880 | ện Dương Minh C                        | 300.000    | NHCSXH |
| 140 |  | CT24091308726829                        | Xã Phước Minh                          | 9.290.000  | NHCSXH |
| 141 |  | Nguyễn Minh Kha<br>CT24091308727189     | ện Dương Minh C                        | 500.000    | NHCSXH |
| 142 |  | CR24091308728819                        | ện Dương Minh C                        | 200.000    | NHCSXH |
| 143 |  | Lý Tuyết Hằng<br>CR24091308729474       | ện Dương Minh C                        | 1.500.000  | NHCSXH |
| 144 |  | Nguyễn Hồng Tiên<br>CR24091308730150    | Phòng Tài<br>Chính - Kế<br>hoạch       | 300.000    | NHCSXH |

|     |  |                                                          |                                              |            |        |
|-----|--|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------|--------|
| 145 |  | Nguyễn Tấn Phát<br>CT24091308730620                      | Ban Tuyên<br>giáo Huyện ủy<br>Đương Minh     | 300.000    | NHCSXH |
| 146 |  | CT24091308730962                                         | Tập hóa<br>Phượng Rô                         | 1.000.000  | NHCSXH |
| 147 |  | Trương Huệ Mẫn<br>CR24091308731894                       | ện Dương Minh C                              | 500.000    | NHCSXH |
| 148 |  | Nguyễn Thị Thanh Hiền<br>CR24091308731945                | ện Dương Minh C                              | 3.000.000  | NHCSXH |
| 149 |  | Dương Đình Thanh<br>CR24091308732742                     | ện Dương Minh C                              | 2.000.000  | NHCSXH |
| 150 |  | Nguyễn Kim Vui<br>CT24091308733304                       | ện Dương Minh C                              | 500.000    | NHCSXH |
| 151 |  | Trần Thị Thu Trang<br>CT24091308733461                   | ện Dương Minh C                              | 1.000.000  | NHCSXH |
| 152 |  | Tập thể CBCCVV-LĐ<br>Văn phòng HĐND-<br>UBND huyện Dương | ện Dương Minh C                              | 7.636.000  | TM     |
| 153 |  | Nguyễn Trần Vi Khang<br>CR24091308733520                 | ện Dương Minh C                              | 200.000    | NHCSXH |
| 154 |  | Nguyễn Thanh Tùng<br>CR24091308736537                    | huyện Dương<br>Minh Châu                     | 100.000    | NHCSXH |
| 155 |  | Võ Thành Tổ<br>CT24091408736892                          | huyện Dương<br>Minh Châu                     | 1.000.000  | NHCSXH |
| 156 |  | GD ông Lý Văn Tâm<br>CT24091408737034                    | huyện Dương<br>Minh Châu                     | 300.000    | NHCSXH |
| 157 |  | CT24091408738412                                         | huyện Dương<br>Minh Châu                     | 200.000    | NHCSXH |
| 158 |  | Nguyễn Quang Minh<br>CT24091408738741                    | huyện Dương<br>Minh Châu                     | 10.000.000 | NHCSXH |
| 159 |  | CR24091408739303                                         | Xã Bàu Nang,<br>huyện Dương<br>Minh Châu vận | 10.700.000 | NHCSXH |
| 160 |  | CR24091408739735                                         | ện Dương Minh C                              | 500.000    | NHCSXH |
| 161 |  | Vũ Thanh Thùy<br>CT24091408742177                        | ện Dương Minh C                              | 300.000    | NHCSXH |
| 162 |  | Võ Thị Thu Vân<br>CT24091408744110                       | ện Dương Minh C                              | 500.000    | NHCSXH |
| 163 |  | CT24091408745540                                         | CDCS Trường<br>Tiểu học<br>Phước Ninh        | 13.658.227 | NHCSXH |

|     |  |                                               |                                                                  |           |        |
|-----|--|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------|--------|
| 164 |  | Huỳnh Vũ Phương<br>CR24091408746099           | Công ty<br>Phước Thảo<br>Mị Nê, xã<br>Phước Ninh,<br>huyện Dương | 5.000.000 | NHCSXH |
| 165 |  | CR24091408749064                              | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 100.000   | NHCSXH |
| 166 |  | Lý Thị Kim Huệ<br>CT24091408749360            | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 500.000   | NHCSXH |
| 167 |  | Hồ Thị Kim Nhật<br>CT24091408751910           | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 500.000   | NHCSXH |
| 168 |  | Hồ Văn Mỹ<br>CT24091408753076                 | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 200.000   | NHCSXH |
| 169 |  | Nguyễn Thị Yến Linh<br>CR24091408756366       | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 200.000   | NHCSXH |
| 170 |  | Trương Thị Bông<br>CT24091408757156           | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 300.000   | NHCSXH |
| 171 |  | Trần Thị Hữu<br>CR24091408758266              | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 500.000   | NHCSXH |
| 172 |  | CR24091408758467                              | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 500.000   | NHCSXH |
| 173 |  | Nguyễn Phạm Nhật<br>Chinh<br>CT24091408750524 | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 200.000   | NHCSXH |
| 174 |  | Phạm Ngọc Anh<br>CT24091508762004             | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 1.000.000 | NHCSXH |
| 175 |  | Khuông Phú Hải<br>CT24091508764900            | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 500.000   | NHCSXH |
| 176 |  | CT24091508767565                              | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 710.000   | NHCSXH |
| 177 |  | Nguyễn Đức Hoàng<br>CT24091508768767          | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 5.000.000 | NHCSXH |
| 178 |  | Võ Văn Tổng<br>CR24091508770241               | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 200.000   | NHCSXH |
| 179 |  | Hồ Thị Ngọc Huệ<br>CT24091508775337           | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 500.000   | NHCSXH |
| 180 |  | Phùng Thế Việt<br>CR24091508778461            | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 1.000.000 | NHCSXH |
| 181 |  | CR24091508779469                              | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 5.000.000 | NHCSXH |
| 182 |  | Huỳnh Thị Vẻ<br>CT24091608783585              | Phước Ninh,<br>huyện Dương                                       | 200.000   | NHCSXH |

|     |  |                                                         |                                           |            |        |
|-----|--|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------|--------|
| 183 |  | CR24091608784932                                        | Trường TH-THCS Bến                        | 20.194.000 | NHCSXH |
| 184 |  | CR24091608785218                                        | Cửa hàng điện thoại di động Công ty TNHH  | 300.000    | NHCSXH |
| 185 |  | Nguyễn Văn Trứ<br>CR24091608785644                      | Đảo, huyện Dương Minh                     | 2.000.000  | NHCSXH |
| 186 |  | Mai Hiền Triết<br>CR24091608785958                      | huyện Dương Minh Châu                     | 300.000    | NHCSXH |
| 187 |  | Huỳnh Thị Lâm<br>Huỳnh Ngọc Như Ý<br>CT24091608786040   | huyện Dương Minh Châu                     | 150.000    | NHCSXH |
| 188 |  | CT24091608788409                                        | huyện Dương Minh Châu                     | 500.000    | NHCSXH |
| 189 |  | CTSF160924680310                                        | UBMTTQ VN Thị trấn DMC                    | 25.000.000 | NHCSXH |
| 190 |  | Nguyễn Đình Xuân<br>CT24091608790208                    | Hội Cựu Chiến binh huyện Dương Minh       | 260.000    | NHCSXH |
| 191 |  | Trần Minh Châu<br>CT24091608790303                      | Hội Cựu Chiến binh huyện Dương Minh       | 240.000    | NHCSXH |
| 192 |  | Nguyễn Bông Ngân<br>CT24091608791096                    | Hội Cựu Chiến binh huyện Dương Minh       | 200.000    | NHCSXH |
| 193 |  | LPSF160924689107                                        | Công ty CP tư vấn xây dựng Phúc Kiến      | 10.000.000 | NHCSXH |
| 194 |  | CT24091608791713                                        | Hội Cựu Chiến binh xã Chà Lẻ, huyện       | 1.510.000  | NHCSXH |
| 195 |  | CT24091608791813                                        | rap thể thao, xã, ấp, giáo viên, nhân dân | 41.390.000 | NHCSXH |
| 196 |  | CT24091608793035                                        | Trường THCS Truong Mít, huyện Dương       | 14.902.271 | NHCSXH |
| 197 |  | Đang Kiên văn<br>Lê Nguyễn Kim Ngân<br>CT24091608793147 | Lớp 1a5, Trường Mầm non xã Suối           | 150.000    | NHCSXH |
| 198 |  | Trần Thị Kim Duyên<br>CT24091608793170                  | huyện Dương Minh Châu                     | 300.000    | NHCSXH |
| 199 |  | CT24091608795392                                        | Công ty TNHH MTV Trà Tâm Lan, xã Gầm      | 20.300.000 | NHCSXH |
| 200 |  | CR24091608795734                                        | Trường Mầm non Bến Củi, huyện Dương       | 4.065.041  | NHCSXH |
| 201 |  | LPSF160924721079                                        | Gia đình ông Nguyễn Thị Tuyết Minh        | 2.000.000  | NHCSXH |

|     |  |                                                                   |                                                  |            |        |
|-----|--|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------|--------|
| 202 |  | CT24091608797849                                                  | Trường Mầm non Phước Ninh, huyện                 | 8.700.000  | NHCSXH |
| 203 |  | CT24091608798961                                                  | Trường Tiểu học Bình Linh, huyện Dương Minh Châu | 4.300.000  | NHCSXH |
| 204 |  | CT24091608799390                                                  | Cán bộ nội viên Hội Cựu Chiến binh xã            | 2.900.000  | NHCSXH |
| 205 |  | Phạm Hồ Nương<br>CT24091608799410                                 | huyện Dương Minh Châu                            | 200.000    | NHCSXH |
| 206 |  | CR24091608801586                                                  | Trường THCS Phước Minh, huyện Dương              | 9.206.000  | NHCSXH |
| 207 |  | Phan Hồng Quân<br>CR24091608813417                                | huyện Dương Minh Châu                            | 200.000    | NHCSXH |
| 208 |  | CT24091608813617                                                  | Công ty TNHH Hùng Huy, huyện Dương               | 1.000.000  | NHCSXH |
| 209 |  | Tòa án huyện                                                      | huyện Dương Minh Châu                            | 7.000.000  | NHCSXH |
| 210 |  | Hội Phụ nữ Thị trấn Dương Minh Châu                               | huyện Dương Minh Châu                            | 7.500.000  | NHCSXH |
| 211 |  | Trường THCS Thị trấn Dương Minh Châu                              | huyện Dương Minh Châu                            | 15.490.000 | NHCSXH |
| 212 |  | Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thanh                        | huyện Dương Minh Châu                            | 2.450.000  | NHCSXH |
| 213 |  | Hội Nông dân xã Phan                                              | huyện Dương Minh Châu                            | 600.000    | NHCSXH |
| 214 |  | Hội Cựu Chiến binh xã Phan                                        | huyện Dương Minh Châu                            | 500.000    | NHCSXH |
| 215 |  | CBC, người hoạt động không chuyên trách, cán bộ công an về MTO xã | huyện Dương Minh Châu                            | 6.035.000  | NHCSXH |
| 216 |  | Đại lý vé số Hùng Tú, xã Phan                                     | huyện Dương Minh Châu                            | 4.000.000  | NHCSXH |
| 217 |  | GD Tran Van Be                                                    |                                                  | 500.000    | NHCSXH |
| 218 |  | Nguyen Thanh Hung                                                 |                                                  | 500.000    | NHCSXH |
| 219 |  | Nguyen Thi Do Tuc<br>Thim Hai Do                                  | Trảng Bàng                                       | 1.000.000  | NHCSXH |
| 220 |  | DL vé số Minh Thu                                                 |                                                  | 500.000    | NHCSXH |

|     |  |                                                            |            |            |        |
|-----|--|------------------------------------------------------------|------------|------------|--------|
| 221 |  | Tào án huyện Tân Biên                                      |            | 5.812.000  | NHCSXH |
| 222 |  | Dang Kim Thanh                                             | Trảng Bàng | 300.000    | NHCSXH |
| 223 |  | Nguyen Van Trang                                           |            | 200.000    | NHCSXH |
| 224 |  | UBND xã Đồng Khởi<br>huyện Châu Thành nộp<br>tiền vận động |            | 10.200.000 | NHCSXH |
| 225 |  | Truường MN Vang Anh,<br>TP Tây Ninh                        |            | 2.160.000  | NHCSXH |
| 226 |  | CB Hội viên HCBB xã<br>Tân Hà huyện Tân Châu               |            | 5.000.000  | NHCSXH |
| 227 |  | HS Trường TH Thanh<br>Xuân                                 |            | 3.747.000  | NHCSXH |
| 228 |  | BQLDA DTXD huyện<br>Châu Thành                             |            | 5.850.000  | NHCSXH |
| 229 |  | TT phát triển quỹ đất<br>huyện Tân Biên                    |            | 3.160.000  | NHCSXH |
| 230 |  | UBND xã Suối Dây vận<br>động mạnh thường quân              |            | 3.280.000  | NHCSXH |
| 231 |  | Long CT TN chuyển tiền<br>các than nhân Kieu Bao           |            | 10.000.000 | NHCSXH |
| 232 |  | Nguyen Xam                                                 |            | 500.000    | NHCSXH |
| 233 |  | Le Thi Hai Yen                                             |            | 200.000    | NHCSXH |
| 234 |  | Tran Minh Bang                                             |            | 600.000    | NHCSXH |
| 235 |  | Nguyen Van Co                                              |            | 500.000    | NHCSXH |
| 236 |  | Tran Thi Linh con gái c<br>Ut ấp 1 Suoi Ngo                |            | 200.000    | NHCSXH |



|     |  |                                                             |  |           |        |
|-----|--|-------------------------------------------------------------|--|-----------|--------|
| 237 |  | Le Trung Hieu                                               |  | 2.000.000 | NHCSXH |
| 238 |  | Truong Thi Hay Phòng<br>TCKH Tân Châu                       |  | 500.000   | NHCSXH |
| 239 |  | Nguyen Thanh Thuy                                           |  | 200.000   | NHCSXH |
| 240 |  | Do Ngoc Luu ct DC Ngo<br>Huy Hoan HV CCB BI<br>Thu chi bo 5 |  | 500.000   | NHCSXH |
| 241 |  | CT24901708837133                                            |  | 2.120.000 | NHCSXH |
| 242 |  | Nguyen Thi Huyen                                            |  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 243 |  | CT24091708837650                                            |  | 200.000   | NHCSXH |
| 244 |  | Trường MG AN Co<br>huyện Châu Thành                         |  | 2.804.000 | NHCSXH |
| 245 |  | Trường THCS Nguyen<br>Trai TP Tây Ninh                      |  | 2.720.000 | NHCSXH |
| 246 |  | Tran Thi Thanh Hoa                                          |  | 300.000   | NHCSXH |
| 247 |  | CBGVNV trường TH<br>Duy Tan                                 |  | 3.600.000 | NHCSXH |
| 248 |  | Do Thuy Oanh ấp 1 Suối<br>Ngô                               |  | 100.000   | NHCSXH |
| 249 |  | CT24091708840338                                            |  | 5.000.000 | NHCSXH |
| 250 |  | Phan Huu Thoai                                              |  | 300.000   | NHCSXH |

|     |  |                                                     |  |           |        |
|-----|--|-----------------------------------------------------|--|-----------|--------|
| 251 |  | Nguyen Thi Gam ấp 4<br>Suối Ngô                     |  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 252 |  | CB GV NV Trường MG<br>Trí Bình, huyện Châu<br>Thành |  | 2.020.000 | NHCSXH |
| 253 |  | Ha Van Thuan                                        |  | 200.000   | NHCSXH |
| 254 |  | gd ÔNg Vo Van Hen,<br>Tân Biên                      |  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 255 |  | Nguyen Thi Hong Hanh,<br>Tân Biên                   |  | 200.000   | NHCSXH |
| 256 |  | Nguyen Thi Thu Dieu                                 |  | 100.000   | NHCSXH |
| 257 |  | gd Tam Van, Tây Ninh                                |  | 1.000.000 | NHCSXH |
| 258 |  | Tran Ngo Phuong Thao                                |  | 100.000   | NHCSXH |
| 259 |  | Pham Thi Nhung                                      |  | 200.000   | NHCSXH |
| 260 |  | Do Thu Trang                                        |  | 200.000   | NHCSXH |
| 261 |  | Dang Ngoc Kim Loan                                  |  | 200.000   | NHCSXH |
| 262 |  | Ho Thi Thuy                                         |  | 100.000   | NHCSXH |
| 263 |  | tập thể cty Bao Minh,<br>Tây Ninh                   |  | 5.000.000 | NHCSXH |
| 264 |  | CT24091808848970                                    |  | 500.000   | NHCSXH |
| 265 |  | Phan Thi Diem Loi MG<br>Tân Hưng TC TN              |  | 100.000   | NHCSXH |
| 266 |  | Ngo Thi Nhung TH Suoi<br>Day A                      |  | 300.000   | NHCSXH |
| 267 |  | Dinh Thi Thu Trang                                  |  | 300.000   | NHCSXH |

|     |  |                                             |  |             |        |
|-----|--|---------------------------------------------|--|-------------|--------|
| 268 |  | Le Thuy Hang                                |  | 300.000     | NHCSXH |
| 269 |  | Tập thể gv, nv trường TH Hoa Hiep, Tân Biên |  | 7.865.000   | NHCSXH |
| 270 |  | tập thể hs trường TH Hoa Hiep, Tân Biên     |  | 1.663.000   | NHCSXH |
| 271 |  | Nguyen Thi Hong Tham                        |  | 200.000     | NHCSXH |
| 272 |  | Nguyen Anh Tuan                             |  | 100.000     | NHCSXH |
| 273 |  | Pham Thi Hong Hau                           |  | 1.000.000   | NHCSXH |
| 274 |  | Cty TNHH MTV Trung Nam                      |  | 100.000.000 | KBNN   |
| 275 |  | Trường TH Thanh Sơn, Tân Biên               |  | 5.825.000   | KBNN   |
| 276 |  | THCS Nguyễn Khuyến Tân Biên                 |  | 7.163.000   | KBNN   |
| 277 |  | Nguyễn Khuyến Tân Biên                      |  | 2.023.000   | KBNN   |
| 278 |  | Trường THCS Thien Ngon                      |  | 9.662.620   | KBNN   |
| 279 |  | Luong Dau Tieng, Tây Ninh                   |  | 3.000.000   | KBNN   |
| 280 |  | Hoi Nong Dan tỉnh nộp tiền vận động ủng hộ  |  | 24.805.000  | KBNN   |
| 281 |  | Chi Cuc Thi hanh An Dan Su huyện Tân Châu   |  | 5.581.000   | KBNN   |
| 282 |  | EWX049982879 CTAD Ho Thanh Nhi              |  | 100.000     | KBNN   |
| 283 |  | BQL CHO và các BB Tân Biên                  |  | 6.073.748   | KBNN   |
| 284 |  | Trường MN Hoàng Yến KP2, TT DMC             |  | 1.350.000   | KBNN   |
| 285 |  | Trường TH Ninh Hưng - Chà Là                |  | 2.200.000   | KBNN   |

|                           |            |                                               |  |             |    |
|---------------------------|------------|-----------------------------------------------|--|-------------|----|
| 286                       |            | Con em CDV Ban Tuyên<br>Giáo Tỉnh ủy          |  | 2.071.000   | TM |
| 287                       |            | CB NV - CNCT Tân<br>Việt Sinh                 |  | 3.300.000   | TM |
| Tổng 287 đơn vị + cá nhân |            |                                               |  | 761.646.536 |    |
| 1                         | 19/09/2024 | Le Thi Nga                                    |  | 300.000     |    |
| 2                         |            | Trường Mn Tuổi Ngọc<br>TPTN                   |  | 1.460.000   |    |
| 3                         |            | Huỳnh Thanh Thia                              |  | 5.000.000   |    |
| 4                         |            | Nguyen Thi Phuong                             |  | 100.000     |    |
| 5                         |            | Do Thi Gai                                    |  | 200.000     |    |
| 6                         |            | Pham Minh Phuc                                |  | 200.000     |    |
| 7                         |            | Hue                                           |  | 300.000     |    |
| 8                         |            | CDCS Cty Tan Dai Ngoc                         |  | 5.610.000   |    |
| 9                         |            | Ha Huy Chung                                  |  | 1.000.000   |    |
| 10                        |            | CB GVCNV Trường TH<br>Binh Phong              |  | 18.167.000  |    |
| 11                        |            | DV Cb ấp Suoi Muon<br>Thai Binh, Chau Thanh   |  | 9.000.000   |    |
| 12                        |            | DV 213 ấp Suoi Muon<br>Thai Binh - Chau Thanh |  | 2.900.000   |    |
| 13                        |            | Hoi CCB ấp Suoi Muon<br>Thai Binh, Chau Thanh |  | 2.000.000   |    |
| 14                        |            | Truong MG Tan Dong                            |  | 4.600.000   |    |
| 15                        |            | Truong MG thị trấn                            |  | 1.760.000   |    |

|    |  |                                                   |  |            |  |
|----|--|---------------------------------------------------|--|------------|--|
| 16 |  | Nguyen Chau Dat                                   |  | 500.000    |  |
| 17 |  | Huynh Cong Dung                                   |  | 500.000    |  |
| 18 |  | Tran Thi Minh Ly                                  |  | 300.000    |  |
| 19 |  | Trường TH Thanh Bình<br>B huyện Tân Biên          |  | 10.552.000 |  |
| 20 |  | Bich Tram                                         |  | 100.000    |  |
| 21 |  | Ha Thi Tinh                                       |  | 500.000    |  |
| 22 |  | BTT UBND Cong Giao<br>Tây Ninh                    |  | 5.000.000  |  |
| 23 |  | CBGVNV Trường<br>THCS Tra Vong, huyện<br>Tân Biên |  | 6.628.460  |  |
| 24 |  | CĐCS trường TH Thạnh<br>Bắc B                     |  | 3.602.820  |  |
| 25 |  | Tập thể GVHS trường<br>THCS Nguyễn Văn Linh       |  | 8.398.000  |  |
| 26 |  | Trường TH Nguyễn<br>Dinh Chiêu, Tân Biên          |  | 14.732.842 |  |
| 27 |  | GLORYDAYS<br>FASHION                              |  | 19.000.000 |  |
| 28 |  | Le Dac Phong Ccb ap<br>Tan Thanh                  |  | 100.000    |  |
| 29 |  | Trường MN Hoa Mai                                 |  | 7.342.000  |  |
| 30 |  | Dương Quốc Bảo, Trảng<br>Bàng                     |  | 100.000    |  |
| 31 |  | Tran Thi Ngoc Loan                                |  | 200.000    |  |

|    |  |                                            |  |           |  |
|----|--|--------------------------------------------|--|-----------|--|
| 32 |  | Nguyen Thi Truc Ly                         |  | 300.000   |  |
| 33 |  | Lai Thi Nam Phuong, Dv<br>213 ap Suoi Muon |  | 200.000   |  |
| 34 |  | CT24091808863937                           |  | 200.000   |  |
| 35 |  | Vo Thien Tu                                |  | 500.000   |  |
| 36 |  | Chi Hoi CCB ấp 3, Suoi<br>Day              |  | 600.000   |  |
| 37 |  | Vu Thanh Tuyen                             |  | 500.000   |  |
| 38 |  | Chi hoi CCB ấp 4, Suoi<br>Day              |  | 1.100.000 |  |
| 39 |  | Chi hoi CCB ấp 1, Suoi<br>Day              |  | 1.770.000 |  |
| 40 |  | Pham Thi Loan                              |  | 500.000   |  |
| 41 |  | Nguyen Thi Hong Phuc                       |  | 500.000   |  |
| 42 |  | Ngo Quang Bien                             |  | 200.000   |  |
| 43 |  | Trường TH Thanh Hung,<br>Chau Thanh        |  | 9.638.000 |  |
| 44 |  | CĐCS Ban QLDA<br>DTXD huyện Tân Biên       |  | 6.115.000 |  |
| 45 |  | Nguyen Thanh Thong                         |  | 500.000   |  |

|    |            |                                          |  |                    |        |
|----|------------|------------------------------------------|--|--------------------|--------|
| 46 |            | Vo Minh Hung                             |  | 500.000            |        |
| 47 |            | Nguyen Tran Huy<br>Khuong                |  | 500.000            |        |
| 48 |            | Le Thi Kim Phuong                        |  | 500.000            |        |
| 49 |            | BCH Đảng bộ đồn BP<br>Xa Mát             |  | 2.000.000          |        |
| 50 |            | Chi ủy chi bộ 3 đồn BP<br>Xa Mát         |  | 1.000.000          |        |
| 51 |            | Chi ủy chi bộ 2 đồn BP<br>Xa Mát         |  | 1.000.000          |        |
| 52 |            | CHT chi HPN ấp Tân<br>Tiến xã tân Lập    |  | 400.000            |        |
| 53 |            | Nguyen Van Phong                         |  | 500.000            |        |
| 54 |            | Trường MN Thai Bình                      |  | 4.750.000          |        |
|    |            | <b>Cộng phát sinh ngày<br/>19/9/2024</b> |  | <b>163.926.122</b> |        |
| 1  | 20/09/2024 | Tòa án huyện Tân Châu                    |  | 3.300.000          | NHCSXH |
| 2  | 20/09/2024 | Le Thi Diem Huong                        |  | 100.000            | NHCSXH |
| 3  | 20/09/2024 | TRUONG TH AN CO                          |  | 8.130.000          | NHCSXH |
| 4  | 20/09/2024 | LUONG THI NGOC<br>DIEM                   |  | 100.000            | NHCSXH |
| 5  | 20/09/2024 | TRAN THI KIM<br>DUYEN                    |  | 100.000            | NHCSXH |
| 6  | 20/09/2024 | VO THI MAI HUYNH                         |  | 200.000            | NHCSXH |
| 7  | 20/09/2024 | HUYNH THI LE THU                         |  | 200.000            | NHCSXH |

|    |            |                                           |  |           |        |
|----|------------|-------------------------------------------|--|-----------|--------|
| 8  | 20/09/2024 | LE VA TUNG,Tổ 3, ấp 3                     |  | 100.000   | NHCSXH |
| 9  | 20/09/2024 | CHI HOI CCB ÂP 5,<br>SUOI DAY             |  | 320.000   | NHCSXH |
| 10 | 20/09/2024 | CHI HOI CCB NT5                           |  | 700.000   | NHCSXH |
| 11 | 20/09/2024 | QTDND THAI BINH                           |  | 1.100.000 | NHCSXH |
| 12 | 20/09/2024 | CNV PHUC THANG                            |  | 5.500.000 | NHCSXH |
| 13 | 20/09/2024 | VO THI QUYNH NHU                          |  | 250.000   | NHCSXH |
| 14 | 20/09/2024 | HO THI LIEN                               |  | 250.000   | NHCSXH |
| 15 | 20/09/2024 | THANH LONG, ấp 6 xã<br>Suối Ngô, Tân Châu |  | 5.000.000 | NHCSXH |
| 16 | 20/09/2024 | LE TAN CUONG CCB<br>ấp Tan Loi            |  | 200.000   | NHCSXH |
| 17 | 20/09/2024 | Nguyen Thi Hong Tham                      |  | 150.000   | NHCSXH |
| 18 | 20/09/2024 | Le Thi Diem Huong                         |  | 100.000   | NHCSXH |
| 19 | 20/09/2024 | Bui Thi Mai Huong                         |  | 150.000   | NHCSXH |
| 20 | 20/09/2024 | HUYNH THI LE THU                          |  | 50.000    | NHCSXH |
| 21 | 20/09/2024 | CR24091908883454                          |  | 200.000   | NHCSXH |
| 22 | 20/09/2024 | Tran THI KIM QUYEN                        |  | 100.000   | NHCSXH |
| 23 | 20/09/2024 | PHUONG                                    |  | 150.000   | NHCSXH |
| 24 | 20/09/2024 | LUONG THI NGOC<br>DIEM                    |  | 50.000    | NHCSXH |



|    |            |                                        |  |           |        |
|----|------------|----------------------------------------|--|-----------|--------|
| 25 | 20/09/2024 | PHAN THI DIEM LOI<br>MG TAN HUNG TC TN |  | 200.000   | NHCSXH |
| 26 | 20/09/2024 | NGUYEN THI DIEU<br>HIEN                |  | 200.000   | NHCSXH |
| 27 | 20/09/2024 | BUI THI THU HUONG                      |  | 250.000   | NHCSXH |
| 28 | 20/09/2024 | Tran Cuong Nho                         |  | 200.000   | NHCSXH |
| 29 | 20/09/2024 | Le Thi Bich Hop                        |  | 5.000.000 | NHCSXH |
| 30 | 20/09/2024 | Nguyen Thi Mai Thy                     |  | 210.000   | NHCSXH |
| 31 | 20/09/2024 | BCQ Hộ đạo Cao Đài xã<br>Suối Ngô      |  | 5.000.000 | NHCSXH |
| 32 | 20/09/2024 | Tran Thi Tuyen Kha                     |  | 210.000   | NHCSXH |
| 33 | 20/09/2024 | Nguyen Thi Ngoc Ninh                   |  | 200.000   | NHCSXH |
| 34 | 20/09/2024 | chi hoi ccb ấp 7                       |  | 320.000   | NHCSXH |
| 35 | 20/09/2024 | Tran Thi Huan                          |  | 200.000   | NHCSXH |
| 36 | 20/09/2024 | Bui Van Thao                           |  | 500.000   | NHCSXH |
| 37 | 20/09/2024 | BTG huyện Tân Biên                     |  | 1.613.000 | NHCSXH |
| 38 | 20/09/2024 | BTC huyện Tân Biên                     |  | 2.330.000 | NHCSXH |
| 39 | 20/09/2024 | BDV huyện Tân Biên                     |  | 1.255.000 | NHCSXH |

|    |            |                                                         |  |            |        |
|----|------------|---------------------------------------------------------|--|------------|--------|
| 40 | 20/09/2024 | VPHU Tân Biên                                           |  | 6.350.000  | NHCSXH |
| 41 | 20/09/2024 | Cơ sở cơ Tuyết cơ<br>Liên Hội Cựu Giáo Chức<br>Tân Biên |  | 2.000.000  | NHCSXH |
| 42 | 20/09/2024 | Đo Thị Hà                                               |  | 2.255.561  | NHCSXH |
| 43 | 20/09/2024 | Tập thể Hội cựu giao<br>chức thị trấn châu thành        |  | 11.000.000 | NHCSXH |
| 44 | 20/09/2024 | Dương Minh Trí                                          |  | 1.000.000  | NHCSXH |
| 45 | 20/09/2024 | Trường MG Hội Hoi                                       |  | 1.505.000  | NHCSXH |
| 46 | 20/09/2024 | Trường THCS Hao Hội<br>Châu thành                       |  | 2.400.000  | NHCSXH |
| 47 | 20/09/2024 | MTTQVN xã An Bình                                       |  | 3.485.000  | NHCSXH |
| 48 | 20/09/2024 | Nguyễn Đình Thiên                                       |  | 200.000    | NHCSXH |
| 49 | 20/09/2024 | Nguyễn Văn Văn, tổ 18<br>Kp 2, TT Tân Biên              |  | 30.000.000 | NHCSXH |
| 50 | 20/09/2024 | Trường MG Dong Khoi<br>Châu Thành                       |  | 2.300.000  | NHCSXH |
| 51 | 20/09/2024 | ĐU HĐND UBND<br>UBMTQVN xã Tân<br>Hội, Tân Châu         |  | 97.740.000 | NHCSXH |
| 52 | 20/09/2024 | Phòng GDDT huyện Tân<br>Biên                            |  | 4.200.000  | KBNN   |
| 53 | 20/09/2024 | Trường MN Trần Thị<br>Sanh                              |  | 15.452.000 | KBNN   |

|    |            |                                |  |            |      |
|----|------------|--------------------------------|--|------------|------|
| 54 | 20/09/2024 | Hội ND tỉnh vận động ủng hộ    |  | 15.370.000 | KBNN |
| 55 | 20/09/2024 | CTTNHH Hung Thinh Rubber       |  | 20.000.000 | KBNN |
| 56 | 20/09/2024 | Trường TH Bà Nằng              |  | 11.943.000 | KBNN |
| 57 | 20/09/2024 | Trường TH Tân Bình             |  | 9.500.000  | KBNN |
| 58 | 20/09/2024 | Cty THNN Thong Dai Phat Dong   |  | 15.000.000 | KBNN |
| 59 | 20/09/2024 | Nguyen Thi My Uyen             |  | 200.000    | KBNN |
| 60 | 20/09/2024 | Nguyen Son Ngoc                |  | 1.100.000  | KBNN |
| 61 | 20/09/2024 | HND tỉnh vận động ủng hộ       |  | 10.960.000 | KBNN |
| 62 | 20/09/2024 | Trường THCS Thạnh Bắc Tân Biên |  | 5.714.475  | KBNN |
| 63 | 20/09/2024 | CDCS trường MN 1/6             |  | 10.021.000 | KBNN |
| 64 | 20/09/2024 | LDLĐ tỉnh vận động ủng hộ      |  | #####      | KBNN |
| 65 | 20/09/2024 | Võ Thị Hương                   |  | 200.000    | TM   |
| 66 | 20/09/2024 | CBCNV CTTNHH Hung Thinh Rubber |  | 27.150.000 | TM   |
| 67 | 20/09/2024 | Huỳnh Hoàng Anh, Tân Châu      |  | 5.000.000  | TM   |
| 68 | 20/09/2024 | Đinh Thị Phương                |  | 1.000.000  | TM   |

|    |            |                                      |  |            |        |
|----|------------|--------------------------------------|--|------------|--------|
| 69 | 20/09/2024 | Nguyễn Văn Dân                       |  | 500.000    | TM     |
| 70 | 20/09/2024 | CH CCB, KP3, P1                      |  | 2.063.000  | TM     |
| 71 | 20/09/2024 | CB và nhân dân KP6, F4               |  | 2.000.000  | TM     |
| 72 | 20/09/2024 | Phan Văn Hà                          |  | 10.500.000 | TM     |
| 73 | 20/09/2024 | Bui Thị Hương                        |  | 5.000.000  | TM     |
| 74 | 20/09/2024 | Huỳnh Minh Anh                       |  | 500.000    | TM     |
| 75 | 20/09/2024 | Huỳnh Phúc Hưng                      |  | 500.000    | TM     |
| 76 | 20/09/2024 | Trường TH Lê Văn Tám                 |  | 1.581.000  | TM     |
| 77 | 20/09/2024 | CLB Bóng bàn TN                      |  | 11.400.000 | TM     |
| 78 | 20/09/2024 | Tập thể HS trường THCS Võ Văn Kiệt   |  | 8.306.000  | TM     |
| 79 | 20/09/2024 | Tập thể GV trường THCS Võ Văn Kiệt   |  | 3.450.000  | TM     |
| 80 | 20/09/2024 | Hội CCB phường Ninh Sơn              |  | 6.920.000  | TM     |
|    |            | <b>Cộng phát sinh ngày 20/9/2024</b> |  | #####      |        |
| 1  | 21/09/2024 | Trường TH Phước Vinh A, Châu Thành   |  | 12.590.000 | NHCSXH |
| 2  |            | Trường TH Ben Cu                     |  | 4.771.000  | NHCSXH |
| 3  |            | GV HS Truong MN Xa Mat               |  | 9.578.000  | NHCSXH |
| 4  |            | Viễn Thông Tây Ninh                  |  | 50.000.000 | NHCSXH |

|    |  |                                                                        |  |             |        |
|----|--|------------------------------------------------------------------------|--|-------------|--------|
| 5  |  | Tập thể lớp 2B trường<br>TH Suối Dây A                                 |  | 500.000     | NHCSXH |
| 6  |  | Trường MN Thái Chánh                                                   |  | 8.406.000   | NHCSXH |
| 7  |  | Tập thể to dân cu tu quan<br>so 7 kp Loc An, Loc<br>Hung tx Trảng Bàng |  | 1.040.000   | NHCSXH |
| 8  |  | Ha Van Cu, Trảng Bàng                                                  |  | 200.000     | NHCSXH |
| 9  |  | TH Nguyen Hien                                                         |  | 21.472.000  | NHCSXH |
| 10 |  | MTTQVN xã An Bình<br>vận động ủng hộ                                   |  | 5.000.000   | NHCSXH |
| 11 |  | Do Thi Kim Ngan                                                        |  | 200.000     | NHCSXH |
| 12 |  | Dang Ho Thu Ngan                                                       |  | 500.000     | NHCSXH |
| 13 |  | MTTQ xã Phước Vinh                                                     |  | 9.205.000   | NHCSXH |
| 14 |  | Huynh Thi My Hien                                                      |  | 200.000     | NHCSXH |
| 15 |  | Trường THCS Thanh<br>Bình, tan Bien                                    |  | 9.958.316   | NHCSXH |
| 16 |  | Tổ 2 PN Khu pho Loc<br>Tien Phuong Loc Hung                            |  | 1.090.000   | NHCSXH |
| 17 |  | CBCC VP HĐND<br>UBND huyện Tân Biên                                    |  | 12.300.000  | NHCSXH |
| 18 |  | Hội LHPN tỉnh Tây Ninh<br>vận động ủng hộ                              |  | 116.500.000 | NHCSXH |
| 19 |  | Tien, Loc Hung, tx<br>Trảng Bàng                                       |  | 2.410.000   | NHCSXH |
| 20 |  | To 3 Phu Nu Kp Loc<br>Tien Phuong Loc Hung<br>Tx Trảng Bàng            |  | 1.420.000   | NHCSXH |

|    |  |                                                             |  |            |        |
|----|--|-------------------------------------------------------------|--|------------|--------|
| 21 |  | To 4 Phu Nu Kp Loc<br>Tien Phuong Loc Hung<br>Tx Trảng Bàng |  | 900.000    | NHCSXH |
| 22 |  | To 5 Phu Nu Kp Loc<br>Tien Phuong Loc Hung<br>Tx Trảng Bàng |  | 950.000    | NHCSXH |
| 23 |  | Taarp thẻ CBGVNV<br>trường MN Thanh Dien,<br>huyện Tân Châu |  | 3.100.000  | NHCSXH |
| 24 |  | NLD Cty TNHH Hong<br>Quang Dang                             |  | 7.512.727  | NHCSXH |
| 25 |  | Cty Bao Viet Nhan Tho<br>Tay Ninh                           |  | 42.000.000 | NHCSXH |
| 26 |  | CT24092008910399                                            |  | 300.000    | NHCSXH |
| 27 |  | CD Truong MG Phuoc<br>Vinh                                  |  | 3.213.000  | NHCSXH |
| 28 |  | Son, xa Mo Cong, huyen<br>Tan Bien, tinh Tay Ninh           |  | 13.196.469 | NHCSXH |
| 29 |  | Hoi NCT xa Thanh<br>Phuoc                                   |  | 3.000.000  | NHCSXH |
| 30 |  | CDCS MN Hoa Sen                                             |  | 10.411.032 | NHCSXH |
| 31 |  | Ta Thi Nang, kp3, thị<br>trần chau Thanh, huyện<br>Tân Châu |  | 500.000    | NHCSXH |
| 32 |  | Nguyen Thi Hong Phuc                                        |  | 300.000    | NHCSXH |
| 33 |  | CDCS Truong MN Tan<br>Khai                                  |  | 2.253.463  | KBNN   |
| 34 |  | Tay,xã Thanh Tay, Tan<br>Bien                               |  | 5.692.307  | KBNN   |
| 35 |  | Truong Th Thanh Dien,<br>Tan Chau                           |  | 8.802.000  | KBNN   |

|    |            |                                                |  |                    |      |
|----|------------|------------------------------------------------|--|--------------------|------|
| 36 |            | Cuc Thue Tay Ninh                              |  | 139.605.000        | KBNN |
| 37 |            | Truong MN Phuoc Thanh                          |  | 3.652.000          | KBNN |
| 38 |            | PHHS truong MN Hoa Lan, Tân Biên               |  | 6.750.000          | KBNN |
| 39 |            | Đặng Thành Thứ                                 |  | 500.000            | TM   |
| 40 |            | Nguyễn Thị Tuyết Mai                           |  | 500.000            | TM   |
|    |            | <b>Cộng phát sinh ngày 21/9/2024</b>           |  | <b>520.478.314</b> |      |
| 1  | 23/09/2024 | Nguyen Quoc Tri CCB tan Loi                    |  | 500.000            |      |
| 2  |            | Vp HDND và UBND TP Tây Ninh                    |  | 7.269.000          |      |
| 3  |            | Nguyen Thai Thien CCb ap Tan loi               |  | 500.000            |      |
| 4  |            | Pham Thi Yen Quynh                             |  | 600.000            |      |
| 5  |            | cdcs truong mn Son ca                          |  | 5.354.000          |      |
| 6  |            | PH và HS truong MN Son ca                      |  | 4.105.000          |      |
| 7  |            | Tap the CBCC UBND xã Thanh Dong huyen Tan Chau |  | 25.600.000         |      |
| 8  |            | Truong TH Nguyen Thi Minh Khai                 |  | 1.000.000          |      |
| 9  |            | Ha Thi Tinh, hs lop 3C truong TH Suoi Day A    |  | 725.000            |      |
| 10 |            | Truong THCS Hao Duoc Chau Thanh Tay Ninh       |  | 7.835.000          |      |
| 11 |            | Ho dao Ninh Dien Chau Thanh TN                 |  | 1.000.000          |      |

|    |  |                                                  |  |            |  |
|----|--|--------------------------------------------------|--|------------|--|
| 12 |  | Tập thể trường THPT tan Phong B Tan Phong        |  | 7.855.137  |  |
| 13 |  | Tập thể HS Trường THPT Thanh Hoa, Trang bang     |  | 5.317.000  |  |
| 14 |  | CT24092308960108                                 |  | 2.150.000  |  |
| 15 |  | Anh em Nhật Huy; Nhật Hoàng lớp 3A               |  | 100.000    |  |
| 16 |  | CBCC xã Tan Hưng, Tân Châu                       |  | 5.220.000  |  |
| 17 |  | Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo VN, huyện Tân Biên |  | 51.000.000 |  |
| 18 |  | Trường THPT Thanh Trung, huyện Tân Châu          |  | 6.900.000  |  |
| 19 |  | Liên đội THPT Trần Quốc Toản, Tây Ninh           |  | 3.447.000  |  |
| 20 |  | Nguyễn Văn Non                                   |  | 500.000    |  |
| 21 |  | Huỳnh Văn Phước                                  |  | 500.000    |  |
| 22 |  | Hội Chăn nuôi và Thú Y tỉnh Tây Ninh             |  | 10.000.000 |  |
| 23 |  | Thư viện tỉnh Tây Ninh                           |  | 7.920.000  |  |
| 24 |  | Nguyễn Thị Sinh                                  |  | 500.000    |  |
| 25 |  | Trung Tâm huấn luyện và thi đấu thể thao TN      |  | 26.948.000 |  |
| 26 |  | Cty cổ phần công trình đô thị Tây Ninh           |  | 50.000.000 |  |



|    |            |                                                                  |  |             |        |
|----|------------|------------------------------------------------------------------|--|-------------|--------|
| 27 |            | MTTQVN huyện DMC<br>vận động ủng hộ                              |  | 2.000.000   |        |
| 28 |            | Hội Nong dân Tay Ninh<br>vận động ủng hộ nhân<br>dân phí Bắc     |  | 6.792.000   |        |
| 29 |            | BVD cứu trợ huyện Gò<br>Dầu                                      |  | 600.000.000 |        |
| 30 |            | Đặng Thị Thùy Trang                                              |  | 2.260.000   |        |
| 31 |            | UBMTTQVN huyện<br>Trảng Bàng vận động hỗ<br>trợ nhân dân phí Bắc |  | 264.920.287 |        |
|    |            | <b>Cộng phát sinh ngày<br/>23/9/2024</b>                         |  | #####       |        |
| 1  | 24/09/2024 | CT24092308962547                                                 |  | 2.000.000   | NHCSXH |
| 2  |            | Nguyen Manh Tieng                                                |  | 500.000     | NHCSXH |
| 3  |            | Phạm Thị Ngọc Duyên                                              |  | 1.000.000   | NHCSXH |
| 4  |            | ủng hộ miền Bắc yêu<br>thương                                    |  | 3.900.000   | NHCSXH |
| 5  |            | ủng hộ miền Bắc do bão<br>số 3 gây ra                            |  | 2.000.000   | NHCSXH |
| 6  |            | HS trường THPT<br>Nguyễn Bình Khiêm TN                           |  | 7.445.000   | NHCSXH |
| 7  |            | Trương MG Long Vinh<br>Chau Thanh TN                             |  | 1.200.000   | NHCSXH |
| 8  |            | MG Long Vinh                                                     |  | 3.372.000   | NHCSXH |
| 9  |            | Nguyen Van Dai                                                   |  | 200.000     | NHCSXH |
| 10 |            | Châu Thành vận động<br>ủng hộ nhân dân các tỉnh                  |  | 15.000.000  | NHCSXH |
| 11 |            | Nguyen Van Luong                                                 |  | 200.000     | NHCSXH |

|    |  |                                                                           |  |            |        |
|----|--|---------------------------------------------------------------------------|--|------------|--------|
| 12 |  | CDCS xã Hòa Hiệp                                                          |  | 7.662.000  | NHCSXH |
| 13 |  | Le Kim Hương                                                              |  | 300.000    | NHCSXH |
| 14 |  | Le Van Tai                                                                |  | 500.000    | NHCSXH |
| 15 |  | Trường TH Cay Xuyen<br>huyện Châu Thành                                   |  | 4.374.000  | NHCSXH |
| 16 |  | mong đồng bào miền<br>Bắc sớm khắc phục hậu                               |  | 100.000    | NHCSXH |
| 17 |  | hoạt động bán chuyên<br>trách xã Thái Bình huyện                          |  | 7.000.000  | NHCSXH |
| 18 |  | Trần Văn Sỹ                                                               |  | 2.000.000  | NHCSXH |
| 19 |  | Võ Hữu Toàn và Diễm<br>nhóm Tin Lành Tân Biên                             |  | 1.200.000  | NHCSXH |
| 20 |  | Cán bộ và Nhân dân ấp<br>Thạnh Tân xã Thạnh Tây<br>huyện Tân Biên         |  | 1.800.000  | NHCSXH |
| 21 |  | Đảng viên và Nhân dân<br>ấp Thạnh Trung xã<br>Thạnh Tây huyện Tân<br>Biên |  | 750.000    | NHCSXH |
| 22 |  | Lê Nguyễn Quốc Duy<br>lớp 9a1                                             |  | 200.000    | NHCSXH |
| 23 |  | Hội CCB huyện Tân<br>Biên vận động ủng hộ                                 |  | 54.764.000 | NHCSXH |
| 24 |  | Trường TH Lê Ngọc Hân                                                     |  | 5.460.000  | NHCSXH |
| 25 |  | Phuoc Hien - Tan Bien                                                     |  | 10.000.000 | NHCSXH |
| 26 |  | THPT Lương Thế Vinh<br>huyện Tân Biên                                     |  | 18.150.000 | NHCSXH |

|    |  |                                        |  |             |        |
|----|--|----------------------------------------|--|-------------|--------|
| 27 |  | Phòng Nội vụ huyện<br>Châu Thành       |  | 1.940.000   | NHCSXH |
| 28 |  | Nguyễn Minh Hoàng<br>Hội Luật gia TPTN |  | 500.000     | NHCSXH |
| 29 |  | Nguyen Thị Bằng Hội<br>Luật gia TPTN   |  | 500.000     | NHCSXH |
| 30 |  | Trường TH Trần Quốc<br>Toản            |  | 8.132.000   | NHCSXH |
| 31 |  | Cty THNN TMDV Hiệp<br>Thành            |  | 4.200.000   | NHCSXH |
| 32 |  | đồng bào dân tộc Khome<br>Chot Mat     |  | 1.400.000   | NHCSXH |
| 33 |  | CDCS xã Thạnh Bình,<br>Tân Biên        |  | 8.570.000   | NHCSXH |
| 34 |  | Văn Vàng Hội Luật gia<br>Châu Thành    |  | 400.000     | NHCSXH |
| 35 |  | Ban dân vận thành ủy TN                |  | 2.595.000   | NHCSXH |
| 36 |  | Tập thể người lao động<br>cty Bimico   |  | 3.500.000   | NHCSXH |
| 37 |  | Nguyenx Anh Thu                        |  | 300.000     | NHCSXH |
| 38 |  | Chi hội CCB KP2                        |  | 660.000     | TM     |
| 39 |  | Bộ chỉ huy BDBP tỉnh                   |  | 402.160.000 | TM     |
| 40 |  | Hội CCB Thị trấn Châu<br>Thành         |  | 3.160.000   | KBNN   |
| 41 |  | Bình, An Tịnh, Trảng<br>Bàng           |  | 5.800.000   | KBNN   |

|    |            |                                        |  |                    |        |
|----|------------|----------------------------------------|--|--------------------|--------|
| 42 |            | CTCP Công Trình Đô Thị TN              |  | 50.000.000         | KBNN   |
| 43 |            | Tập thể BQLDA DTXD Hòa Thành           |  | 3.100.000          | KBNN   |
| 44 |            | Trường TH Biên Giới                    |  | 7.618.000          | KBNN   |
| 45 |            | Liên đội trường TH Bà Nằng A, DMC      |  | 6.088.000          | KBNN   |
| 46 |            | Trường TH Thạnh Đông A                 |  | 10.385.723         | KBNN   |
| 47 |            | Hội Nông dân tỉnh TN nộp tiền vận động |  | 9.482.000          | KBNN   |
| 48 |            | CTTNHH Hải Hưng Thịnh                  |  | 20.000.000         | KBNN   |
|    |            | <b>Cộng phát sinh ngày 24/9/2024</b>   |  | <b>701.567.723</b> |        |
| 1  | 25/09/2024 | Huỳnh Thạch Thảo                       |  | 240.000            | NHCSXH |
| 2  |            | Trần Bảo Duy                           |  | 250.000            | NHCSXH |
| 3  |            | Trường TH Trần Phú                     |  | 6.909.000          | NHCSXH |
| 4  |            | Chi hội 1 HCCB thị trấn Tân Châu       |  | 3.000.000          | NHCSXH |
| 5  |            | Chi hội 2 HCCB thị trấn Tân Châu       |  | 2.350.000          | NHCSXH |
| 6  |            | Chi hội 3 HCCB thị trấn Tân Châu       |  | 5.650.000          | NHCSXH |
| 7  |            | Chi hội 4 HCCB thị trấn Tân Châu       |  | 1.970.000          | NHCSXH |
| 8  |            | Trường THCS Phan Bội Châu, TP Tây Ninh |  | 11.103.200         | NHCSXH |
| 9  |            | Trường TH Long Vinh                    |  | 5.800.000          | NHCSXH |

|    |  |                                                                               |  |            |        |
|----|--|-------------------------------------------------------------------------------|--|------------|--------|
| 10 |  | Điền, Châu Thành vận động cửa hàng điện nước Vân Trường ấp Thạnh Phước ủng hộ |  | 500.000    | NHCSXH |
| 11 |  | Điền, Châu Thành vận động cửa hàng DTDD Hoàng Phúc ấp Thạnh Phước ủng hộ      |  | 1.000.000  | NHCSXH |
| 12 |  | Phòng NN và PTNT huyện Tân Biên                                               |  | 2.432.000  | NHCSXH |
| 13 |  | CDCS khối vận huyện Tân Biên                                                  |  | 4.118.000  | NHCSXH |
| 14 |  | HTX vệ sinh môi trường 22/12 CCB TP Tây Ninh                                  |  | 300.000    | NHCSXH |
| 15 |  | Trần Thị Mỹ Tuyền, Trương Thị Hà                                              |  | 450.000    | NHCSXH |
| 16 |  | Phan Thị Mong Hoa                                                             |  | 300.000    | NHCSXH |
| 17 |  | Trường TH Ton That Tung TP Tây Ninh                                           |  | 12.366.650 | NHCSXH |
| 18 |  | IBFT của ít lòng nhiều                                                        |  | 30.000     | NHCSXH |
| 19 |  | Tran Thị Phú Bình                                                             |  | 500.000    | NHCSXH |
| 20 |  | Le Thi Thanh Ha                                                               |  | 210.000    | NHCSXH |
| 21 |  | Trường TH Ngô Thất Sơn                                                        |  | 11.933.000 | NHCSXH |
| 22 |  | Nguyễn Duy Phú                                                                |  | 300.000    | NHCSXH |
| 23 |  | Phạm Thị Thái Thanh                                                           |  | 200.000    | NHCSXH |
| 24 |  | Traần Thị Nhung                                                               |  | 210.000    | NHCSXH |
| 25 |  | Thai Thai Hang chi bộ ấp 3, Suối Dây                                          |  | 100.000    | NHCSXH |

|    |            |                                                                |  |                    |        |
|----|------------|----------------------------------------------------------------|--|--------------------|--------|
| 26 |            | Leê Thị Huyền Trang                                            |  | 200.000            | NHCSXH |
| 27 |            | bán chuyên trách xã Thái Bình huyện Châu Thành                 |  | 50.000             | NHCSXH |
| 28 |            | Nguyễn Thị Thấy                                                |  | 500.000            | NHCSXH |
| 29 |            | Trường THCS Tân Hiệp, huyện Tân Châu                           |  | 6.100.000          | NHCSXH |
| 30 |            | Trường THPT Lộc Hưng                                           |  | 24.221.000         | KBNN   |
| 31 |            | TT Phát triển Quỹ Đất huyện Châu Thành                         |  | 2.592.000          | KBNN   |
| 32 |            | Trường TH Tan Khai, Tân Biên                                   |  | 3.456.000          | KBNN   |
| 33 |            | Trường TH Cây Da                                               |  | 5.744.000          | KBNN   |
| 34 |            | Hội ND tỉnh Tây Ninh vận động ủng hộ đồng bào các tỉnh phí Bắc |  | 800.000            | KBNN   |
| 35 |            | Hà Thị Thuyết, Phường 3 TP TN                                  |  | 5.000.000          | TM     |
| 36 |            | Cao đào Tòa Thánh Tây Ninh                                     |  | 177.050.000        | TM     |
| 37 |            | CĐBP Cơ quan Sở VHTTDL tỉnh Tây Ninh                           |  | 7.260.000          | TM     |
|    |            | <b>Cộng phát sinh ngày 25/9/2024</b>                           |  | <b>305.194.850</b> |        |
| 1  | 27/09/2024 | Trường MN Tân Hiệp                                             |  | 1.900.000          | NHCSXH |
| 2  |            | Cty CP TVXD Tong hop Tây Ninh                                  |  | 6.800.000          | NHCSXH |
| 3  |            | nộp tiền vận động ủng hộ đồng bào bị thiệt hại                 |  | 1.887.000          | NHCSXH |

|    |  |                                             |  |             |        |
|----|--|---------------------------------------------|--|-------------|--------|
| 4  |  | Trường TH Nguyễn Văn Trỗi                   |  | 6.673.353   | NHCSXH |
| 5  |  | Hội CCB xã Hảo Đức, huyện Châu Thành        |  | 1.030.000   | NHCSXH |
| 6  |  | Bắc khắc phục hậu quả thiên tai             |  | 1.000.000   | NHCSXH |
| 7  |  | Trường MN Tân Phú                           |  | 4.340.000   | NHCSXH |
| 8  |  | Hoàng Thị Thu                               |  | 400.000     | NHCSXH |
| 9  |  | UBMTQVN thị xã Trảng Bàng nộp tiền vận động |  | 587.634.669 | NHCSXH |
| 10 |  | Nguyễn Thị Giang                            |  | 100.000     | NHCSXH |
| 11 |  | Nguyễn Kim Xuyên                            |  | 200.000     | NHCSXH |
| 12 |  | Trần Thị Toàn                               |  | 200.000     | NHCSXH |
| 13 |  | CĐCS xã Trà Vong nộp tiền vận động          |  | 9.540.000   | NHCSXH |
| 14 |  | Nguyễn Thị Trúc Mai                         |  | 100.000     | NHCSXH |
| 15 |  | Phan Thị Cẩm Tú                             |  | 100.000     | NHCSXH |
| 16 |  | Ủng hộ đồng bào lũ lụt miền bắc             |  | 500.000     | NHCSXH |
| 17 |  | Trường TH Hoàng Diệu Tây Ninh               |  | 3.941.000   | NHCSXH |
| 18 |  | Nguyễn Văn An                               |  | 100.000     | NHCSXH |
| 19 |  | Hoàng Thị Hảo                               |  | 200.000     | NHCSXH |
| 20 |  | Lại Việt Hà                                 |  | 200.000     | NHCSXH |
| 21 |  | Ngô Thị Bình                                |  | 100.000     | NHCSXH |

|    |  |                                                |  |            |        |
|----|--|------------------------------------------------|--|------------|--------|
| 22 |  | Nguyễn Kim Xuyên                               |  | 200.000    | NHCSXH |
| 23 |  | Huỳnh Thị Lệ Uyên                              |  | 300.000    | NHCSXH |
| 24 |  | Van Thi Van Anh                                |  | 100.000    | NHCSXH |
| 25 |  | Cô Nguyệt                                      |  | 200.000    | NHCSXH |
| 26 |  | Lâm Thị Ngọc                                   |  | 300.000    | NHCSXH |
| 27 |  | Nguyễn Thị Kim YẾN                             |  | 300.000    | NHCSXH |
| 28 |  | Đỗ Thị Dung                                    |  | 500.000    | NHCSXH |
| 29 |  | Nguyễn Hồng Thuận                              |  | 300.000    | NHCSXH |
| 30 |  | Thịnh Thị Hồng                                 |  | 200.000    | NHCSXH |
| 31 |  | Cô Linh                                        |  | 200.000    | NHCSXH |
| 32 |  | Lê Thị Loan                                    |  | 100.000    | NHCSXH |
| 33 |  | Trần Thị Trà My                                |  | 300.000    | NHCSXH |
| 34 |  | Hoàng Thị Hương                                |  | 200.000    | NHCSXH |
| 35 |  | Trịnh Thị Thảo kp1, tt<br>Tân Châu             |  | 500.000    | NHCSXH |
| 36 |  | Võ Thị Hiền                                    |  | 300.000    | NHCSXH |
| 37 |  | Trường TH Tân Hà                               |  | 8.856.500  | NHCSXH |
| 38 |  | ấp Bình Phong xã Thái<br>Ninh huyện Châu Thành |  | 5.000.000  | NHCSXH |
| 39 |  | Giáo xứ Kiên Long,<br>Châu Thành               |  | 10.000.000 | NHCSXH |



|    |  |                                       |                                                    |            |        |
|----|--|---------------------------------------|----------------------------------------------------|------------|--------|
| 40 |  | Giáo xứ Phong Cốc, xã Thái Bình       |                                                    | 16.000.000 | NHCSXH |
| 41 |  | CDCS Xã Tân Phong                     |                                                    | 9.600.000  | NHCSXH |
| 42 |  | Phòng Kinh tế TP                      |                                                    | 600.000    | NHCSXH |
| 43 |  | Trường THCS Nguyễn Viết Xuân          |                                                    | 6.820.000  | NHCSXH |
| 44 |  | Quỹ tín dụng nhân dân Tân Biên        |                                                    | 5.000.000  | NHCSXH |
| 45 |  | GV và HS trường THCS Phước Vĩnh       |                                                    | 10.372.000 | NHCSXH |
| 46 |  | Nguyễn Thị Hoàng                      |                                                    | 300.000    | NHCSXH |
| 47 |  | Trường THCS Thanh Long, Châu Thành    |                                                    | 12.181.500 | NHCSXH |
| 48 |  | Trường MN Thanh Đông                  |                                                    | 7.758.000  | NHCSXH |
| 49 |  | Nguyễn Thái Thanh<br>CT24091708817456 | huyện Dương Minh Châu                              | 400.000    | KBNN   |
| 50 |  | Anh Vũ Trại gà<br>CT24091708822240    | Ấp Phước Tân 2,<br>xã Phan, huyện Dương Minh Châu  | 2.000.000  | KBNN   |
| 51 |  | Ngô Thị Ngọc Kiều<br>CT24091708823411 | Cán bộ đảng viên đảng bộ xã Chà Là                 | 3.760.000  | KBNN   |
| 52 |  | Nguyễn Công Danh<br>CR24091708823886  | Việt Kiều Mỹ, xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu | 10.000.000 | KBNN   |

|    |  |                                                                                          |                                                                         |             |      |
|----|--|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------|------|
| 53 |  | Huỳnh Văn Duy<br>LPSF170924931321                                                        | UBMTTQVN<br>xã Phước Ninh                                               | 10.000.000  | KBNN |
| 54 |  | CT24091708828539                                                                         | Trường học và<br>nhân dân xã<br>Truông Mít,<br>huyện Dương<br>Minh Châu | 4.200.000   | KBNN |
| 55 |  | Hồ Thị Mỹ Ngọc<br>CT24091708828829                                                       | huyện Dương<br>Minh Châu                                                | 2.138.196   | KBNN |
| 56 |  | CT24091708832552                                                                         | Trường Mầm<br>non Suối Đá                                               | 7.346.000   | KBNN |
| 57 |  | LPSF170924970348                                                                         | Công ty TNHH<br>MTV Cao su<br>30/4 Tây Ninh                             | 100.000.000 | KBNN |
| 58 |  | Cán bộ, đảng viên và<br>nhân dân xã Suối Đá                                              | huyện Dương<br>Minh Châu                                                | 17.608.000  | KBNN |
| 59 |  | Nguyễn Ngọc Thu Thủy,<br>Học sinh lớp 1A, Trường<br>Tiểu học Thị trấn Dương<br>Minh Châu | huyện Dương<br>Minh Châu                                                | 1.996.000   | KBNN |
| 60 |  | Lê Ngọc Bảo Trâm, Học<br>sinh lớp 4A, Trường<br>Tiểu học Thị trấn Dương<br>Minh Châu     | huyện Dương<br>Minh Châu                                                | 1.031.000   | KBNN |
| 61 |  | Cty TNHH MTV Như<br>Anh                                                                  | Xã Chà Là,<br>huyện Dương<br>Minh Châu                                  | 7.000.000   | KBNN |
| 62 |  | CT24091808845965                                                                         | Trường Tiểu<br>học Truông Mít<br>A, huyện<br>Dương Minh<br>Châu         | 11.569.962  | KBNN |

|    |  |                                               |                                                                   |            |      |
|----|--|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------|------|
| 63 |  | Trịnh Thị Anh Đào<br>CR24091808847081         | ện Dương Minh C                                                   | 300.000    | KBNN |
| 64 |  | CT24091808848144                              | Hội Cựu<br>Chiến binh xã<br>Cầu Khởi,<br>huyện Dương<br>Minh Châu | 2.000.000  | KBNN |
| 65 |  | Nguyễn Thị Bích Tuyên<br>CT24091808848979     | ện Dương Minh C                                                   | 500.000    | KBNN |
| 66 |  | CT24091808849400                              | Phat tu chùa<br>Minh Châu,<br>huyện Dương<br>Minh Châu            | 1.000.000  | KBNN |
| 67 |  | CT24091808854270                              | Trường Tiểu<br>học Tuông Mít<br>B, huyện<br>Dương Minh<br>Châu    | 10.404.000 | KBNN |
| 68 |  | Mai Hưởng Phước<br>CT24091808861619           | ện Dương Minh C                                                   | 300.000    | KBNN |
| 69 |  | Tập thể học sinh Trường<br>Tiểu học Suối Đá B |                                                                   | 4.500.000  | KBNN |
| 70 |  | Cán bộ, đảng viên và<br>NLĐ xã Lộc Ninh       |                                                                   | 8.910.000  | KBNN |
| 71 |  | Phòng Giáo dục và Đào<br>tạo huyện            |                                                                   | 3.543.000  | KBNN |
| 72 |  | Phòng Tài nguyên và<br>Môi trường huyện       |                                                                   | 3.265.000  | KBNN |

|    |  |                                           |                                                               |            |      |
|----|--|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------|------|
| 73 |  | Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện            |                                                               | 8.100.000  | KBNN |
| 74 |  | CT2409190887252                           | CDCS Trương Mẫu giáo Chà Là, huyện Dương Minh Châu            | 5.190.000  | KBNN |
| 75 |  | Đặng Thị Ngọc Sương<br>CT24091908872889   | Hội Cựu chiến binh xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu           | 2.800.000  | KBNN |
| 76 |  | CT24091908874221                          | Trường Tiểu học Phước Minh A, huyện Dương Minh Châu           | 9.946.000  | KBNN |
| 77 |  | CTSF190924252849                          | Cy an MTIQ Việt Nam Thị trấn DMC, huyện Dương Minh Châu       | 20.000.000 | KBNN |
| 78 |  | Nguyễn Thị Hồng Tám<br>CT24091908882559   | Phòng Nội vụ huyện Dương Minh Châu                            | 2.555.866  | KBNN |
| 79 |  | Đặng Xuân Lung<br>CT24091908883482        | Xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu                            | 1.000.000  | KBNN |
| 80 |  | CT24091908884031                          | Cty TNHH MTV Như Anh, Xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu        | 3.350.000  | KBNN |
| 81 |  | CT24091908885694                          | Ban vận động ấp Bàu Dài, xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu | 1.600.000  | KBNN |
| 82 |  | Nguyễn Lê Thị Nhị Tâm<br>CT24091908889905 | hện Dương Minh C                                              | 180.000    | KBNN |

|    |  |                                          |                                                                  |            |      |
|----|--|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------|------|
| 83 |  | Đặng Văn Giữ<br>CT24091908890003         | Hội Cựu Chiến<br>binh<br>xã Lộc Ninh<br>huyện Dương<br>Minh Châu | 4.600.000  | KBNN |
| 84 |  | Võ Thị Thanh Loan                        | Phòng Kinh tế<br>và Hạ tầng<br>huyện                             | 2.000.000  | KBNN |
| 85 |  | Trương Huệ Mẫn                           | Ban hành lễ và<br>đồng đạo Đoàn<br>Mình Cảnh                     | 8.100.000  | KBNN |
| 86 |  | Trương Huệ Mẫn                           | Hội Cựu Chiến<br>binh<br>xã Bàu Năng                             | 1.700.000  | KBNN |
| 87 |  | Nguyễn Thị Lân                           | CĐCS Trường<br>THCS<br>Phước Ninh                                | 10.096.000 | KBNN |
| 88 |  | CT24092008894761                         | CĐCS xã Bến<br>Củi,<br>huyện Dương<br>Mình Châu                  | 6.121.000  | KBNN |
| 89 |  | Nguyễn Thanh Tuấn<br>CT24092008895268    | Ấp Truân<br>Bình, xã<br>Truông Mít,<br>huyện Dương<br>Mình Châu  | 1.000.000  | KBNN |
| 90 |  | Tô Văn Cảnh<br>CT24092008896707          | huyện Dương<br>Mình Châu                                         | 700.000    | KBNN |
| 91 |  | CT24092008897906                         | Hội Cựu<br>Chiến binh xã<br>Chà Là, huyện<br>Dương Minh<br>Châu  | 1.400.000  | KBNN |
| 92 |  | Nguyễn Thị Tuyết Mai<br>CT24092008899966 | Xã Lộc Ninh,<br>huyện Dương<br>Mình Châu                         | 1.000.000  | KBNN |

|     |  |                                        |                                                               |            |      |
|-----|--|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------|------|
| 93  |  | Trần Thanh Lâu<br>CT24092008900204     | BCH Đảng bộ<br>xã Truong Mít,<br>huyện Dương<br>Minh Châu     | 7.200.000  | KBNN |
| 94  |  | Hồ Thị Bạch Huệ<br>CT24092008901288    | huyện Dương Minh C                                            | 200.000    | KBNN |
| 95  |  | CT24092008903245                       | Trung tâm<br>GDTX<br>huyện Dương<br>Minh Châu                 | 1.392.000  | KBNN |
| 96  |  | CT24092008903960                       | Trường Mầm<br>non Hướng<br>Dương, huyện<br>Dương Minh<br>Châu | 1.640.000  | KBNN |
| 97  |  | CT24092008905629                       | Phòng Văn hóa<br>và Thông tin<br>huyện Dương<br>Minh Châu     | 1.682.609  | KBNN |
| 98  |  | Lê Thị Hồng Quyên<br>CT24092008914543  | huyện Dương<br>Minh Châu                                      | 200.000    | KBNN |
| 99  |  | Lê Thị Thủy<br>CT24092008914647        | huyện Dương<br>Minh Châu                                      | 300.000    | KBNN |
| 100 |  | Ngô Thị Thanh Nhân<br>CT24092008914855 | huyện Dương<br>Minh Châu                                      | 200.000    | KBNN |
| 101 |  |                                        | Chùa Linh<br>Quang (xã Bến<br>Củi)                            | 30.000.000 | KBNN |
| 102 |  |                                        | Cán bộ, hội<br>viên Phụ nữ<br>huyện DMC                       | 31.320.000 | KBNN |

|     |  |                                       |                                                                            |             |      |
|-----|--|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------|------|
| 103 |  | Nguyễn Thanh Long<br>CT24092308957910 | huyện Dương<br>Minh Châu                                                   | 1.000.000   | KBNN |
| 104 |  | CT24092308960576                      | Trường THCS<br>Lộc Ninh,<br>huyện Dương<br>Minh Châu                       | 8.067.728   | KBNN |
| 105 |  | CT24092308961245                      | Hội CCB ấp<br>Ninh Hưng 2,<br>xã Chà Là,<br>huyện Dương<br>Minh Châu       | 1.100.000   | KBNN |
| 106 |  | CT24092308961551                      | Ban vận động<br>cứu trợ xã Bến<br>Củi, huyện<br>Dương Minh<br>Châu         | 12.200.000  | KBNN |
| 107 |  | CTSF230924840069                      | UBMTTQ VN<br>Thị trấn DMC,<br>huyện Dương<br>Minh Châu                     | 10.000.000  | KBNN |
| 108 |  |                                       | Tập thể học<br>sinh Trường<br>Tiểu học Thị<br>trấn A                       | 12.648.000  | KBNN |
| 109 |  |                                       | Công ty TNHH<br>Can Sports<br>Việt Nam                                     | 100.000.000 | KBNN |
| 110 |  |                                       | Tập thể đoàn<br>viên, người lao<br>động Công ty<br>TNHH Can<br>Sports Việt | 97.311.000  | KBNN |
| 111 |  |                                       | Hội Liên hiệp Ph                                                           | 1.412.000   | KBNN |
| 112 |  | Trần Thị Yến Oanh<br>CT24092408992308 | Ấp Tân Định 2,<br>xã Suối Đá,<br>huyện Dương<br>Minh Châu                  | 200.000     | KBNN |

|     |  |                                             |                                                                             |             |      |
|-----|--|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------|------|
| 113 |  | Trần Văn Bai<br>CT24092408992382            | Ấp Phước Bình<br>2,<br>xã Suối Đá,<br>huyện Dương<br>Minh Châu              | 500.000     | KBNN |
| 114 |  | CT24092408999324                            | Trường THCS<br>Thị Trấn,<br>huyện Dương<br>Minh Châu                        | 8.450.000   | KBNN |
| 115 |  |                                             | trại trẻ nọc<br>sinh<br>Trường THCS<br>Suối Đá, huyện<br>Dương Minh<br>Châu | 5.893.000   | KBNN |
| 116 |  |                                             | Trường Tiểu<br>học Bàu Năng<br>B, huyện<br>Dương Minh<br>Châu               | 10.915.000  | KBNN |
| 117 |  | Nguyễn Thị Thiện Chiến<br>CT24092509004393  | huyện Dương<br>Minh Châu                                                    | 14.527.000  | KBNN |
| 118 |  | CT24092509004771                            | Xã Phước<br>Minh,<br>huyện Dương<br>Minh Châu                               | 6.401.000   | KBNN |
| 119 |  | CT24092509005826                            | Ủy ban MTTQ<br>xã Lộc Ninh,<br>huyện Dương<br>Minh Châu                     | 1.000.000   | KBNN |
| 120 |  | CT24092509012175                            | Hội Cựu chiến<br>binh xã Bến<br>Củi, huyện<br>Dương Minh<br>Châu            | 2.660.000   | KBNN |
| 121 |  | BVD Cứu trợ huyện Gò<br>Dầu vận động ủng hộ |                                                                             | 230.000.000 | KBNN |
| 122 |  | Hội CBB Thành phố Tây<br>Ninh               |                                                                             | 1.165.000   | KBNN |



|     |            |                                                  |  |            |        |
|-----|------------|--------------------------------------------------|--|------------|--------|
| 123 |            | Hội Nông dân tỉnh vận động ủng hộ                |  | 6.000.000  | KBNN   |
| 124 |            | Bảo Tàng Tỉnh                                    |  | 4.398.000  | KBNN   |
| 125 |            | Trường TH thị trấn Tân Châu                      |  | 21.018.000 | KBNN   |
| 126 |            | CBGV NV Trường TH thị trấn Tân Biên              |  | 12.500.000 | KBNN   |
| 127 |            | Hội CCB xã Hòa Thành                             |  | 1.620.000  | KBNN   |
| 128 |            | Cty TNHH DVXNK Nghĩa Thao                        |  | 50.000.000 | KBNN   |
| 129 |            | Hội Cựu Thanh Niên xung phong TN                 |  | 19.670.000 | TM     |
| 130 |            | Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh                       |  | 67.000.000 | TM     |
| 131 |            | Diệp Quốc Giã                                    |  | 5.000.000  | TM     |
| 132 |            | Võ Bửu 0398676754                                |  | 2.000.000  | TM     |
| 133 |            | Trần Thị Lang                                    |  | 500.000    | TM     |
| 134 |            | Trần Nuôi                                        |  | 5.000.000  | TM     |
|     |            | <b>Cộng phát sinh ngày 27/9/2024</b>             |  | #####      |        |
| 1   | 30/09/2024 | Tập thể CBGVVC cùng PH trường MN Phạm Ngọc Thạch |  | 14.720.000 | NHCSXH |

|    |  |                                   |  |             |        |
|----|--|-----------------------------------|--|-------------|--------|
| 2  |  | Đặng Thị Phương                   |  | 100.000     | NHCSXH |
| 3  |  | Thạch Ngọc Quyền                  |  | 300.000     | NHCSXH |
| 4  |  | Tra Dat Tai                       |  | 500.000     | NHCSXH |
| 5  |  | Lê Văn Bình                       |  | 1.000.000   | NHCSXH |
| 6  |  | Nguyễn Thị Ngô                    |  | 100.000     | NHCSXH |
| 7  |  | Traần Thị Hồng Nhung              |  | 100.000     | NHCSXH |
| 8  |  | Nguyễn Thị My                     |  | 100.000     | NHCSXH |
| 9  |  | Bùi Thị Thúy Oanh                 |  | 200.000     | NHCSXH |
| 10 |  | Phạm Thị Phụng                    |  | 200.000     | NHCSXH |
| 11 |  | Bùi Thị Thủy                      |  | 100.000     | NHCSXH |
| 12 |  | Nguyễn Xuân Thanh                 |  | 200.000     | NHCSXH |
| 13 |  | Nguyễn Thị Thúy                   |  | 100.000     | NHCSXH |
| 14 |  | Nguyễn Thị Thúy Nga               |  | 100.000     | NHCSXH |
| 15 |  | Trần Ngọc Thu Thảo                |  | 100.000     | NHCSXH |
| 16 |  | ĐV 213 và DV chi bộ ấp Suối Muôn  |  | 1.700.000   | NHCSXH |
| 17 |  | Trường TH Duy Tân                 |  | 5.782.000   | NHCSXH |
| 18 |  | Ban vận động cứu trợ huyện Gò Dầu |  | 106.935.018 | KBNN   |
| 19 |  | Trường TH Suối Ngô B              |  | 3.750.000   | KBNN   |

|    |  |                                       |                             |            |      |
|----|--|---------------------------------------|-----------------------------|------------|------|
| 20 |  | Tập thể Trường MN thị trấn Tân Châu   |                             | 3.000.000  | KBNN |
| 21 |  | Trường TH Suối Ngô B                  |                             | 15.906.000 | KBNN |
| 22 |  | Thanh tra huyện Châu Thành            |                             | 1.900.000  | KBNN |
| 23 |  | Cty cao su Tây Ninh                   |                             | 50.000.000 | KBNN |
| 24 |  | Nguyễn Chí Phúc                       | Hòa Thành, Tây Ninh         | 500.000    | KBNN |
| 25 |  | Võ Trần Thu Nguyệt                    | Hòa Thành, Tây Ninh         | 100.000    | KBNN |
| 26 |  | Bùi Nguyễn Thảo Chi                   | Hòa Thành, Tây Ninh         | 200.000    | KBNN |
| 27 |  | Trần Thị Kim Nguyệt                   | phòng Văn hóa thị xã Hòa    | 200.000    | KBNN |
| 28 |  | Huỳnh Thị Bích Tuyền                  | phường Hiệp Tân, thị xã Hòa | 1.700.000  | KBNN |
| 29 |  | Nguyễn Thị Thu Hà                     | phường Hiệp Tân, thị xã Hòa | 1.000.000  | KBNN |
| 30 |  | CBCC Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Hòa Thành | Hòa Thành, Tây Ninh         | 800.000    | KBNN |
| 31 |  | Công đoàn cơ sở xã Long Thành Nam     | Hòa Thành, Tây Ninh         | 2.701.000  | KBNN |
| 32 |  | phường Long Thành Trung               | Hòa Thành, Tây Ninh         | 8.850.000  | KBNN |
| 33 |  | Công ty MMP VINA                      | Hòa Thành, Tây Ninh         | 10.000.000 | KBNN |
| 34 |  | theo CT 24091608797069                | Hòa Thành, Tây Ninh         | 300.000    | KBNN |
| 35 |  | Lê Thị Kim Loan                       | phòng Kinh tế thị xã Hòa    | 200.000    | KBNN |
| 36 |  | Huỳnh Minh Nhã                        | //                          | 200.000    | KBNN |
| 37 |  | Nguyễn Quốc Hoàn                      | phòng Kinh tế thị xã Hòa    | 200.000    | KBNN |

|    |  |                                                         |                                                 |           |      |
|----|--|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------|------|
| 38 |  | Bùi Thị Chi Lan                                         | Hòa Thành,<br>Tây Ninh                          | 200.000   | KBNN |
| 39 |  | Hội Liên hiệp phụ nữ thị xã<br>Hòa Thành (Huỳnh Thị Xê) | Hòa Thành,<br>Tây Ninh                          | 500.000   | KBNN |
| 40 |  | Ủy ban MTTQ VN phường<br>Long Hoa                       | Hòa Thành,<br>Tây Ninh                          | 2.700.000 | KBNN |
| 41 |  | Tổ nghi lễ số 12, họ đạo<br>Long Hoa, Long Thành Bắc    | Hòa Thành,<br>Tây Ninh                          | 1.000.000 | KBNN |
| 42 |  | Đỗ Thị Mỹ Hạnh                                          | Long Thành<br>Bắc, thị xã Hòa                   | 500.000   | KBNN |
| 43 |  | Hội Liên hiệp phụ nữ thị xã<br>Hòa Thành                | Hòa Thành,<br>Tây Ninh                          | 4.000.000 | KBNN |
| 44 |  | Phụ nữ phường Long Hoa                                  | Hòa Thành, Tây<br>Ninh                          | 100.000   | KBNN |
| 45 |  | Lê Thanh Hải                                            | Trường Lưu, xã<br>Trường Đông,<br>Hòa Thành Tây | 5.000.000 | KBNN |
| 46 |  | Phòng LĐ TB&XH                                          | Hòa Thành, Tây<br>Ninh                          | 1.000.000 | KBNN |
| 47 |  | Phạm Thị Phi                                            | khu phố Hiệp<br>Định, phường<br>Hiệp Tân Hòa    | 3.000.000 | KBNN |
| 48 |  | Ban cai quản họ đạo khu<br>phố Hiệp An                  | Hiệp Tân, Hòa<br>Thành, Tây Ninh                | 2.000.000 | KBNN |
| 49 |  | Ban cai quản họ đạo khu<br>phố Hiệp Trường              | Hiệp Tân, Hòa<br>Thành, Tây Ninh                | 5.200.000 | KBNN |
| 50 |  | Ban cai quản họ đạo khu<br>phố Hiệp Định                | Hiệp Tân, Hòa<br>Thành, Tây Ninh                | 2.000.000 | KBNN |
| 51 |  | Ban cai quản họ đạo khu<br>phố Hiệp Long                | Hiệp Tân, Hòa<br>Thành, Tây Ninh                | 2.000.000 | KBNN |
| 52 |  | Hội đông y phường Hiệp<br>Tân                           | Hòa Thành, Tây<br>Ninh                          | 2.500.000 | KBNN |
| 53 |  | Trần Thị Huyền Trân                                     | Hòa Thành, Tây<br>Ninh                          | 200.000   | KBNN |
| 54 |  | Điền Thị Hoàng Oanh                                     | PBT Đảng ủy xã<br>Trường Tây                    | 500.000   | KBNN |
| 55 |  | Phòng Tài chính kế<br>hoạch thị xã                      | Hòa Thành, Tây<br>Ninh                          | 2.100.000 | KBNN |

|    |  |                                |                                                 |           |      |
|----|--|--------------------------------|-------------------------------------------------|-----------|------|
| 56 |  | Võ Ngọc Minh Tuyền             | Hòa Thành, Tây Ninh                             | 200.000   | KBNN |
| 57 |  | theo CT<br>24091808843251      | Hòa Thành, Tây Ninh                             | 500.000   | KBNN |
| 58 |  | Trường mẫu giáo Thỏ Ngọc       | Long Thành Bắc, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh      | 3.800.000 | KBNN |
| 59 |  | Phan Nhi Linh                  | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                      | 200.000   | KBNN |
| 60 |  | Trần Minh Tuyền                | xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh      | 500.000   | KBNN |
| 61 |  | Trần Minh Trâm                 | Hội Đông y thị xã Hòa Thành, Tây Ninh           | 200.000   | KBNN |
| 62 |  | Phụ nữ phường Long Hoa         | Hòa Thành, Tây Ninh                             | 100.000   | KBNN |
| 63 |  | Trường tiểu học Trần Quốc Toản | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                      | 3.300.000 | KBNN |
| 64 |  | LDLD thị xã                    | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                      | 1.000.000 | KBNN |
| 65 |  | Nguyễn Thị Ngọc Giàu           | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                      | 150.000   | KBNN |
| 66 |  | Lê Thị Tuyết Nga               | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                      | 500.000   | KBNN |
| 67 |  | Trần Thị Thảo Linh             | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                      | 100.000   | KBNN |
| 68 |  | Nguyễn Trung Hiếu              | Phòng Tài nguyên Môi trường thị xã              | 1.000.000 | KBNN |
| 69 |  | Chu Thị Hiền                   | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                      | 200.000   | KBNN |
| 70 |  | Cao Long Đình                  | Phòng Quản lý đô thị thị xã Hòa Thành, Tây Ninh | 2.000.000 | KBNN |
| 71 |  | Võ Thị Kim Phương              | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                      | 200.000   | KBNN |
| 72 |  | Nguyễn Thị Kim Quý             | Phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh     | 300.000   | KBNN |
| 73 |  | Nhật                           | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                      | 200.000   | KBNN |

|    |  |                                                   |                                                               |            |      |
|----|--|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------|------|
| 74 |  | Võ Thị Thu Hằng                                   | Phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                   | 500.000    | KBNN |
| 75 |  | Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm                   | Phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                   | 12.000.000 | KBNN |
| 76 |  | phường Long Thành Trung                           | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                                    | 5.300.000  | KBNN |
| 77 |  | Lê Thị Lệ Hằng                                    | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                                    | 300.000    | KBNN |
| 78 |  | Nguyễn Thị Nhi                                    | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                                    | 200.000    | KBNN |
| 79 |  | Trường tiểu học Đoàn Thị Điểm                     | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                                    | 2.850.000  | KBNN |
| 80 |  | Nguyễn Hồng Phương                                | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                                    | 200.000    | KBNN |
| 81 |  | Nguyễn Văn Thuận                                  | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                                    | 100.000    | KBNN |
| 82 |  | Phan Thị Kim Phương                               | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                                    | 1.000.000  | KBNN |
| 83 |  | Nguyễn Ngọc Nga                                   | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                                    | 300.000    | KBNN |
| 84 |  | Võ Thị Hạnh                                       | Đang ủy xã Trường Hòa, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh             | 500.000    | KBNN |
| 85 |  | Nguyễn Minh Thông                                 | ấp Long Bình, xã Long Thành Nam, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh   | 1.000.000  | KBNN |
| 86 |  | Bùi Thị Lập                                       | phường Long Thành Bắc, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh             | 100.000    | KBNN |
| 87 |  | Trường mầm non Hoa Nắng                           | phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                   | 2.800.000  | KBNN |
| 88 |  | Trường tiểu học Bùi Thị Xuân                      | xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                     | 3.200.000  | KBNN |
| 89 |  | Hội Cựu giáo chức phường Hiệp Tân                 | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                                    | 4.100.000  | KBNN |
| 90 |  | Nguyễn Thị Màng                                   | Hội Cựu giáo chức phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh | 10.000.000 | KBNN |
| 91 |  | Đang ủy UBMTTQ và các tổ chức CT-XH xã Trường Hòa | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                                    | 4.265.000  | KBNN |

|     |  |                                                        |                                                     |            |      |
|-----|--|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------|------|
| 92  |  | Văn phòng Thị ủy                                       | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                       | 2.300.000  | KBNN |
| 93  |  | CĐCS Trường tiểu học<br>Lê Lợi                         | xã Long Thành<br>Nam, thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 650.000    | KBNN |
| 94  |  | Trường mẫu giáo 19-5                                   | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                       | 5.065.000  | KBNN |
| 95  |  | Trần Tuấn Khải                                         | Phường Hiệp<br>Tân, thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh   | 500.000    | KBNN |
| 96  |  | CĐCS Trường tiểu học<br>Châu Văn Liêm                  | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                       | 3.200.000  | KBNN |
| 97  |  | THCS Nguyễn Thái Bình                                  | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                       | 10.430.000 | KBNN |
| 98  |  | Trường tiểu học Nguyễn Du                              | xã Trường Tây,<br>thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh     | 1.860.000  | KBNN |
| 99  |  | Học sinh Trường tiểu học<br>Nguyễn Du                  | xã Trường Tây,<br>thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh     | 1.573.000  | KBNN |
| 100 |  | Hội cựu thanh niên xung<br>phong thị xã Hòa Thành      | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                       | 1.000.000  | KBNN |
| 101 |  | Giáo viên và học sinh trường<br>tiểu học Lê Hồng Phong | xã Trường Hòa,<br>thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh     | 9.730.000  | KBNN |
| 102 |  | Nhà họ Lê Phú từ                                       | Phường Hiệp<br>Tân, thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh   | 2.000.000  | KBNN |
| 103 |  | Trường THCS Trần Phú                                   | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                       | 7.974.000  | KBNN |
| 104 |  | CĐCS trường tiểu học Lê Thị<br>Hồng Gấm                | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                       | 2.520.000  | KBNN |
| 105 |  | Trường THCS Mạc Đĩnh Chi                               | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                       | 19.047.000 | KBNN |
| 106 |  | Ban từ thiện chùa Thiền<br>Lâm - Gò Kén                | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                       | 20.000.000 | KBNN |
| 107 |  | Trường THCS Ngô<br>Quyền                               | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                       | 12.313.000 | KBNN |
| 108 |  | CBCC Phòng GD&ĐT<br>thị xã                             | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                       | 1.300.000  | KBNN |
| 109 |  | học sinh trường TH-<br>THCS Trung Vương                | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                       | 16.862.000 | KBNN |

|     |  |                                                                  |                                             |            |      |
|-----|--|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|------|
| 110 |  | Tập thể CBGVTV, phụ huynh và học sinh trường Mầm non Vành Khuyên | Phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh | 12.811.000 | KBNN |
| 111 |  | Hội Cựu chiến binh phường Long Thành Bắc                         | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                  | 1.000.000  | KBNN |
| 112 |  | Trường Mầm non Ánh Sao                                           | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                  | 4.400.000  | KBNN |
| 113 |  | Trường TH Lương Thế Vinh                                         | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                  | 16.092.000 | KBNN |
| 114 |  | Hội Cựu chiến binh xã Trường Tây                                 | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                  | 1.000.000  | KBNN |
| 115 |  | Trường tiểu học Bạch Đằng                                        | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                  | 1.800.000  | KBNN |
| 116 |  | Hà Thị Thùy Trang                                                | Tổng đại lý vé số Hùng Tú                   | 15.000.000 | KBNN |
| 117 |  | Trường Mẫu giáo Họa Mi                                           | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                  | 7.983.000  | KBNN |
| 118 |  | Lê Anh Trung                                                     | Ban CHQS xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành    | 500.000    | KBNN |
| 119 |  | Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu                                | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                  | 17.874.000 | KBNN |
| 120 |  | Dương Thanh Hoàng                                                | MTIQ xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành        | 200.000    | KBNN |
| 121 |  | Học sinh Trường tiểu học Bùi Thị Xuân                            | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                  | 8.177.000  | KBNN |
| 122 |  | Trường Mầm non Hương Sen                                         | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                  | 9.000.000  | KBNN |
| 123 |  | Lý Thanh Trà                                                     | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                  | 400.000    | KBNN |
| 124 |  | Võ Hoàng An                                                      | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                  | 500.000    | KBNN |
| 125 |  | Võ Thị Phương Huyền                                              | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                  | 200.000    | KBNN |
| 126 |  | Võ Thanh Hùng                                                    | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                  | 200.000    | KBNN |
| 127 |  | Võ Phước Lộc                                                     | thị xã Hòa Thành, Tây Ninh                  | 200.000    | KBNN |



|     |            |                                                                  |                               |                    |        |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------|--------|
| 128 |            | Nguyễn Hoàng Phương                                              | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 200.000            | KBNN   |
| 129 |            | Phạm Hưng Hưng                                                   | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 200.000            | KBNN   |
| 130 |            | Cá nhân chuyển tiền theo<br>chứng từ số<br>CT24092408997192      | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 300.000            | KBNN   |
| 131 |            | CĐCS trường Mẫu giáo Năng<br>Xuân                                | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 620.000            | KBNN   |
| 132 |            | Bùi Thị Hồng Đào                                                 | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 500.000            | KBNN   |
| 133 |            | 3, khu phố 5 Phường 3,<br>TP Tây Ninh                            |                               | 6.300.000          | TM     |
| 134 |            | Chi bộ 3 Khu phố 5<br>phường 3 TP Tây Ninh                       |                               | 900.000            | TM     |
| 135 |            | Ban đại diện Hội Thánh<br>tỉnh Tây Ninh                          |                               | 26.250.000         | TM     |
|     |            | <b>Cộng phát sinh ngày<br/>30/9/2024</b>                         |                               | <b>582.440.018</b> |        |
| 1   | 02/10/2024 | Hội Cựu giáo chức xã<br>Thái Bình                                |                               | 500.000            | NHCSXH |
| 2   |            | CĐCS xã Tân Bình                                                 |                               | 7.362.000          | NHCSXH |
| 3   |            | Dao trang chùa Thoi Lac<br>ap Thanh Son xa Thanh<br>Tay Tan Bien |                               | 15.000.000         | NHCSXH |
| 4   |            | CĐCS trường MN<br>Hương Dương, Tân<br>Phong                      |                               | 5.820.685          | NHCSXH |
| 5   |            | CBGVNV trường<br>THCS Chu Văn An Tp<br>Tây Ninh                  |                               | 12.288.000         | NHCSXH |
| 6   |            | Trường THCS Nguyễn<br>Văn Trỗi, TPTN                             |                               | 7.140.000          | NHCSXH |
| 7   |            | Trần Thị Trúc Mai                                                |                               | 100.000            | NHCSXH |
| 8   |            | VP Huyện Ủy Châu<br>Thành                                        |                               | 4.532.000          | NHCSXH |
| 9   |            | KP 3 thị trấn Tân Châu                                           |                               | 5.420.000          | NHCSXH |

|    |  |                                         |  |             |        |
|----|--|-----------------------------------------|--|-------------|--------|
| 10 |  | Tập thể CBGVNV trường TH Tân Hưng       |  | 6.400.000   | NHCSXH |
| 11 |  | UBKT huyện ủy Châu Thành                |  | 1.665.000   | NHCSXH |
| 12 |  | Võ Thúy Kiều                            |  | 3.550.000   | NHCSXH |
| 13 |  | CDCS CT TNHH VMC Hoàng Gia NT           |  | 49.552.000  | NHCSXH |
| 14 |  | Tập thể CBCC KCI UBND xã Tân Bình TPTN  |  | 3.749.000   | NHCSXH |
| 15 |  | THCS Suối Ngô                           |  | 3.100.000   | NHCSXH |
| 16 |  | BIDV Tây Ninh                           |  | 30.000.000  | NHCSXH |
| 17 |  | CĐCS trường THCS Tân Hà                 |  | 3.400.000   | NHCSXH |
| 18 |  | Tapiotek                                |  | 2.150.000   | NHCSXH |
| 19 |  | Hồ Văn Vũ                               |  | 1.000.000   | NHCSXH |
| 20 |  | Trường MN Hoa Mai                       |  | 10.121.000  | NHCSXH |
| 21 |  | GD Nguyễn Thị Thúy Hằng, kp1, Phường 3  |  | 10.000.000  | NHCSXH |
| 22 |  | LDLD Châu Thành                         |  | 1.206.000   | NHCSXH |
| 23 |  | Tập thể CBNVGV trường TH Tân Hòa A      |  | 12.686.883  | NHCSXH |
| 24 |  | Tập thể HS trường TH Tân Hòa A          |  | 2.662.000   | NHCSXH |
| 25 |  | Huyện ủy Châu Thành, Đảng ủy các xã thị |  | 118.585.000 | NHCSXH |
| 26 |  | Ngô Thị Lụa                             |  | 100.000     | NHCSXH |
| 27 |  | Nguyễn Thị Thùy Dương                   |  | 100.000     | NHCSXH |

|    |  |                                     |            |        |
|----|--|-------------------------------------|------------|--------|
| 28 |  | Tập thể CBGVNV Trường MN Suối Ngô h | 3.800.000  | NHCSXH |
| 29 |  | CD Cty TVXD Phúc Kiên               | 11.000.000 | NHCSXH |
| 30 |  | CR24093009129069                    | 100.000    | NHCSXH |
| 31 |  | Tập thể xã Tân Thành huyện Tân Châu | 7.480.000  | NHCSXH |
| 32 |  | Võ Hoài Bảo, GV THCS Tân Đông       | 100.000    | NHCSXH |
| 33 |  | Đỗ Trọng Nhu                        | 100.000    | NHCSXH |
| 34 |  | Trần Thái Bình                      | 200.000    | NHCSXH |
| 35 |  | Trường THCS Nguyễn Thái Học         | 7.163.000  | NHCSXH |
| 36 |  | Lê Thị Mai                          | 100.000    | NHCSXH |
| 37 |  | Lê Thế Anh                          | 2.400.000  | NHCSXH |
| 38 |  | Trần Văn Tú                         | 100.000    | NHCSXH |
| 39 |  | Hoàng Tiến Lập                      | 100.000    | NHCSXH |
| 40 |  | CDCS CN Cty CP TM QC TH Tân Việt Sĩ | 5.000.000  | NHCSXH |
| 41 |  | Quách Thị Ái Duyên                  | 100.000    | NHCSXH |
| 42 |  | Nguyễn Thị Hết                      | 100.000    | NHCSXH |
| 43 |  | Lê Thị Lương                        | 100.000    | NHCSXH |
| 44 |  | CDCS TT VH TTTT Tân Biên            | 2.580.000  | NHCSXH |
| 45 |  | Phòng KTHT Tân Biên                 | 2.341.000  | NHCSXH |

|    |  |                                        |  |             |        |
|----|--|----------------------------------------|--|-------------|--------|
| 46 |  | Trường TH Tân Hội                      |  | 6.700.000   | NHCSXH |
| 47 |  | Nguyễn Thị Cúc                         |  | 100.000     | NHCSXH |
| 48 |  | Mai Thị Nga                            |  | 100.000     | NHCSXH |
| 49 |  | UBMTTQVN xã Thạnh Bắc                  |  | 7.900.000   | NHCSXH |
| 50 |  | Ban vận động cứu trợ thị trấn Bến Cầu  |  | 50.800.000  | NHCSXH |
| 51 |  | Trảng Bàng vận động ủng hộ             |  | 202.756.140 | NHCSXH |
| 52 |  | Trường MN Biên Giới                    |  | 2.282.769   | NHCSXH |
| 53 |  | CĐCS Hội Chữ Thập đỏ huyện Tân Biên    |  | 1.157.236   | NHCSXH |
| 54 |  | CDCS xã Mỏ Công huyện Tân Biên         |  | 6.773.000   | NHCSXH |
| 55 |  | Lê Văn Giang                           |  | 200.000     | NHCSXH |
| 56 |  | Trung, xã Thạnh Tân, huyện TPTN        |  | 600.000     | NHCSXH |
| 57 |  | Hiệp, xã Thạnh Tân, huyện TPTN         |  | 360.000     | NHCSXH |
| 58 |  | Trung, xã Thạnh Tân, huyện TPTN        |  | 200.000     | NHCSXH |
| 59 |  | CDCS TT GDNN GDTX Tân Biên             |  | 4.317.600   | NHCSXH |
| 60 |  | CDCS UBND thị Trấn Tân Biên            |  | 8.211.000   | NHCSXH |
| 61 |  | MTTQVN xã An Bình                      |  | 2.000.000   | NHCSXH |
| 62 |  | Hoội CCB xã An Bình                    |  | 1.750.000   | NHCSXH |
| 63 |  | xã Thành Long, xã An Cơ, xã Thanh Điền |  | 2.100.000   | NHCSXH |

|    |  |                                       |  |             |        |
|----|--|---------------------------------------|--|-------------|--------|
| 64 |  | tập thể HS trường THCS Tân Hà         |  | 1.300.000   | NHCSXH |
| 65 |  | MTTQVN xã Thạnh Long                  |  | 3.000.000   | NHCSXH |
| 66 |  | Thông tin huyện Tân Biên              |  | 2.162.000   | NHCSXH |
| 67 |  | CDCS Trường MN Bình Minh Tân Biên     |  | 4.713.433   | KBNN   |
| 68 |  | CBNV -CDV NH Sacombank                |  | 150.000.000 | KBNN   |
| 69 |  | Trường MN Tân Hòa                     |  | 3.802.000   | KBNN   |
| 70 |  | Ban vận động cứu trợ huyện DMC        |  | 34.873.690  | KBNN   |
| 71 |  | Lâm Thanh Phụng                       |  | 723.000     | KBNN   |
| 72 |  | Trường THCS Đồng Khởi                 |  | 9.503.000   | KBNN   |
| 73 |  | TTVH và Truyền thanh Tây Ninh         |  | 4.704.000   | KBNN   |
| 74 |  | Chi cục kiểm lâm tỉnh TN              |  | 20.000.000  | KBNN   |
| 75 |  | Hội CCB xã Đồng Khởi                  |  | 3.478.000   | KBNN   |
| 76 |  | Hội ND tỉnh TN vận động ủng hộ        |  | 25.950.000  | KBNN   |
| 77 |  | Cty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh        |  | 3.000.000   | TM     |
| 78 |  | CDCS Cty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh   |  | 2.800.000   | TM     |
| 79 |  | Hội Cựu Chiến Binh phường 1           |  | 5.280.000   | TM     |
| 80 |  | Hội Đồng Hương Thái Bình tại Tây Ninh |  | 100.000.000 | TM     |
| 81 |  | Hội Cựu chiến binh phường 3           |  | 12.000.000  | TM     |

|    |            |                                                           |  |            |        |
|----|------------|-----------------------------------------------------------|--|------------|--------|
| 82 |            | Hội Cựu chiến binh phường 4                               |  | 2.450.000  | TM     |
| 83 |            | Traần Thị Thu Hương                                       |  | 2.335.000  | TM     |
| 84 |            | Chi bộ 1 Khu phố 5 phường 3 TP Tây Ninh                   |  | 10.750.000 | TM     |
| 85 |            | Đảng bộ bộ phận kp1, Đảng ủy P3, TPTN                     |  | 5.230.000  | TM     |
|    |            | <b>Cộng phát sinh ngày 03/10/2024</b>                     |  | #####      |        |
| 1  | 03/10/2024 | Đảng viên chi bộ 1, Đảng bộ bộ phận kp1, Đảng ủy P3, TPTN |  | 5.230.000  | NHCSXH |
| 2  | 04/10/2024 | Phòng KT huyện Châu Thành                                 |  | 2.160.000  | NHCSXH |
| 3  |            | Hộ Đạo Cao đài Thánh thất xã Long Vĩnh                    |  | 2.000.000  | NHCSXH |
| 4  |            | Phòng Tai nguyên và Môi trường huyện Châu Thành           |  | 1.882.000  | NHCSXH |
| 5  |            | CT TNHH MTV Định Khuê                                     |  | 24.000.000 | NHCSXH |
| 6  |            | Trần Thị Linh                                             |  | 100.000    | NHCSXH |
| 7  |            | Nguyễn Thị Lan                                            |  | 100.000    | NHCSXH |
| 8  |            | Lê Thị Kim Chi                                            |  | 100.000    | NHCSXH |
| 9  |            | Trường TH Nguyễn Khuyến TPTN                              |  | 8.023.000  | NHCSXH |
| 10 |            | Tập thể CBGVNV trường THCS Lê Lợi                         |  | 3.650.000  | NHCSXH |
| 11 |            | CDCS Hội Đông Y, Chữ thập đỏ TPTN                         |  | 3.090.000  | NHCSXH |
| 12 |            | Trường THCS Bà Đen                                        |  | 5.829.271  | NHCSXH |

|    |  |                                                                    |                                               |            |        |
|----|--|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------|--------|
| 13 |  | UBMTTQVN phường<br>Ninh Thạnh phối hợp Hộ<br>Đạo LKP Ninh Hòa Ninh |                                               | 5.000.000  | NHCSXH |
| 14 |  | Tập thể đơn vị phòng<br>Giáo dục và đào tạo<br>huyện Châu Thành    |                                               | 2.073.000  | NHCSXH |
| 15 |  | Trường THCS Trần<br>Hung Đạo                                       |                                               | 30.290.000 | NHCSXH |
| 16 |  | Thay Khuot                                                         |                                               | 100.000    | NHCSXH |
| 17 |  | Chi Hội CCB Tân Trung Tân Thành Tân C                              |                                               | 1.000.000  | NHCSXH |
| 18 |  | Chi hội CCB Đồng Ken 2, Tân Thành, Tân                             |                                               | 500.000    | NHCSXH |
| 19 |  | Chi Hội CCB Tân Đông Tân Thành Tân Ch                              |                                               | 400.000    | NHCSXH |
| 20 |  | Dương Thanh Hồng                                                   |                                               | 1.000.000  | KBNN   |
| 21 |  | Trường MN Thanh<br>Long, Châu Thành                                |                                               | 11.098.000 | KBNN   |
| 22 |  | CT24100109151058                                                   | CĐCS Trương<br>Mầm non, xã<br>Phan, huyện     | 7.534.000  | KBNN   |
| 23 |  | Hội Đông y<br>huyện Dương Minh Châu                                | Hội Đông y<br>huyện Dương<br>Minh Châu        | 1.250.000  | KBNN   |
| 24 |  | Văn phòng Huyện ủy<br>huyện Dương Minh Châu                        | Văn phòng<br>Huyện ủy<br>huyện Dương          | 2.135.000  | KBNN   |
| 25 |  | Hội Cựu Chiến binh<br>xã Suối Đá, huyện Dương<br>Minh Châu         | Hội Cựu Chiến<br>binh<br>xã Suối Đá           | 870.000    | KBNN   |
| 26 |  | Hội Cựu giáo chức xã<br>Phan, huyện Dương Minh<br>Châu             | Hội Cựu giáo<br>chức xã Phan,<br>huyện Dương  | 1.150.000  | KBNN   |
| 27 |  | CT24100209168480                                                   | Hội Người cao<br>tuổi xã Phan,<br>huyện Dương | 1.850.000  | KBNN   |
| 28 |  | CT24100209180420                                                   | Là,<br>huyện Dương                            | 5.796.000  | KBNN   |
| 29 |  | CR24100209183341                                                   | Xã Phước Minh,<br>huyện Dương<br>Minh Châu    | 3.030.000  | KBNN   |
| 30 |  | Hội Cựu chiến binh<br>phường 2                                     |                                               | 1.700.000  | TM     |

|    |  |                                                                                          |  |                    |    |
|----|--|------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------|----|
| 31 |  | Hội Cựu giáo chức TP Tây Ninh                                                            |  | 13.400.000         | TM |
|    |  | <b>Cộng phát sinh ngày 04/10/2024</b>                                                    |  | <b>141.110.271</b> |    |
| 1  |  | PHAM VAN TAI chuyen tien ung ho bao lu.                                                  |  | 90.000             |    |
| 2  |  | Lam Thi Hong Khuyen ung ho ding bao lu lut                                               |  | 500.000            |    |
| 3  |  | CDCS TRUNG TAM Y TE TX HOA THANH NOP TIEN VAN DONG UNG HO                                |  | 50.368.000         |    |
| 4  |  | UBND XA PHUOC TRACH NOP TIEN VAN DONG UNG HO DONG BAO BI THIET HAI DO BAO LU NAM 2024    |  | 13.325.000         |    |
| 5  |  | CONG DOAN BHXH TINH TAY NINH NOP TIEN VAN DONG UNG HO DONG BAO BI THIET HAI DO           |  | 78.840.000         |    |
| 6  |  | Truong chinh tri chuyen khoan ung ho bao so 3                                            |  | 15.141.000         |    |
| 7  |  | CĐCS Trung tâm Y tế Huyện Dương Minh Châu nộp tiền <u>ủng hộ đồng bào bị thiệt hại</u>   |  | 41.101.000         |    |
| 8  |  | CĐCS Trung tâm quản lý cửa khẩu Tây Ninh nộp tiền <u>ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do</u> |  | 10.781.636         |    |
| 9  |  | CĐCS Sở Lao động Thương binh & Xã hội nộp tiền <u>ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do</u>    |  | 17.400.000         |    |
| 10 |  | CĐCS BQL Dự án đầu tư xây dựng ngành NN và PTNT <u>nộp tiền ủng hộ đồng bào bị</u>       |  | 12.235.000         |    |
| 11 |  | CDCS BỆNH VIỆN LAO VA BENH PHOI TINH TAY NINH NOP TIEN VAN                               |  | 13.172.613         |    |
| 12 |  | TRUONG TH CAM LONG GD NOP TIEN UNG HO DONG BAO BI THIET HAI                              |  | 7.791.824          |    |
| 13 |  | CDCS BAN TO CHUC TINH UY UNG HO DONG BAO LU LUT.CT tu                                    |  | 13.000.000         |    |
| 14 |  | CĐCS BQL Dự án đầu tư xây dựng ngành giao thông <u>nộp tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt</u> |  | 16.018.000         |    |



|    |  |                                                                                         |  |                  |  |
|----|--|-----------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------|--|
| 15 |  | CĐCS Sở Tài nguyên & Môi trường (VP ĐKĐĐ) nộp tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt hại         |  | 124.978.000      |  |
| 16 |  | CĐCS Bệnh viện Y dược Cổ truyền nộp tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão lũ năm     |  | 31.345.000       |  |
| 17 |  | CĐCS BQL các Khu di tích lịch sử Cách mạng Miền Nam nộp tiền ủng hộ đồng bào bị         |  | 11.826.000       |  |
| 18 |  | CĐCS Tòa án nhân dân nộp tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão lũ năm 2024           |  | 21.757.691       |  |
| 19 |  | CĐCS Ban Nội chính tỉnh Tây Ninh nộp tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão           |  | 6.065.000        |  |
| 20 |  | CĐCS Sở GTVT Tây Ninh nộp tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão                      |  | 12.075.000       |  |
| 21 |  | CĐCS BỆNH VIỆN ĐA KHOA HONG HUNG ỦNG HỘ ĐỒNG BAO MIỀN BẮC                               |  | 44.100.000       |  |
| 22 |  | Công đoàn Sở KHCN TÂY NINH nộp tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do                     |  | 10.875.000       |  |
| 23 |  | Trường CDN Tây Ninh nộp tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão lũ năm                 |  | 34.163.000       |  |
| 24 |  | CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ TRUNG TAM Y TẾ CHAU THANH NỘP TIỀN ỦNG                                  |  | 46.308.000       |  |
| 25 |  | CĐCS Công ty CP Cấp thoát nước Tây Ninh nộp tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do        |  | 12.550.000       |  |
| 26 |  | CĐCS Sở Tài nguyên & Môi trường nộp tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão lũ năm     |  | 28.460.000       |  |
| 27 |  | CĐCS Sở Lao động Thương binh & Xã hội (Trung tâm DV việc làm - GD nghề                  |  | 25.110.000       |  |
| 28 |  | CĐCS Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh nộp tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão            |  | 34.840.000       |  |
| 29 |  | CĐCS Tỉnh Hội Đồng y Tây Ninh nộp tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão lũ năm       |  | 2.161.000        |  |
| 30 |  | CĐCS Sở Tài chính nộp tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão lũ năm 2024              |  | 21.800.000       |  |
| 31 |  | CĐCS Chỉ cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm nộp tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do         |  | <b>4.546.000</b> |  |
| 32 |  | CĐCS Trung tâm Phẫu y Tây Ninh nộp tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão lũ năm 2024 |  | 7.678.000        |  |

|    |  |                                                                                                                |  |            |  |
|----|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------|--|
| 33 |  | Công ty CP Nước MIAQUA<br>dong 2 KPCD thang 09 nam<br>2024                                                     |  | 415.804    |  |
| 34 |  | Lien minh HTX tinh Tay<br>Ninh nop tien van dong ung<br>ho dong bao bi thiet hai do<br>bao lu nam 2024 bo sung |  | 512.000    |  |
| 35 |  | LE THI THU TRANG NOP<br>TIEN VAN DONG UNG HO<br>DONG BAO BI THIET HAI<br>DO BAO LU NAM 2024                    |  | 23.875.000 |  |
| 36 |  | CDCS BQL VUON QUOC<br>GIA LO GO                                                                                |  | 22.749.000 |  |
| 37 |  | CDCS Sở KHCN Tay Ninh<br>nop tien van dong ung ho<br>dong bao bi thiet hai do bao<br>lu nam 2024               |  | 6.400.000  |  |
| 38 |  | CĐCS Ban Dân vận nội chính<br>nộp ủng hộ thiên tai bão, lũ                                                     |  | 6.422.727  |  |
| 39 |  | CĐCS Trung tâm văn hóa<br>tỉnh nộp ủng hộ thiên tai bão,<br>lũ                                                 |  | 8.370.000  |  |
| 40 |  | CĐCS TT Y tế Tân Biên nộp<br>ủng hộ thiên tai bão, lũ                                                          |  | 41.806.038 |  |
| 41 |  | CĐCS Cục thi hành án dân sự<br>nộp ủng hộ thiên tai bão, lũ                                                    |  | 7.516.000  |  |
| 42 |  | Trung tâm nuôi dạy trẻ khiếm<br>thị nộp ủng hộ thiên tai bão, lũ                                               |  | 5.670.957  |  |
| 43 |  | Công ty CP dược phẩm nộp<br>ủng hộ thiên tai bão, lũ                                                           |  | 5.000.000  |  |
| 44 |  | Trung tâm kiểm soát bệnh tật<br>nộp ủng hộ thiên tai bão, lũ                                                   |  | 59.388.000 |  |
| 45 |  | Sở y tế nộp ủng hộ thiên tai<br>bão, lũ                                                                        |  | 16.260.000 |  |
| 46 |  | CĐCS CTY TNHH MTV<br>THILVAN                                                                                   |  | 5.700.000  |  |
| 47 |  | CĐCS CTY TNHH DỆT<br>MAY RISE SUN VN                                                                           |  | 30.390.000 |  |
| 48 |  | CĐCS CTY TNHH CÔNG<br>NGHIỆP HOA THÁC VN                                                                       |  | 7.320.000  |  |
| 49 |  | CĐCS CTY TNHH DƯỢC<br>PHẨM - DƯỢC LIỆU                                                                         |  | 10.000.000 |  |
| 50 |  | CĐCS CTY TNHH TRE GIA<br>DỤNG XUẤT KHẨU LONG<br>TRIEU                                                          |  | 20.000.000 |  |
| 51 |  | CĐCS CTY TNHH CNG NR                                                                                           |  | 2.000.000  |  |
| 52 |  | CĐCS CTY TNHH NHỰA<br>VÀ CAO SU KIẾN PHÁT<br>VN                                                                |  | 1.350.000  |  |
| 53 |  | CĐCS CTY TNHH VÂN<br>HÓA PHẨM PHƯỢNG<br>HOÀNG                                                                  |  | 29.000.000 |  |
| 54 |  | CĐCS CTY TNHH KOVINA<br>FASHION                                                                                |  | 1.500.000  |  |

|    |  |                                               |  |             |  |
|----|--|-----------------------------------------------|--|-------------|--|
| 55 |  | CĐCS CTY TNHH NHỰA VÀ CAO SU KIẾN PHÁT VN     |  | 5.000.000   |  |
| 56 |  | CĐCS CTY TNHH SHINWOOD                        |  | 6.460.000   |  |
| 57 |  | CĐCS CTY TNHH PARK CORP VN                    |  | 25.968.000  |  |
| 58 |  | CĐCS CTY TNHH BILION INDUSTRIAL VN            |  | 34.958.000  |  |
| 59 |  | CĐCS CTY TNHH BAIKAI INDUSTRY VN              |  | 20.854.000  |  |
| 60 |  | CĐCS CTY TNHH POULI VIET NAM                  |  | 100.979.000 |  |
| 61 |  | CĐCS CTY TNHH MAY MAC LANGHAM                 |  | 67.124.000  |  |
| 62 |  | CĐCS CTY TNHH FISCHER PRODUCTION- CN TAY NINH |  | 2.401.000   |  |
| 63 |  | TRAN CONG VIEN                                |  | 100.000     |  |
| 64 |  | CĐCS CTY TNHH DIEN MAY KTZ VIET NAM           |  | 3.500.000   |  |
| 65 |  | CĐCS CTY TNHH KY THUAT SPON                   |  | 14.210.000  |  |
| 66 |  | CĐCS CTY TNHH CO KHI GIAI LUC                 |  | 12.750.000  |  |
| 67 |  | CĐCS CTY TNHH ROYAL ALLIANCE VINA             |  | 16.870.000  |  |
| 68 |  | CĐCS CTY TNHH TOP SPORTS TEXTILE VIET NAM     |  | 3.900.000   |  |
| 69 |  | CĐCS CTY TNHH CAO SU THỜI ÍCH                 |  | 17.777.000  |  |
| 70 |  | CĐCS CT TNHH DET HONGDA VN                    |  | 6.715.000   |  |
| 71 |  | CĐCS CÔNG TY TNHH SAILUN VN                   |  | 1.200.000   |  |
| 72 |  | CÔNG TY TNHH ACTR                             |  | 100.000.000 |  |
| 73 |  | CĐCS CTY TNHH WILSON                          |  | 9.362.000   |  |
| 74 |  | CĐCS CTY TNHH SAILUN VN                       |  | 54.819.000  |  |
| 75 |  | CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CTY ACTR                      |  | 33.981.000  |  |
| 76 |  | CĐCS CT TNHH BROTEX VN                        |  | 227.358.947 |  |
| 77 |  | CĐCS CTY CP PHTT KCN TAY NINH                 |  | 10.250.000  |  |
| 78 |  | CĐCS CT TNHH DET SOI CONTINENTAL              |  | 46.295.000  |  |
| 79 |  | CĐCS CTY TNHH NPP POWER VN                    |  | 2.000.000   |  |
| 80 |  | CĐCS CT TNHH LIAN TA HSING                    |  | 6.910.000   |  |

|    |            |                                                               |  |              |        |
|----|------------|---------------------------------------------------------------|--|--------------|--------|
| 81 |            | CDCS CT TNHH HOA<br>CHAT VA MOI TRUONG<br>VIETNAM             |  | 10.000.000   |        |
| 82 |            | CDCS CT TNHH DET<br>MAY NEWSTYLE VIET<br>NAM                  |  | 17.730.000   |        |
| 83 |            | CDCS CT DET SOI<br>LOUVE                                      |  | 16.001.000   |        |
| 84 |            | CDCS CT TNHH JINWON<br>VN                                     |  | 7.020.000    |        |
| 85 |            | CDCS CT TNHH NINGBO<br>CHANGYA PLASTIC VIET<br>NAM            |  | 41.155.000   |        |
| 86 |            | CDCS CÔNG TY TNHH<br>ICHIHIRO VN                              |  | 19.365.000   |        |
| 87 |            | CDCS CÔNG TY TNHH<br>DỤNG CỤ THỂ THAO<br>VIỆT MINH            |  | 8.143.000    |        |
| 88 |            | CDCS CÔNG TY TNHH<br>CÔNG NGHIỆP THÔNG<br>GIÓ KRUGER VIỆT NAM |  | 16.273.000   |        |
| 89 |            | CDCS CÔNG TY TNHH<br>ZHENGXING VN                             |  | 22.231.000   |        |
| 90 |            | CDCS CÔNG TY TNHH<br>ILSHIN VN                                |  | 41.492.000   |        |
| 91 |            | CDCS CÔNG TY TNHH<br>KPP ZIPPER VN                            |  | 3.850.000    |        |
| 92 |            | CDCS CÔNG TY TNHH<br>HAILIDE VN                               |  | 9.100.000    |        |
| 93 |            | CDCS CÔNG TY MÔI<br>TRƯỜNG XANH                               |  | 2.300.000    |        |
| 94 |            | CÔNG TY TNHH SAILUN<br>VIỆT NAM                               |  | 100.000.000  |        |
| 95 |            | CDCS CÔNG TY SX PHU<br>LỰC                                    |  | 5.780.000    |        |
|    |            | <b>Tổng ngày 5/10/2024</b>                                    |  | <b>#####</b> |        |
| 1  | 07/10/2024 | CT 24100409242987                                             |  | 300.000      | NHCSXH |
| 2  |            | Trường TH Giong Nan                                           |  | 5.242.742    | NHCSXH |
| 3  |            | Trường TH La Văn Cầu                                          |  | 3.815.000    | NHCSXH |
| 4  |            | Trường MN Thực Hành                                           |  | 13.075.000   | NHCSXH |

|    |            |                                                              |         |             |             |
|----|------------|--------------------------------------------------------------|---------|-------------|-------------|
| 5  |            | CDCS Phường Ninh Sơn                                         |         | 9.331.000   | NHCSXH      |
| 6  |            | Trường THCS Trí Bình                                         |         | 5.564.000   | NHCSXH      |
| 7  |            | Trường THCS Nguyễn<br>Trãi TP Tây Ninh                       |         | 9.225.700   | NHCSXH      |
| 8  |            | cbcc dv xã Trí Bình                                          |         | 5.900.000   | NHCSXH      |
| 9  |            | Trường MN Lien Co, Gò<br>Dầu                                 |         | 7.215.776   | KBNN        |
| 10 |            | phòng NN và PTNT<br>huyện Bến Cầu                            |         | 1.692.748   | KBNN        |
| 11 |            | Tập thể anh em công<br>nhân chi nhánh Cty<br>TNHH Tien Thanh |         | 14.050.000  | KBNN        |
| 12 |            | Trường THCS Tân Phú                                          |         | 3.800.000   | KBNN        |
| 13 |            | Chi bộ 2, kp 5, F3, TPTN                                     |         | 5.300.000   | TM          |
| 14 |            | Hội Công chứng viên<br>tỉnh TN                               |         | 61.000.000  | TM          |
| 15 |            | Hội Công chứng viên<br>tỉnh TN                               |         | 1.000.000   | TM          |
| 16 |            | Nguyễn Tiến Hùng, KP1,<br>P1                                 |         | 10.000.000  | TM          |
|    |            | Tổng ngày 7/10/2024                                          |         | 156.511.966 |             |
| 1  | 08/10/2024 | NGUYỄN THANH BÌNH                                            | BẾN CẦU | 10.000.000  | <b>KBNN</b> |
| 2  |            | BAN TO CHUC HU                                               | BẾN CẦU | 1.426.000   | <b>KBNN</b> |
| 3  |            | BANH THI KIM KHANH                                           | BẾN CẦU | 13.000.000  | <b>KBNN</b> |
| 4  |            | HA VAN CHAY                                                  | BẾN CẦU | 400.000     | <b>KBNN</b> |

|    |  |                                         |         |            |             |
|----|--|-----------------------------------------|---------|------------|-------------|
| 5  |  | PHONG KINH TE HA TANG                   | BẾN CẦU | 2.100.000  | <b>KBNN</b> |
| 6  |  | VO THI CAM TU                           | BẾN CẦU | 1.000.000  | <b>KBNN</b> |
| 7  |  | TRƯỜNG THCS THI TRAN H                  | BẾN CẦU | 11.460.000 | <b>KBNN</b> |
| 8  |  | VIEN KIEM SAT ND HUYEN                  | BẾN CẦU | 4.190.000  | <b>KBNN</b> |
| 9  |  | CT24091808850414                        | BẾN CẦU | 300.000    | <b>KBNN</b> |
| 10 |  | LE THI THIEN HUONG                      | BẾN CẦU | 450.000    | <b>KBNN</b> |
| 11 |  | CT24091908874223                        | BẾN CẦU | 2.000.000  | <b>KBNN</b> |
| 12 |  | TRAN VAN CUONG                          | BẾN CẦU | 500.000    | <b>KBNN</b> |
| 13 |  | DO QUANG TRUONG                         | BẾN CẦU | 450.000    | <b>KBNN</b> |
| 14 |  | CTY TNHH MTV XNK TUAN                   | BẾN CẦU | 2.100.000  | <b>KBNN</b> |
| 15 |  | HỘI CỰU CA HUYỆN BẾN C                  | BẾN CẦU | 8.700.000  | <b>KBNN</b> |
| 16 |  | HA DUY KHUYEN                           | BẾN CẦU | 1.000.000  | <b>KBNN</b> |
| 17 |  | ĐOÀN CS HPN CA HUYỆN I                  | BẾN CẦU | 48.220.000 | <b>KBNN</b> |
| 18 |  | CÔNG ĐOÀN QUẢN LÝ<br>DỤNG<br>LONG THUẬN | BẾN CẦU | 5.000.000  | <b>KBNN</b> |
| 19 |  | CDCS TRUONG MAM NON                     | BẾN CẦU | 4.080.000  | <b>KBNN</b> |
| 20 |  | TRAN THI SUOT                           | BẾN CẦU | 500.000    | <b>KBNN</b> |
| 21 |  | TRUONG THCS LOI THUAN                   | BẾN CẦU | 7.100.000  | <b>KBNN</b> |
| 22 |  | THANH TRA HUYEN BEN C                   | BẾN CẦU | 2.027.000  | <b>KBNN</b> |

|    |  |                        |         |             |             |
|----|--|------------------------|---------|-------------|-------------|
| 23 |  | CDCS LỘTBXH-CTD HUYEN  | BẾN CẦU | 2.344.000   | <b>KBNN</b> |
| 24 |  | TRAN NGOC THU          | BẾN CẦU | 400.000     | <b>KBNN</b> |
| 25 |  | HOI CCB XA AN THANH    | BẾN CẦU | 2.500.000   | <b>KBNN</b> |
| 26 |  | DO VAN SE              | BẾN CẦU | 2.000.000   | <b>KBNN</b> |
| 27 |  | TRUONG THCS NGUYEN V   | BẾN CẦU | 9.995.000   | <b>KBNN</b> |
| 28 |  | HOI CCB HUYEN BEN CAU  | BẾN CẦU | 855.000     | <b>KBNN</b> |
| 29 |  | CTSF230924873768       | BẾN CẦU | 500.000     | <b>KBNN</b> |
| 30 |  | CTSF230924874597       | BẾN CẦU | 10.000.000  | <b>KBNN</b> |
| 31 |  | CTSF230924875937       | BẾN CẦU | 5.300.000   | <b>KBNN</b> |
| 32 |  | HO DAO CAO DAI TIEN TH | BẾN CẦU | 10.000.000  | <b>KBNN</b> |
| 33 |  | LAM HIEP MINH CUONG-L  | BẾN CẦU | 2.980.000   | <b>KBNN</b> |
| 34 |  | UBND XA LONG GIANG     | BẾN CẦU | 6.700.000   | <b>KBNN</b> |
| 35 |  | PHONG NOI VU BEN CAU   | BẾN CẦU | 2.900.000   | <b>KBNN</b> |
| 36 |  | CAO HUNG CHI           | BẾN CẦU | 2.838.000   | <b>KBNN</b> |
| 37 |  | CDCS LONG KHANH        | BẾN CẦU | 3.700.000   | <b>KBNN</b> |
| 38 |  | CTSF240924970033       | BẾN CẦU | 191.361.000 | <b>KBNN</b> |
| 39 |  | TRUONG TIEU HOC AN TH  | BẾN CẦU | 4.300.000   | <b>KBNN</b> |
| 40 |  | TRUONG TH TIEN THUAN I | BẾN CẦU | 4.600.000   | <b>KBNN</b> |

|    |  |                                       |         |             |             |
|----|--|---------------------------------------|---------|-------------|-------------|
| 41 |  | PHAN PHUONG TRUC                      | BẾN CẦU | 300.000     | <b>KBNN</b> |
| 42 |  | PHONG TCKH HUYEN BEN                  | BẾN CẦU | 2.253.000   | <b>KBNN</b> |
| 43 |  | CDCS TOA AN HUYEN                     | BẾN CẦU | 3.140.000   | <b>KBNN</b> |
| 44 |  | CĐCS TRƯỜNG MG LONG C                 | BẾN CẦU | 1.500.000   | <b>KBNN</b> |
| 45 |  | MTTQ XÃ LỢI THUẬN                     | BẾN CẦU | 1.050.000   | <b>KBNN</b> |
| 46 |  | CĐCS TRƯỜNG MG LONG I                 | BẾN CẦU | 4.634.000   | <b>KBNN</b> |
| 47 |  | TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG T                | BẾN CẦU | 19.275.000  | <b>KBNN</b> |
| 48 |  | TT GDNN GDTX BEN CAU                  | BẾN CẦU | 3.175.000   | <b>KBNN</b> |
| 49 |  | CT24093009130708                      | BẾN CẦU | 1.000.000   | <b>KBNN</b> |
| 50 |  | TRUONG TH AN THANH                    | BẾN CẦU | 6.075.000   | <b>KBNN</b> |
| 51 |  | TRUONG TH LONG THUAN                  | BẾN CẦU | 2.303.000   | <b>KBNN</b> |
| 52 |  | CÁC EM HỌC SINH<br>TRUONG TH AN THANH | BẾN CẦU | 330.000     | <b>KBNN</b> |
| 53 |  | PHÒNG VH TT                           | BẾN CẦU | 1.882.000   | <b>KBNN</b> |
| 54 |  | CONG TY TNHH SUNJIN M                 | BẾN CẦU | 10.000.000  | <b>KBNN</b> |
| 55 |  | TAEKWANG MOC BAI                      | BẾN CẦU | 500.000.000 | <b>KBNN</b> |
| 56 |  | CĐCS CTY TNHH EAGLE V                 | BẾN CẦU | 17.700.000  | <b>KBNN</b> |
| 57 |  | CT24100309204509                      | BẾN CẦU | 9.800.000   | <b>KBNN</b> |
| 58 |  | HOI CCB XA TIEN THUAN                 | BẾN CẦU | 1.710.000   | <b>KBNN</b> |



|    |            |                                                |         |            |        |
|----|------------|------------------------------------------------|---------|------------|--------|
| 59 |            | TRƯỜNG TIỀN HỌC TIỀN T                         | BẾN CẦU | 8.204.000  | KBNN   |
| 60 |            | TRƯỜNG THCS LONG GIAN                          | BẾN CẦU | 6.564.000  | KBNN   |
| 61 |            | Trường TH Hảo Đức                              |         | 5.963.000  | KBNN   |
| 62 |            | Trường MN Bàu Đồn                              |         | 5.252.000  | KBNN   |
| 63 |            | Trường THCS Phước Thanh                        |         | 8.092.583  | KBNN   |
|    |            | Tổng ngày 8/10/2024                            |         | #####      |        |
| 1  | 11/10/2024 | Phòng NN và PTNT huyện Châu Thành              |         | 1.530.000  | NHCSXH |
| 2  |            | 1000007056226060                               |         | 1.018.823  | NHCSXH |
| 3  |            | Hội CCB ấp Tam Hạp xã Thái Bình                |         | 5.130.000  | NHCSXH |
| 4  |            | CB và nhân dân ấp Tân Hạp xã Thái Bình         |         | 26.100.000 | NHCSXH |
| 5  |            | Hội CCB ấp Bình Long xã Thái Bình huyện Châu T |         | 8.810.000  | NHCSXH |
| 6  |            | CDCS Phường 3 ủng hộ đồng bào bị thiệt hại     |         | 7.069.000  | NHCSXH |
| 7  |            | CDCS xã Bình Minh                              |         | 7.590.191  | NHCSXH |
| 8  |            | Phòng Tư pháp ủng hộ                           |         | 2.153.315  | NHCSXH |
| 9  |            | CDCS THCS Dong Rum                             |         | 5.100.000  | NHCSXH |
| 10 |            | Trường MN Tuổi Ngọc TPTN                       |         | 7.284.000  | NHCSXH |
| 11 |            | Công đoàn CS Phường Ninh Thạnh                 |         | 6.323.000  | NHCSXH |
| 12 |            | CBGVNV Trường Th Nguyễn Du                     |         | 16.453.000 | NHCSXH |

|    |  |                                                    |  |            |        |
|----|--|----------------------------------------------------|--|------------|--------|
| 13 |  | Nguyễn Thị Giang                                   |  | 5.917.000  | NHCSXH |
| 14 |  | CDCS xã Thạnh Tân                                  |  | 8.320.000  | NHCSXH |
| 15 |  | CBCNV Người lao động Cty Bột Mì Bảo Duy            |  | 11.750.000 | NHCSXH |
| 16 |  | chi bộ và Mặt trận khu phố Loc Tiên, P Loc Hung, T |  | 1.200.000  | NHCSXH |
| 17 |  | Nguyễn Văn Dân                                     |  | 200.000    | NHCSXH |
| 18 |  | Nguyễn Lê Như Phượng                               |  | 250.000    | NHCSXH |
| 19 |  | MTTQ xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên                  |  | 8.500.000  | NHCSXH |
| 20 |  | Trường THCS Thị Trấn Tân Châu                      |  | 18.019.000 | NHCSXH |
| 21 |  | Trung tâm Phát triển quỹ đất TP Tây Ninh           |  | 3.586.013  | NHCSXH |
| 22 |  | Ban Quản lý Dự án ĐTXD huyện Tân Châu              |  | 2.144.000  | NHCSXH |
| 23 |  | TH Trương Đình nộp tiền vận động                   |  | 14.504.000 | NHCSXH |
| 24 |  | Trần Thị Huệ                                       |  | 100.000    | NHCSXH |
| 25 |  | Họ Đọa Cao đài Phường Hiệp Ninh                    |  | 31.050.000 | NHCSXH |
| 26 |  | Phòng TCKH huyện Tân Châu                          |  | 1.308.000  | NHCSXH |
| 27 |  | Ban Tuyên Giáo Thành Ủy TN                         |  | 3.385.000  | NHCSXH |
| 28 |  | cán bộ và nhân dân ấp Bình Long xã Thái Bình, hu   |  | 25.195.000 | NHCSXH |
| 29 |  | Trường MG Biên Giới                                |  | 2.000.000  | NHCSXH |
| 30 |  | CTCP Đầu Tư TDIF                                   |  | 900.000    | NHCSXH |

|    |  |                                                 |             |             |
|----|--|-------------------------------------------------|-------------|-------------|
| 31 |  | CĐCS Phòng GDĐT TP Tây Ninh                     | 2.523.000   | NHCSXH      |
| 32 |  | BTC Thành Ủy TN                                 | 4.066.000   | NHCSXH      |
| 33 |  | THCS Tân Hưng                                   | 7.000.000   | NHCSXH      |
| 34 |  | Phòng Quản lý đô thị TN                         | 5.447.000   | NHCSXH      |
| 35 |  | CB nhân dân ấp Bình Hòa xã Thái Bình            | 17.600.000  | NHCSXH      |
| 36 |  | Viên Kiểm Sát Thành Phố TN                      | 3.734.600   | NHCSXH      |
| 37 |  | BTC huyện Châu Thành                            | 1.951.000   | NHCSXH      |
| 38 |  | VP Thành Ủy Tây Ninh                            | 6.988.800   | NHCSXH      |
| 39 |  | CĐCS Phường Hiệp Ninh                           | 8.454.337   | NHCSXH      |
| 40 |  | Hội LHPN tỉnh Tây Ninh vận động ủng hộ nhân dân | 44.110.000  | NHCSXH      |
| 41 |  | UBKT huyện Tân Biên                             | 1.326.507   | NHCSXH      |
| 42 |  | Cán bộ ấp Bình Long xã Thái Bình huyện Châu Th  | 6.200.000   | NHCSXH      |
| 43 |  | MTTQVN xã Tân Hiệp                              | 4.850.000   | NHCSXH      |
| 44 |  | Ủy Ban MTTQVN thị xã Trảng Bàng vận động ủng    | 153.978.000 | NHCSXH      |
| 45 |  | CĐCS trường TH Tân Phong                        | 18.534.000  | NHCSXH      |
| 46 |  | CT2401009392618                                 | 9.457.235   | NHCSXH      |
| 47 |  | CD xã Ninh Điền                                 | 7.778.000   | <b>KBNN</b> |
| 48 |  | VP HĐND và UBND huyện Châu thành                | 4.159.000   | <b>KBNN</b> |

|    |  |                                                                    |                                                                |            |             |
|----|--|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------|-------------|
| 49 |  | CT24100309205480                                                   | Trường THCS<br>Chà Là,<br>huyện Dương                          | 8.867.000  | <b>KBNN</b> |
| 50 |  | CT24100409229686                                                   | CDCS Công ty<br>Hưng Long,<br>huyện Dương                      | 3.650.000  | <b>KBNN</b> |
| 51 |  | Trường Mầm non 20-11,<br>huyện Dương Minh Châu                     |                                                                | 11.196.000 | <b>KBNN</b> |
| 52 |  | Tập the lớp Sơ cấp chính<br>trị năm 2024, huyện<br>Dương Minh Châu |                                                                | 1.013.000  | <b>KBNN</b> |
| 53 |  | Trường Tiểu học Thị<br>trần, huyện Dương Minh<br>Châu              |                                                                | 17.100.000 | <b>KBNN</b> |
| 54 |  | Phan Hiền Đức<br>CT24100709295306                                  | ên Dương Minh C                                                | 400.000    | <b>KBNN</b> |
| 55 |  | Trường THCS Nguyễn Công Trứ Tân Biên                               |                                                                | 6.000.000  | <b>KBNN</b> |
| 56 |  | học sinh lớp Lá 4<br>Trường Mầm non Ánh                            | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                                  | 2.290.000  | <b>KBNN</b> |
| 57 |  | BCQ họ đạo Cao đài Ban<br>chỉnh                                    | Phường Long<br>Thành Trung, thị<br>xã Hòa Thành                | 2.000.000  | <b>KBNN</b> |
| 58 |  | Trần Quốc Chí                                                      | Phường Long<br>Thành Trung, thị<br>xã Hòa Thành                | 500.000    | <b>KBNN</b> |
| 59 |  | Võ Hoàng An                                                        | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                                  | 500.000    | <b>KBNN</b> |
| 60 |  | Phạm Hồng Oanh                                                     | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                                  | 500.000    | <b>KBNN</b> |
| 61 |  | Đặng Thị Bích Thủy                                                 | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                                  | 300.000    | <b>KBNN</b> |
| 62 |  | Trần Thị Xong                                                      | Hội Cựu giao<br>chức xã Trường<br>Tây, thị xã Hòa<br>Giáo viên | 200.000    | <b>KBNN</b> |
| 63 |  | Lê Huỳnh Thu Trúc                                                  | Trường THCS<br>Mac Đĩnh Chi                                    | 500.000    | <b>KBNN</b> |
| 64 |  | Trường Tiểu học Triệu<br>Thị Trinh                                 | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                                  | 1.730.000  | <b>KBNN</b> |
| 65 |  | Trường Tiểu học Trần<br>Quốc Toàn                                  | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                                  | 9.005.000  | <b>KBNN</b> |
| 66 |  | huynh và học sinh<br>Trường Mầm non Sao                            | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                                  | 7.610.000  | <b>KBNN</b> |

|    |  |                                                                  |                                                 |            |             |
|----|--|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------|-------------|
| 67 |  | Viện kiểm sát nhân dân<br>thị xã Hòa Thành                       | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                   | 3.200.000  | <b>KBNN</b> |
| 68 |  | Học sinh trường Tiểu<br>học Đoàn Thị Điểm                        | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                   | 5.232.000  | <b>KBNN</b> |
| 69 |  | Võ Ngọc Thơ                                                      | Hội Đông y thị<br>xã Hòa Thành,<br>Tây Ninh     | 200.000    | <b>KBNN</b> |
| 70 |  | Quỹ tín dụng nhân dân<br>Hòa Thành                               | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                   | 15.000.000 | <b>KBNN</b> |
| 71 |  | Tòa án Nhân dân thị xã<br>Hòa Thành                              | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                   | 2.700.000  | <b>KBNN</b> |
| 72 |  | Nguyễn Văn Quyền                                                 | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                   | 100.000    | <b>KBNN</b> |
| 73 |  | Phạm Thị Kim Loan                                                | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                   | 100.000    | <b>KBNN</b> |
| 74 |  | Cán bộ Hội viên Hội<br>Cựu chiến binh phường<br>Long Thành Trung | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                   | 2.250.000  | <b>KBNN</b> |
| 75 |  | phường Long Thành<br>Trung                                       | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                   | 3.300.000  | <b>KBNN</b> |
| 76 |  | Hội cựu giáo chức xã<br>Trường Hòa                               | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                   | 3.500.000  | <b>KBNN</b> |
| 77 |  | Tập thể CBGVNV và<br>học sinh Trường THCS<br>Lý Tự Trọng         | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                   | 27.739.000 | <b>KBNN</b> |
| 78 |  | Tập thể CBGVNV trường<br>Mầm non Ban Mai                         | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                   | 1.980.000  | <b>KBNN</b> |
| 79 |  | Ngô Linh Vũ                                                      | xã Trường Tây,<br>thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 300.000    | <b>KBNN</b> |
| 80 |  | Võ Hoàng Minh                                                    | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                   | 200.000    | <b>KBNN</b> |
| 81 |  | Trường Mầm non Sơn Ca                                            | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                   | 9.860.000  | <b>KBNN</b> |
| 82 |  | Lê Vũ Chương                                                     | xã Trường Tây,<br>thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 500.000    | <b>KBNN</b> |
| 83 |  | Nguyễn Thị Kim Nhàn                                              | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                   | 300.000    | <b>KBNN</b> |
| 84 |  | Hội nạn nhân chất độc da<br>cam xã Trường Tây                    | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh                   | 200.000    | <b>KBNN</b> |

|     |  |                                                              |                               |            |             |
|-----|--|--------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------|-------------|
| 85  |  | Nguyen Dang Thi Thanh                                        | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 200.000    | <b>KBNN</b> |
| 86  |  | Tập thể CBGVNV và<br>học sinh Trường THCS<br>Trần Bình Trọng | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 10.810.000 | <b>KBNN</b> |
| 87  |  | PHHS Trường Mầm non<br>Thái Dương                            | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 2.322.000  | <b>KBNN</b> |
| 88  |  | Hội đồng y phường Long<br>Thành Bắc                          | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 500.000    | <b>KBNN</b> |
| 89  |  | PHHS Trường Mầm non<br>Ong Vàng                              | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 2.520.000  | <b>KBNN</b> |
| 90  |  | Cơ sở bánh kẹo Phước<br>Thắng                                | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 1.000.000  | <b>KBNN</b> |
| 91  |  | Nguyễn Phương Đông                                           | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 200.000    | <b>KBNN</b> |
| 92  |  | Ban chấp hành Hội<br>LHPN xã Trường Tây                      | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 2.200.000  | <b>KBNN</b> |
| 93  |  | Cá nhân chuyển tiền theo<br>chứng từ số<br>CT24093009109181  | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 500.000    | <b>KBNN</b> |
| 94  |  | Trường tiểu học Phạm<br>Hùng                                 | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 2.520.000  | <b>KBNN</b> |
| 95  |  | Tập thể CBGVNV và<br>học sinh trường THCS<br>Nguyễn Văn Linh | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 13.818.000 | <b>KBNN</b> |
| 96  |  | Trường tiểu học Nguyễn<br>Lương Bằng                         | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 2.650.000  | <b>KBNN</b> |
| 97  |  | Lãi từ Ngân hàng CSXH                                        | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 5.736      | <b>KBNN</b> |
| 98  |  | Trường tiểu học Phạm<br>Hùng                                 | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 9.101.000  | <b>KBNN</b> |
| 99  |  | CĐCS xã Trường Đông                                          | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 6.200.000  | <b>KBNN</b> |
| 100 |  | Học sinh trường tiểu học<br>Lê Hồng Phong                    | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 1.155.000  | <b>KBNN</b> |
| 101 |  | phường Long Thành<br>Trung                                   | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 17.060.000 | <b>KBNN</b> |
| 102 |  | trường THCS Nguyễn<br>Huệ                                    | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 3.710.000  | <b>KBNN</b> |
| 103 |  | Trường tiểu học Lê Lai                                       | thị xã Hòa<br>Thành, Tây Ninh | 10.324.000 | <b>KBNN</b> |

|     |  |                                                                                         |                                                                                                  |            |             |
|-----|--|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|
| 104 |  | Trường THCS Suối Đá,<br>huyện Dương Minh Châu                                           |                                                                                                  | 10.760.000 | <b>KBNN</b> |
| 105 |  | Hội Người cao tuổi xã<br>Phước Ninh, huyện<br>Dương Minh Châu                           |                                                                                                  | 3.000.000  | <b>KBNN</b> |
| 106 |  | MTTQ xã Chà Là,<br>huyện Dương Minh Châu                                                |                                                                                                  | 2.500.000  | <b>KBNN</b> |
| 107 |  | Người lao động CĐCS<br>Công ty Hiệp Phát,<br>huyện Dương Minh Châu                      |                                                                                                  | 8.750.000  | <b>KBNN</b> |
| 108 |  | Trường Tiểu học Ninh<br>Hưng, huyện Dương<br>Minh Châu                                  | Trường Tiểu<br>học Ninh<br>Hưng, huyện<br>Dương Minh<br>Châu                                     | 7.300.000  | <b>KBNN</b> |
| 109 |  | Trường Mẫu giáo Lộc<br>Ninh, huyện Dương<br>Minh Châu                                   | Trường Mẫu<br>giáo Lộc Ninh,<br>huyện Dương<br>Minh Châu                                         | 3.519.122  | <b>KBNN</b> |
| 110 |  | Trường Tiểu học và<br>THCS xã Phan, huyện<br>Dương Minh Châu                            | Trường Tiểu<br>học và THCS<br>xã Phan, huyện<br>Dương Minh<br>Châu                               | 16.782.000 | <b>KBNN</b> |
| 111 |  | Hội Chữ Thập đỏ huyện<br>Dương Minh Châu                                                | Hội Chữ Thập<br>đỏ huyện<br>Dương Minh<br>Châu                                                   | 520.000    | <b>KBNN</b> |
| 112 |  | UBMTTQVN<br>Thị trấn DMC, huyện<br>Dương Minh Châu                                      | UBMTTQVN<br>Thị trấn DMC,<br>huyện Dương<br>Minh Châu                                            | 9.900.000  | <b>KBNN</b> |
| 113 |  | Xã Phước Minh, huyện<br>Dương Minh Châu                                                 | Xã Phước<br>Minh, huyện<br>Dương Minh<br>Châu                                                    | 4.000.000  | <b>KBNN</b> |
| 114 |  | Hội Cựu Giáo chức xã<br>Bàu Năng, huyện Dương<br>Minh Châu                              | Hội Cựu Giáo<br>chức xã Bàu<br>Năng, huyện<br>Dương Minh<br>Châu                                 | 1.200.000  | <b>KBNN</b> |
| 115 |  | Cô Linh Huệ - Phó Hiệu<br>trưởng Trường TH và<br>THCS xã Phan, huyện<br>Dương Minh Châu | Cô Linh Huệ -<br>Phó Hiệu<br>trưởng Trường<br>TH và THCS<br>xã Phan, huyện<br>Dương Minh<br>Châu | 1.000.000  | <b>KBNN</b> |

|     |  |                                                                      |                                                                               |             |             |
|-----|--|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|
| 116 |  | Ủy ban MTTQ Việt Nam<br>Thị trấn DMC, huyện<br>Dương Minh Châu       | Ủy ban MTTQ<br>Việt Nam Thị<br>trấn DMC,<br>huyện Dương<br>Minh Châu          | 500.000     | <b>KBNN</b> |
| 117 |  | Viện Kiểm sát huyện<br>Dương Minh Châu                               | Viện Kiểm sát<br>huyện Dương<br>Minh Châu                                     | 4.491.000   | <b>KBNN</b> |
| 118 |  | Tập thể HDSP Trường<br>Mầm non Hướng Dương,<br>huyện Dương Minh Châu | Tập thể HDSP<br>Trường Mầm<br>non Hướng<br>Dương, huyện<br>Dương Minh<br>Châu | 4.050.000   | <b>KBNN</b> |
| 119 |  | Huyện Gò Dầu vận động                                                |                                                                               | 249.867.755 | <b>KBNN</b> |
| 121 |  | BCH Trường Mn Long<br>chữ Bến Cầu                                    |                                                                               | 774.000     | <b>TM</b>   |
| 122 |  | Công đoàn Trường Mn<br>Long Chữ Bến Cầu                              |                                                                               | 4.092.000   | <b>TM</b>   |
| 123 |  | Trường Mn Long Chữ<br>Bến Cầu                                        |                                                                               | 1.686.000   | <b>TM</b>   |
| 124 |  | MTTQ xã Long Chữ Bến<br>Cầu                                          |                                                                               | 25.330.000  | <b>TM</b>   |
| 125 |  | MTTQ Thị Trấn Bến Cầu                                                |                                                                               | 6.150.000   | <b>TM</b>   |
| 126 |  | Bộ Khoa học và Công<br>nghệ tỉnh                                     |                                                                               | 5.640.000   | <b>TM</b>   |
| 127 |  | Hội CED phường 3, TT<br>TN                                           |                                                                               | 2.150.000   | <b>TM</b>   |
|     |  | <b>Tổng ngày 11/10/2024</b>                                          |                                                                               | #####       |             |
|     |  | <b>Tổng cộng Lũy Kế</b>                                              |                                                                               | #####       |             |

**\*Ghi chú:**

**Tổng thu lũy kế đến ngày 11/10/2024: là 2264  
đơn vị + các nhân thu được là 19.093.668.004  
đồng**

























































từ lúc 15h ngày 13.9















































































































































